



HAGL Agrico



VẬN HỘI MỚI

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017

TRIẾT LÝ KINH DOANH

Một doanh nghiệp được đánh giá cao là một doanh nghiệp phải tạo lập được sự an toàn và ổn định trong hoạt động của mình; Tạo ra lợi nhuận bền vững; Và thị phần liên tục được mở rộng và tăng trưởng.

SỨ MỆNH

Áp dụng công nghệ cao trong nông nghiệp để khai thác tiềm năng đất đai nhằm tạo ra các hàng hóa nông nghiệp hữu ích cho cuộc sống. Thực hiện chế độ đãi ngộ thỏa đáng về vật chất và tinh thần nhằm khuyến khích cán bộ công nhân viên tạo ra nhiều giá trị mới cho khách hàng, Cổ đông và toàn xã hội.

TẦM NHÌN

Trở thành Công ty hàng đầu Việt Nam và khu vực trong lĩnh vực nông nghiệp.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Tôn trọng: Tôn trọng bản thân; Tôn trọng đồng nghiệp; Tôn trọng Công ty; Tôn trọng đối tác; Hợp tác trong sự tôn trọng.

Tuân thủ: Tuân thủ luật pháp và các quy định của Việt Nam, Lào, Campuchia. Tuân thủ quy định, chính sách của Công ty.

Sẵn sàng vượt khó: Sẵn sàng đối đầu với thử thách, nỗ lực và quyết tâm tìm mọi giải pháp để vượt qua.

MỤC LỤC

04

Thông tin chung	04
Chỉ số tài chính cơ bản	06
Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	08
Quá trình hình thành và phát triển	10

12

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	12
Sản phẩm tiêu biểu	14

20

Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	20
Công ty con và liên kết	22
Định hướng phát triển	24
Các yếu tố rủi ro	26

28

Thành viên ban điều hành	28
+ Hội đồng Quản trị	
+ Ban Tổng Giám Đốc	
+ Ban Kiểm soát	

38

Tình hình hoạt động trong năm	38
+ Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	
+ Cơ cấu lao động	
+ Chính sách cho người lao động	
Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án	42
Tình hình tài chính	44
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	45

46

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	46
---	----

52

Báo cáo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc	52
+ Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	
+ Tình hình tài chính	
+ Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	
+ Kế hoạch phát triển trong tương lai	

59

Báo cáo đánh giá của Hội đồng Quản trị	59
+ Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các hoạt động của Công ty	
+ Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty	
+ Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị	

Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát	62
-------------------------------------	----

65

Quản trị Công ty	65
+ Các giao dịch của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát	
+ Hội đồng Quản trị	
+ Hoạt động của Hội đồng Quản trị	

68

Báo cáo tài chính	68
-------------------	----

Trong tương lai **HAGL Agrico** sẽ trở thành một trong những Công ty nông nghiệp đẳng cấp Châu Á và hàng đầu Việt Nam!

THÔNG TIN CHUNG

Công ty cổ phần Nông nghiệp Quốc tế
Hoàng Anh Gia Lai



Tên Công ty tiếng Việt:

Công ty cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Tên Công ty tiếng Anh:

Hoang Anh Gia Lai Agricultural Joint Stock Company

Tên viết tắt:

HAGL AGRICO

Số điện thoại: (84.269) 222 2283

Fax: (84.269) 222 2218

Website: www.haagrico.com.vn

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp thay đổi lần lần thứ 16 ngày 30/03/2018, cấp lần đầu ngày 26/05/2010

Địa chỉ trụ sở chính:

15 Trường Chinh, Phường Phù Đổng,
Thành phố Pleiku,
Tỉnh Gia Lai, Việt Nam



Vốn điều lệ:
(Vốn đầu tư của
Chủ sở hữu)
8.868.438.950.000 VND



Mã Cổ phiếu:
HNG



Mệnh giá Cổ phần:
10.000 VND



Tổng số Cổ phần:
886.843.895

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CƠ BẢN

\$32.282
TỔNG NGUỒN VỐN (TỶ)

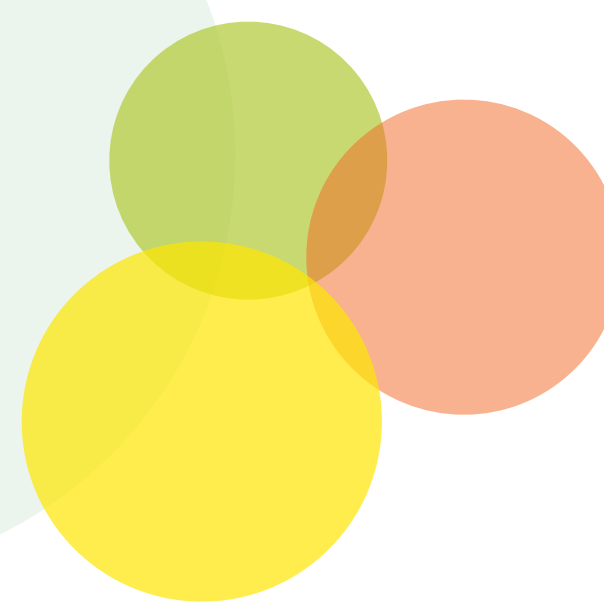
ĐVT: Tỷ đồng

Kết thúc 31/12	2017	2016	2015	2014	2013	2012
KẾT QUẢ KINH DOANH						
Tổng doanh thu	3.321	4.785	4.731	2.212	1.630	134
Doanh thu thuần	3.321	4.784	4.731	2.212	1.630	134
Lợi nhuận gộp	1.215	160	1.237	1.028	915	40
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	668	(839)	823	670	681	2
Lãi/lỗ khác	(227)	(807)	(108)	78	(2)	1
Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết	(28)	15				
Lợi nhuận trước thuế	441	(1.647)	715	747	679	2
Lợi nhuận sau thuế	530	(1.778)	744	736	685	3
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ doanh thu thuần	16%					
Lãi trên cổ phiếu (VND)	688	(2.297)	1.176	1.233	1.574	(20)
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN						
Tài sản ngắn hạn	4.417	6.475	7.221	4.732	3.342	3.577
Tài sản dài hạn	27.866	28.520	19.515	12.392	9.899	6.994
Tổng tài sản	32.282	34.995	26.736	17.124	13.241	10.571
Vay và nợ ngắn hạn	1.725	2.658	3.127	3.728	690	165
Nợ ngắn hạn khác	4.876	3.664	3.903	2.554	1.425	724
Vay và nợ dài hạn	12.436	17.433	9.109	3.621	4.779	4.371
Nợ dài hạn khác	3.092	1.516	848	366	143	0
Tổng nợ phải trả	22.129	25.272	16.987	10.269	7.037	5.260
Vốn chủ sở hữu	10.152	9.663	9.654	6.833	6.182	5.225
Lợi ích cổ đông thiểu số	51	60	95	22	22	86
Tổng nguồn vốn	32.282	34.995	26.736	17.124	13.241	10.571

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CƠ BẢN (tiếp theo)

ĐVT: Tỷ đồng

Kết thúc 31/12 (tiếp theo)	2017	2016	2015	2014	2013	2012
LƯU CHUYỂN DÒNG TIỀN						
Lợi nhuận trước thuế	441	(1.647)	715	747	679	2
Khấu hao và hao mòn	971	727	333	208	143	37
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	917	(280)	1.366	1.134	981	40
Dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	1.236	(2)	1.378	(559)	547	320
Dòng tiền thuần từ hoạt động đầu tư	1.033	(6.489)	(6.458)	(1.802)	(3.803)	(2.922)
Dòng tiền thuần từ hoạt động tài chính	(2.527)	6.472	5.365	2.258	1.883	3.747
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	53	311	332	47	150	1.524





ÔNG ĐOÀN NGUYỄN ĐỨC
CHỦ TỊCH HĐQT

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

Kính thưa Quý Cổ đông và Nhà đầu tư!

Từ năm 2016, Công ty cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (HAGL Agrico, Công ty) đã chuyển đổi chiến lược kinh doanh, khẳng định lĩnh vực kinh doanh cốt lõi là ngành trồng trọt với trọng tâm là sản xuất cây ăn trái để tham gia chuỗi giá trị toàn cầu với quy mô thị trường tiêu thụ lớn, tốc độ tăng trưởng mạnh mẽ, thời gian thu hoạch nhanh và hiệu quả kinh tế trên diện tích khai thác cao. Bên cạnh đó, Công ty duy trì vườn cây cao su cho tương lai dài hạn và ngành chăn nuôi bò thịt để hỗ trợ nguồn phân bón cho ngành trồng trọt.

Với lợi thế về quỹ đất rộng lớn và cơ sở hạ tầng đã được đầu tư tương đối hoàn chỉnh, Công ty đã mở rộng có chọn lọc một số diện tích đất chưa khai thác hết để trồng cây ăn trái từ năm 2016. Một số loại cây tiêu biểu như chanh dây, chuối và thanh long đã được thu hoạch trong năm 2017, mang lại doanh thu 1.618 tỷ đồng, đóng góp 48,71% trong tổng doanh thu của Công ty. Thị trường tiêu thụ các sản phẩm cây ăn trái của HAGL Agrico là Trung Quốc, Thái Lan và một phần là thị trường nội địa.

Năm 2017 vừa qua, HAGL Agrico tiếp tục kiên trì thực hiện chiến lược bằng các hoạt động chuyển đổi diện tích cây trồng, đa dạng hóa sản phẩm, tích cực khai thác thị trường tiêu thụ trái cây tiềm năng nhất thế giới hiện tại là Trung Quốc. Bên cạnh đó, giá mủ cao su dần phục hồi là đòn bẩy để Công ty tiếp tục khai thác các vườn cây cao su đến tuổi. Qua đó, Công ty đã đạt được những kết quả đáng khích lệ với lợi nhuận sau thuế đạt 530 tỷ đồng so với mức lỗ của năm 2016.

Bước sang năm 2018, năm thứ 3 trong tiến trình thực hiện đề án tái cấu trúc giai đoạn 2016 – 2026, Công ty vẫn kiên trì triển khai chiến lược đã đặt ra. Các mục tiêu chiến lược trọng yếu năm 2018 là:

- Mục tiêu quan trọng nhất là nâng diện tích cây ăn trái để nâng doanh số đảm bảo hoạt động trái cây có lãi.
- Thu hoạch vườn cây cao su để đảm bảo hoạt động cao su tự trang trải được toàn bộ chi phí vận hành và trả lãi.
- Bắt đầu triển khai các chương trình áp dụng thông lệ tốt nhất trong quản trị, điều hành để kiểm soát năng suất và chất lượng sản phẩm trái cây.

Chúng tôi hy vọng trong thời gian gần nhất chúng ta có thể cùng nhau thu hái những quả ngọt – thành quả mà chúng ta xứng đáng nhận được từ những khoản đầu tư dài hạn Công ty đã theo đuổi trong thời gian qua!

- Hoàn thành cơ bản việc tái cấu trúc các khoản nợ, thanh lý các mảng hoạt động không cốt lõi, đàm phán để chuyển đổi và hoán đổi một số khoản nợ thành vốn cổ phần và giảm lãi suất áp dụng cho các khoản vay để có thể tập trung nguồn lực vào hoạt động sản xuất kinh doanh, khai thác tối đa những lợi thế trong ngành nông nghiệp mà Công ty đang sở hữu.

- Thực hiện các chương trình trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp như cam kết.

Với tầm nhìn đưa HAGL Agrico trở thành một trong những Công ty nông nghiệp đẳng cấp Châu Á và hàng đầu Việt Nam, chúng tôi sẽ tiếp tục mở rộng diện tích trồng cây ăn trái, chọn lọc danh mục sản phẩm hiệu quả, kiện toàn cơ chế quản trị và bộ máy quản lý theo hướng chuyên nghiệp hóa và chuyên môn hóa để tối ưu trong sử dụng nguồn nhân lực và tài sản của Công ty.

Chúng tôi sẽ cố gắng hoàn thiện công tác quản trị rủi ro và tài chính, từng bước đẩy mạnh đầu tư ứng dụng cơ giới hóa và kỹ thuật cao, áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế để sản phẩm của HAGL Agrico có thể được xuất khẩu đến nhiều thị trường, đa dạng thị trường tiêu thụ. Đồng thời, Công ty cũng từng bước thực hiện các mục tiêu chiến lược và hoàn thành chuyển đổi chiến lược kinh doanh nhằm mang lại giá trị cao nhất cho cổ đông,

đem lại thu nhập cao và môi trường làm việc tốt cho người lao động, đóng góp công sức vào việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của cả 3 nước Việt Nam, Lào và Campuchia.

Thay mặt HĐQT và Ban điều hành, chúng tôi xin gửi lời cảm ơn đến Quý cổ đông và Quý nhà đầu tư đã đồng hành và chia sẻ các mục tiêu chiến lược cùng HAGL Agrico, cảm ơn các Ngân hàng, đối tác kinh doanh và toàn thể cán bộ công nhân viên đã cùng HAGL Agrico nỗ lực vượt qua khó khăn và thách thức trong những năm chuyển đổi vừa qua.

Chúng tôi hy vọng trong thời gian gần nhất chúng ta có thể cùng nhau thu hái những quả ngọt – thành quả mà chúng ta xứng đáng nhận được từ những khoản đầu tư dài hạn Công ty đã theo đuổi trong thời gian qua.

Chủ tịch HĐQT

ĐOÀN NGUYỄN ĐỨC

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Những Sự kiện tiêu biểu

2010

Thành lập Công ty cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai.



2011

Ký hợp đồng thuê đất với Chính phủ Lào và Campuchia, mở rộng hoạt động đầu tư ra nước ngoài.



2012

- Khởi công xây dựng cụm công nghiệp mía đường tại tỉnh Attapeu.
- Khởi công xây dựng nhà máy chế biến mủ cao su, công suất 25.000 tấn/năm tại tỉnh Attapeu.



2013

- Khánh thành cụm công nghiệp mía đường và nhà máy chế biến mủ cao su.
- Động thổ dự án sân bay Quốc tế Nong Khang, tỉnh Hủa Phăn, Lào vào ngày 14/03/2013.



2014

- Hoàn thành việc trồng trọt 38.428 ha cao su tại Việt Nam, Lào và Campuchia.
- Tham gia lĩnh vực chăn nuôi bò thịt.
- Khởi công xây dựng nhà máy dầu cọ công suất 45 tấn buồng quả tươi/giờ tại Campuchia.



2015

- Tháng 4 năm 2015, Công ty đổi tên từ Công ty cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai thành Công ty cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai.
- Tháng 5 năm 2015, Công ty khánh thành và bàn giao Sân bay quốc tế Hoàng Anh Attapeu.
- Niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ngày 10/7/2015.



2016

- Thực hiện đề án Tái cấu trúc tổng thể Công ty cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai.
- Phát triển dự án trồng cây chanh dây. Tham gia chuỗi giá trị xuất khẩu quả chanh dây có nguồn gốc từ Lào và Việt Nam.
- Triển khai trồng thanh long, chuối và hơn mười loại cây ăn trái khác.



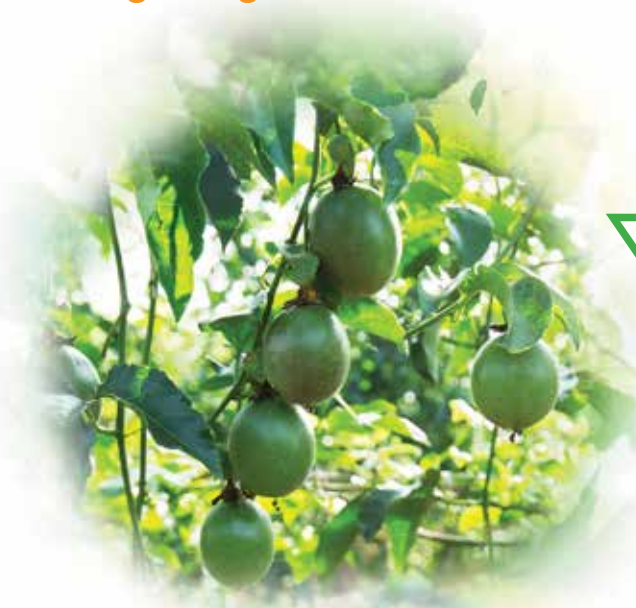
2017

- Tiến hành thu hoạch thanh long và chuối.
- Ký hợp tác chiến lược về việc hệ thống siêu thị Bách Hóa Xanh của Công ty cổ phần Thế Giới Di Động sẽ tiêu thụ sản phẩm trái cây của HAGL Agrico



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

a. Ngành nghề kinh doanh



Trồng cây ăn trái:

Tận dụng quỹ đất dồi dào tại Việt Nam, Lào và Campuchia, HAGL Agrico đã triển khai trồng hơn 18 loại trái cây từ năm 2016. Trong đó, tiêu biểu các loại cây như chanh dây, thanh long và chuối đã đi vào khai thác. Đây là các loại cây ăn trái phù hợp khí hậu nhiệt đới, ngắn ngày và mang lại giá trị cao. Trong những năm tới, mảng trái cây là trọng điểm chính trong cơ cấu hoạt động kinh doanh của Công ty.

Chăn nuôi bò thịt:

Công ty bắt đầu hoạt động trong lĩnh vực chăn nuôi bò thịt từ giữa năm 2014 và chọn giống bò Brah-man Úc làm sản phẩm chính của Công ty. Đây là ngành có thể tận dụng được nguồn phân bón hữu cơ để bón cho cây trồng.



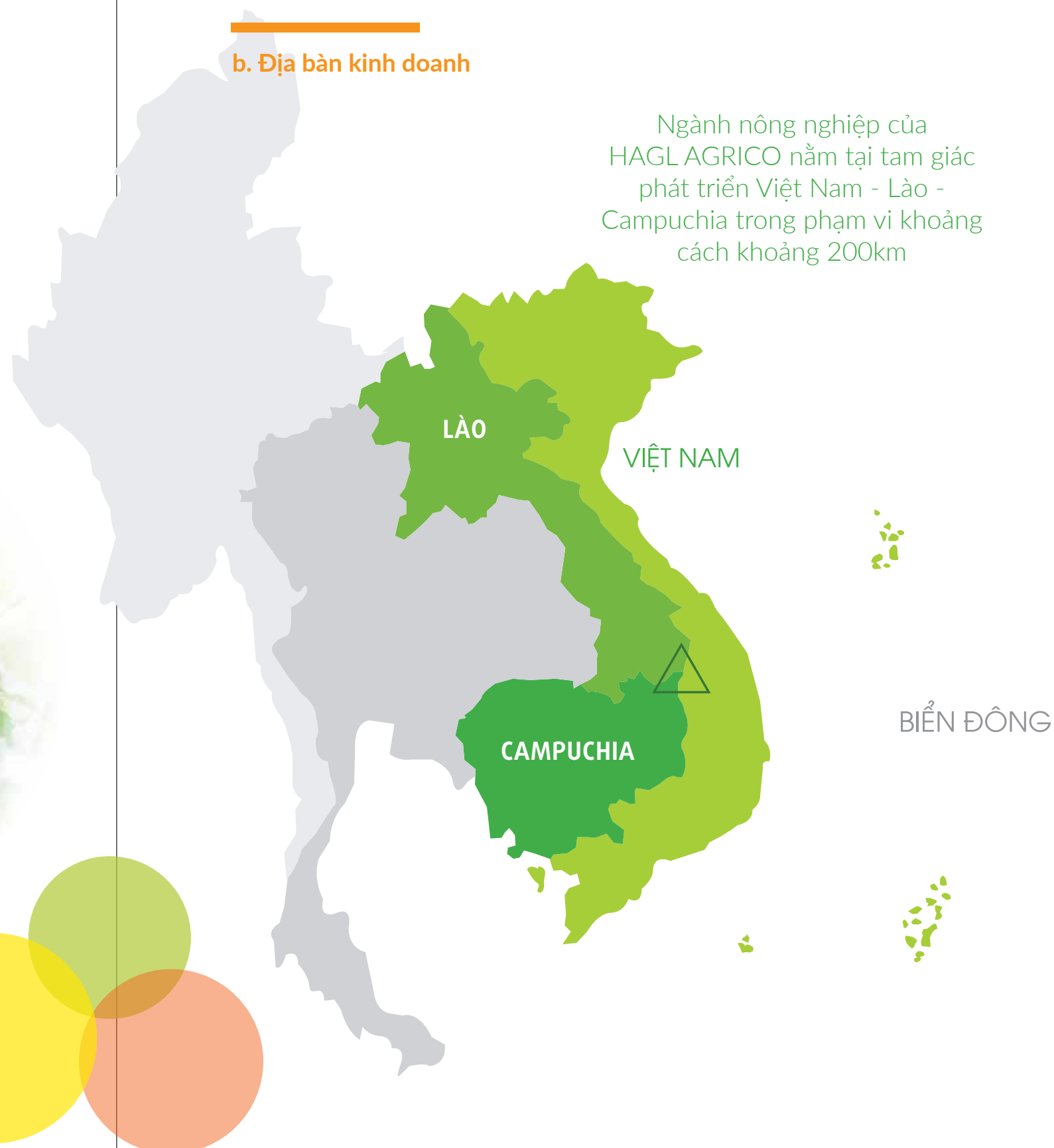
Trồng và chế biến mủ cao su:

Mảng trồng và chế biến mủ cao su đã được Công ty đầu tư từ năm 2008. Tổng diện tích vườn cao su tại 31/12/2017 của HAGL Agrico là 46.916 ha.



b. Địa bàn kinh doanh

Ngành nông nghiệp của HAGL AGRICO nằm tại tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Campuchia trong phạm vi khoảng cách khoảng 200km



SẢN PHẨM TIÊU BIỂU



CAO SU

Tính tới 31/12/2017, tổng diện tích cao su của Công ty là 46.916 ha, trong đó 20.049 ha tại Lào, 5.078 ha tại Việt Nam và 21.789 ha tại Campuchia. Trong năm 2017, Công ty đã khai thác 10.279 ha, thu được 14.456 tấn mủ cao su.

CHANH DÂY

Là loại cây mang lại doanh thu và lợi nhuận đáng kể cho Công ty trong năm 2017. Tính tới 31/12/2017, diện tích của chanh dây là 100 ha, được trồng tại Lào. Chanh dây tươi hiện được xuất khẩu sang các thị trường Trung Quốc, Châu Âu và Thái Lan.



SẢN PHẨM TIÊU BIỂU

(TIẾP THEO)



THANH LONG

HAGL Agrico đã trồng 1.375 hecta thanh long tại Việt Nam, Lào và Campuchia. Nhờ nguồn phân hữu cơ dồi dào, công nghệ tưới nhỏ giọt Israel và quy trình chăm sóc theo tiêu chuẩn GlobalGAP, các vườn thanh long trồng đều sinh trưởng đạt kỳ vọng ban đầu.

CHUỐI

Tổng diện tích vườn chuối của HAGL Agrico tính tới 31/12/2017 là 2.061 ha. Các lô hàng chuối đầu tiên đã được xuất khẩu qua cả đường biển, đường bộ và đang được tiêu thụ tại các siêu thị lớn tại Trung Quốc và qua hệ thống Bách Hóa Xanh ở Việt Nam. Công ty đang đàm phán với nhiều đối tác nhập khẩu chuối ở các thị trường lớn như Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc để tiêu thụ dài hạn số lượng lớn sản phẩm chuối HAGL Agrico.



SẢN PHẨM TIÊU BIỂU

(TIẾP THEO)



ỚT

Diện tích trồng ớt của HAGL Agrico là 927 ha và bắt đầu thu hoạch vào quý IV năm 2017.

MÍT

Công ty đang trồng mít giống Thái Lan với tổng diện tích trồng là 771 ha. Công ty dự kiến sẽ thu hoạch mít trong năm 2018.

XOÀI

Công ty chọn lọc các giống xoài năng suất cao như giống xoài cát Hòa Lộc, giống Đài Loan và Thái Lan để trồng tại Việt Nam, Lào và Campuchia với tổng diện tích đã trồng là 2.610 ha. Trong Quý I/2018 Công ty đã tiến hành thu hoạch trái bói.

CHĂN NUÔI BÒ THỊT

Đối với chăn nuôi bò, HAGL Agrico hiện chỉ duy trì khoảng 13.000 con. Tuy biên lợi nhuận của mảng chăn nuôi bò thời điểm hiện tại không cao, nhưng đây là một lợi thế quan trọng để hợp thành chuỗi nông nghiệp khép kín của Công ty khi cung cấp lượng phân hữu cơ rất lớn cho vườn cây ăn trái đạt hiệu quả cao và tuân thủ tiêu chuẩn GlobalGAP.



THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Cơ cấu bộ máy quản lý



CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

09 CÔNG TY CON
TẠI VIỆT NAM

10 CÔNG TY CON
TẠI CAMPUCHIA

02 CÔNG TY CON
TẠI LÀO

02 CÔNG TY
LIÊN KẾT



a. Công ty con

01. Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh

Trụ sở: Attapeu, Lào
Vốn điều lệ: 40 triệu USD
Tỷ lệ sở hữu: 97,77%

Lĩnh vực kinh doanh: Trồng, thu hoạch và chế biến mủ cao su

02. Công ty cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh

Trụ sở: Gia Lai, Việt Nam
Vốn điều lệ: 200 tỷ VND
Tỷ lệ sở hữu: 97,77%

Lĩnh vực kinh doanh: Trồng rừng và chăm sóc rừng; Trồng cây cao su, trồng mía; Chăn nuôi bò

03. Công ty cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk

Trụ sở: Đắk Lắk, Việt Nam
Vốn điều lệ: 320 tỷ VND
Tỷ lệ sở hữu: 99,53%

Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh bất động sản; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Trồng cây cao su, hồ tiêu, cà phê

04. Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu

Trụ sở: Attapeu, Lào
Vốn điều lệ: 85 triệu USD
Tỷ lệ sở hữu: 100%

Lĩnh vực kinh doanh: Trồng, thu hoạch và chế biến mủ cao su; Trồng và chế biến dầu cọ

05. Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri

Trụ sở: Ratanakiri, Campuchia
Vốn điều lệ: 16 triệu USD
Tỷ lệ sở hữu: 100%

Lĩnh vực kinh doanh: Trồng, thu hoạch và chế biến mủ cao su

06. Công ty TNHH Heng Brothers

Trụ sở: Ratanakiri, Campuchia
Vốn điều lệ: 17 triệu USD
Tỷ lệ sở hữu: 100%

Lĩnh vực kinh doanh: Trồng, thu hoạch và chế biến mủ cao su

07. Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav

Trụ sở: Ratanakiri, Campuchia
Vốn điều lệ: 67 triệu USD
Tỷ lệ sở hữu: 100%

Lĩnh vực kinh doanh: Trồng, thu hoạch và chế biến mủ cao su

08. Công ty TNHH CRD

Trụ sở: Ratanakiri, Campuchia
Vốn điều lệ: 57 triệu USD
Tỷ lệ sở hữu: 100%

Lĩnh vực kinh doanh: Trồng, thu hoạch và chế biến mủ cao su

09. Công ty TNHH Hoàng Anh Andong Meas

Trụ sở: Ratanakiri, Campuchia
Vốn điều lệ: 42,5 triệu USD
Tỷ lệ sở hữu: 97,77%

Lĩnh vực kinh doanh: Trồng và chế biến dầu cọ

10. Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai

Trụ sở: Gia Lai, Việt Nam
Vốn điều lệ: 100 tỷ VND
Tỷ lệ sở hữu: 100%

Lĩnh vực kinh doanh: Xuất nhập khẩu các sản phẩm được sản xuất từ mía, đường, dầu cọ, cao su; Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng, buôn bán máy móc thiết bị và phụ tùng khác

11. Công ty cổ phần Bò Sữa Tây Nguyên

Trụ sở: Gia Lai, Việt Nam
Vốn điều lệ: 550 tỷ VND
Tỷ lệ sở hữu: 99%

Lĩnh vực kinh doanh: Chăn nuôi bò; Hoạt động dịch vụ chăn nuôi, hoạt động dịch vụ trồng trọt

12. Công ty cổ phần Đông Pênh

Trụ sở: Gia Lai, Việt Nam
Vốn điều lệ: 200 tỷ VND
Tỷ lệ sở hữu: 99,90%

Lĩnh vực kinh doanh: Trồng cây cao su, cây có hạt, quả chứa dầu

13. Công ty cổ phần An Đông Mía

Trụ sở: Gia Lai, Việt Nam
Vốn điều lệ: 200 tỷ VND
Tỷ lệ sở hữu: 70%

Lĩnh vực kinh doanh: Trồng cây cao su, cây có hạt, quả chứa dầu

14. Công ty TNHH Hoàng Anh Lumphat

Trụ sở: Ratanakiri, Campuchia
Vốn điều lệ: 44,24 triệu USD
Tỷ lệ sở hữu: 70%

Lĩnh vực kinh doanh: Trồng cây cao su, cây cọ dầu và xây dựng nhà máy chế biến dầu cọ

15. Công ty TNHH Duan Penh Agrico

Trụ sở: Ratanakiri, Campuchia
Vốn điều lệ: 1 triệu USD
Tỷ lệ sở hữu: 99,90%

Lĩnh vực kinh doanh: Trồng cây cọ dầu và xây dựng nhà máy chế biến dầu cọ

16. Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương

Trụ sở: Tp.HCM, Việt Nam
Vốn điều lệ: 1.465 tỷ VND
Tỷ lệ sở hữu: 100%

Lĩnh vực kinh doanh: Trồng cây cao su và chế biến các sản phẩm từ cao su; trồng rừng và chăm sóc rừng; Xây dựng nhà, công trình dân dụng; bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác; Vận tải hàng hoá

17. Công ty TNHH Đầu tư Cao su Đông Âu

Trụ sở: Tp.HCM, Việt Nam
Vốn điều lệ: 300 tỷ VND
Tỷ lệ sở hữu: 100%

Lĩnh vực kinh doanh: Trồng cây cao su và chế biến các sản phẩm từ cao su; trồng rừng và chăm sóc rừng; bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác; Vận tải hàng hoá

18. Công ty TNHH Cao su Eastern (Cambodia)

Trụ sở: Kratie, Campuchia
Vốn điều lệ: 49 triệu USD
Tỷ lệ sở hữu: 100%

Lĩnh vực kinh doanh: Trồng cây cao su và xây dựng nhà máy chế biến mủ cao su

19. Công ty TNHH Cao su Bình Phước Kratie 2

Trụ sở: Kratie, Campuchia
Vốn điều lệ: 49 triệu USD
Tỷ lệ sở hữu: 100%

Lĩnh vực kinh doanh: Trồng cây cao su và xây dựng nhà máy chế biến mủ cao su

20. Công ty TNHH Sovann Vuthy

Trụ sở: Kratie, Campuchia
Vốn điều lệ: 20 triệu USD
Tỷ lệ sở hữu: 100%

Lĩnh vực kinh doanh: Trồng, thu hoạch và chế biến mủ cao su

21. Công ty cổ phần Cao su Trung Nguyên

Trụ sở: Gia Lai, Việt Nam
Vốn điều lệ: 820,8 tỷ VND
Tỷ lệ sở hữu: 99,91%

Lĩnh vực kinh doanh: Trồng và thu hoạch mủ cao su; Trồng các loại cây ăn trái

b. Công ty liên kết

01. Công ty cổ phần Cao su Bidiphar

Giá trị đầu tư: 297,14 tỷ VND
Tỷ lệ sở hữu: 49,14%

Lĩnh vực kinh doanh: Trồng cây cao su

02. Công ty cổ phần Chăn nuôi Gia Lai

Giá trị đầu tư: 564,34 tỷ VND
Tỷ lệ sở hữu: 23,46%

Lĩnh vực kinh doanh: Chăn nuôi bò.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

01. Chiến lược kinh doanh

Sử dụng công nghệ cao trong nông nghiệp để tiết kiệm tài nguyên và tạo ra sự khác biệt

Định vị là Công ty nông nghiệp đẳng cấp khu vực Châu Á và hàng đầu Việt Nam.

Sản phẩm chủ lực là cao su, chuối, thanh long, xoài, mít và bưởi. Từng bước phát triển các sản phẩm nông nghiệp.

Lợi ích cốt lõi cho khách hàng là sự an tâm đối với sản phẩm nông nghiệp mang thương hiệu HAGL Agrico do tính rõ ràng và minh bạch trong việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

02. Mục tiêu phát triển bền vững

Phát triển kinh tế gắn liền với bảo vệ môi trường và chia sẻ cho cộng đồng xã hội các giá trị lợi ích mà mình thu được từ hoạt động đầu tư và kinh doanh.

Tăng trưởng bền vững về doanh thu và lợi nhuận nhằm đảm bảo lợi ích cho cổ đông và nhà đầu tư.

Tạo việc làm ổn định cho người lao động tại địa phương.

CÁC YẾU TỐ RỦI RO

01. Rủi ro lãi suất

Hoạt động kinh doanh của Công ty có nhu cầu vốn lớn để đầu tư vào các dự án dài hạn. Phần lớn nguồn vốn này được huy động từ ngân hàng và phát hành trái phiếu doanh nghiệp với lãi suất thả nổi. Nếu lãi suất tăng cao sẽ làm tăng chi phí lãi vay và gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Biện pháp hạn chế rủi ro: Công ty chủ động xây dựng cơ cấu nợ và vốn chủ sở hữu phù hợp với từng thời kỳ của nền kinh tế và hoạt động sản xuất kinh doanh. Nhờ có mối quan hệ tốt với các ngân hàng thương mại lớn, Công ty có thể đạt được những thỏa thuận vay vốn với chi phí hợp lý. Bên cạnh việc huy động từ vốn vay và trái phiếu, Công ty còn thực hiện huy động vốn từ phát hành cổ phiếu.

02. Rủi ro tỷ giá

Hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác nhau do Công ty hoạt động trên ba quốc gia Việt Nam, Lào và Campuchia, các chi phí tại mỗi quốc gia được thanh toán bằng đồng nội tệ. Tỷ giá các đồng tiền dùng trong giao dịch chính tại Lào và Campuchia có thể tăng lên so với Việt Nam đồng, làm tăng chi phí hoạt động và ảnh hưởng đến hiệu quả lợi nhuận của Công ty.

Hiện tại, Công ty chủ yếu giao thương với Trung Quốc nên rủi ro đồng Nhân dân tệ mất giá có thể làm giảm sức cạnh tranh của hàng hoá Công ty trong nội địa.

Biện pháp hạn chế rủi ro: Nhờ vào chiến lược đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh giúp cho Công ty lấy lợi nhuận của ngành này bù cho ngành khác.

HAGL Agrico hoạt động đa ngành và trên nhiều lãnh thổ khác nhau, vì vậy có những rủi ro tiềm tàng gắn liền với đặc điểm của từng ngành, từng lãnh thổ và từng điều kiện kinh tế. Do đó, Công ty đã xác định các loại rủi ro và thực hiện các biện pháp để quản lý các rủi ro đó.

03. Rủi ro đặc thù ngành

Nông nghiệp là một ngành kinh tế đặc thù với những đặc điểm riêng biệt, chịu ảnh hưởng nhiều của các điều kiện tự nhiên và tính thời vụ.

Ngành trồng trọt: Vườn cây của Công ty có thể bị ảnh hưởng trực tiếp đến năng suất, sản lượng bởi thiên tai như bão, lốc xoáy, lũ lụt, hạn hán và sâu bệnh. Việc kiểm soát và hạn chế những loại rủi ro này là rất khó. Không chỉ vậy, các vườn trái cây của Công ty còn mang tính thời vụ rõ rệt.

Biện pháp hạn chế rủi ro: Công ty đã đa dạng hoá các loại cây trồng nhằm giảm tính thời vụ. Phòng ngừa cho những rủi ro về biến đổi tự nhiên xấu, Công ty đã mua bảo hiểm cho các vườn cây trồng của mình. Bên cạnh đó, Công ty có đội ngũ kỹ sư chuyên ngành bảo vệ thực vật sẽ thường xuyên kiểm tra, theo dõi để phát hiện xử lý kịp thời các dịch bệnh, giảm thiểu tối đa thiệt hại cho vườn cây.

Ngành chăn nuôi: Đàn gia súc có thể chịu ảnh hưởng của các loại bệnh phổ biến đối với gia súc, dẫn đến giảm số lượng và chất lượng sản phẩm, ảnh hưởng đến chi phí đầu tư và hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Biện pháp hạn chế rủi ro: Công ty đã đào tạo đội ngũ thú y có kiến thức chuyên sâu về các bệnh phổ biến của bò, đồng thời đưa ra các quy trình xử lý vệ sinh thức ăn, nước uống, chất thải nhằm hạn chế tối đa việc phát triển và lây lan của mầm bệnh.

04. Rủi ro luật pháp

Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự chi phối bởi hệ thống pháp luật, những chính sách và quy định có liên quan do chính phủ và các cơ quan địa phương ban hành tại các quốc gia mà Công ty đang hoạt động gồm Việt Nam, Lào và Campuchia.

Là một doanh nghiệp đã niêm yết cổ phần, hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Các văn bản luật và hướng dẫn dưới luật hiện đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về pháp luật và các chính sách sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.

Biện pháp hạn chế rủi ro: HAGL Agrico được phòng pháp chế trực thuộc Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Lai thường xuyên cập nhật các văn bản và thay đổi của pháp luật liên quan đến hoạt động của Công ty và phổ biến đến các bộ phận có liên quan để kịp thời dự báo và giúp Công ty hoạt động tuân thủ theo quy định pháp luật. Ngoài ra, bộ phận này còn có trách nhiệm rà soát các văn bản, hợp đồng trong những giao dịch hàng ngày của Công ty để hạn chế các rủi ro pháp lý.

05. Rủi ro môi trường

Các loại hoạt động khai hoang làm phát tán bụi đất, khí thải và mùi hôi nước thải của các nhà máy phát tán trong bầu khí quyển làm ô nhiễm bầu không khí. Việc tưới tiêu làm nguồn nước ngày càng cạn kiệt, các hoạt động bón phân, phun thuốc bảo vệ thực vật, nước thải từ các nhà máy chế biến đã làm ảnh hưởng đến nguồn nước.

Biện pháp hạn chế rủi ro: Các dự án của Công ty thực hiện xa khu dân cư, các phương tiện vận tải đất khi lưu thông luôn có bạt che đậy hoặc tưới nước. Công nhân làm việc trực tiếp tại dự án đều được trang bị các dụng cụ bảo hộ lao động để hạn chế tối đa ảnh hưởng sức khỏe. Công ty đã áp dụng hệ thống tưới nhỏ giọt để giảm thiểu sự thất thoát nước. Hạn chế tối đa việc dùng phân hoá học tại các dự án và ưu tiên sử dụng các loại thuốc sinh học thân thiện với môi trường để phòng trị sâu bệnh hại cây trồng. Các bao bì chứa hoá chất đều được xử lý đúng quy trình. Nước thải từ các nhà máy được xử lý đảm bảo các tiêu chuẩn và được tận dụng làm nước tưới tiêu cho các dự án.

06. Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro trên, những rủi ro khác cũng có thể xảy ra trong các trường hợp bất khả kháng như thiên tai, động đất, hỏa hoạn v.v. Những rủi ro này thường rất ít khi xảy ra, nhưng lại rất khó để dự báo trước, và một khi đã phát sinh thì thường gây ra thiệt hại lớn cho Công ty cả về người và tài sản, phá huỷ một phần hoặc hoàn toàn các cơ sở kinh doanh, trang trại, đồn điền. Vì thế, nhằm hạn chế tối đa ảnh hưởng, Công ty chủ động phòng ngừa bằng cách mua bảo hiểm cho các nông trường và cho cán bộ công nhân viên, bảo hiểm trách nhiệm với bên thứ ba.

THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

a. Hội đồng Quản trị



01. ÔNG ĐOÀN NGUYỄN ĐỨC
Chủ tịch HĐQT

- Năm sinh: 1963
- Quá trình công tác:
 - + Từ năm 1992 đến nay: Công tác tại Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai
- Công tác hiện nay tại HAGL Agrico: Chủ tịch HĐQT
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

01. Ông **Đoàn Nguyên Đức**
Chủ tịch HĐQT

02. Ông **Võ Trường Sơn**
Thành viên HĐQT

03. Ông **Đoàn Nguyên Thu**
Thành viên HĐQT

04. Bà **Võ Thị Mỹ Hạnh**
Thành viên HĐQT

05. Bà **Võ Thị Huyền Lan**
Thành viên HĐQT

06. Ông **Nguyễn Ngọc Ánh**
Thành viên HĐQT

07. Ông **Nguyễn Quan Anh**
Thành viên HĐQT



02. ÔNG VÕ TRƯỜNG SƠN
Thành viên HĐQT

- Năm sinh: 1973
- Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ tài chính, bằng CFA,
Cử nhân Luật, Thành viên Hiệp
hội Kế toán Công chứng Anh Quốc
(ACCA), Hội viên
Hiệp hội Kiểm toán viên
hành nghề Việt Nam (VACPA)
- Quá trình công tác:
 - + Từ tháng 8/1996 đến tháng
11/2003: Công tác tại Công ty
Kiểm toán và Tư vấn A&C
 - + Từ tháng 11/2003 đến tháng
10/2008: Chủ nhiệm kiểm toán
cao cấp tại Công ty TNHH Ernst
& Young Việt Nam
 - + Từ tháng 10/2008 đến nay:
Công tác tại Công ty Cổ phần
Hoàng Anh Gia Lai
- Công tác hiện nay tại HAGL Agrico:
Thành viên HĐQT
- Các chức vụ đang nắm giữ
tại tổ chức khác:
Thành viên HĐQT kiêm
Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần
Hoàng Anh Gia Lai



03. ÔNG ĐOÀN NGUYỄN THU
Thành viên HĐQT

- Năm sinh: 1977
- Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Kinh tế của trường Đại học
Kinh tế Tp. HCM, Thạc sĩ Quản trị kinh
doanh Đại học Fullerton, Hoa Kỳ
- Quá trình công tác:
 - + Từ năm 1999 đến năm 2000:
Công tác tại Công ty TNHH
Hoàng Anh Sài Gòn
 - + Từ năm 2003 đến năm 2004:
Công tác tại Công ty TNHH Việt May
 - + Từ năm 2004 đến năm 2006:
Công tác tại Xí nghiệp tư Doanh
Hoàng Anh
 - + Từ năm 2006 đến nay:
Công tác tại Công ty Cổ phần
Hoàng Anh Gia Lai
- Công tác hiện nay tại HAGL Agrico:
Thành viên HĐQT
- Các chức vụ đang nắm giữ
tại tổ chức khác:
Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng
Giám đốc Công ty Cổ phần
Hoàng Anh Gia Lai

THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

a. Hội đồng Quản trị (tiếp theo)



04. BÀ VÕ THỊ MỸ HẠNH
Thành viên HĐQT

- Năm sinh: 1977
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật, Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
- Quá trình công tác:
 - Từ năm 2001 đến 2006: Trưởng phòng kinh doanh của Xí nghiệp tư doanh Hoàng Anh
 - Từ năm 2006 đến 2008: Phó Giám đốc Chi nhánh Nhà máy Gỗ nội thất Hoàng Anh Gia Lai
 - Từ tháng 1 đến tháng 4/2009: Phó Phòng Kế hoạch đầu tư và Dự án của Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Lai
 - Từ tháng 4 năm 2009: Phó Giám đốc Công ty cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai
 - Từ tháng 12/2014 đến tháng 4/2017: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai
 - Từ tháng 2/2015 đến tháng 5/2017: Phó Giám đốc tài chính Bệnh viện Đại học Y dược Hoàng Anh Gia Lai
 - Từ tháng 5/2017: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai
- Công tác hiện nay tại HAGL Agrico: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Lai



05. BÀ VÕ THỊ HUYỀN LAN
Thành viên HĐQT

- Năm sinh: 1971
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Đại học Kinh tế TP.HCM, MBA Thương mại Cao cấp HEC - Pháp, Thạc sỹ Tài chính Đại học Dauphine - Pháp
- Quá trình công tác:
 - Từ năm 1996 đến năm 1998: Kế toán trưởng Công ty Prezioso
 - Từ năm 1998 đến năm 2002: Kế toán trưởng Công ty Espace Bourbon An Lạc Việt Nam
 - Từ năm 2002 đến năm 2006: Phó Tổng Giám Đốc, Giám Đốc Tài Chính hệ thống Siêu thị BigC Việt Nam
 - Từ năm 2007 đến nay: Tổng Giám đốc Jaccar Holdings
- Công tác hiện nay tại HAGL Agrico: Thành viên HĐQT
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - Tổng Giám đốc Jaccar Holdings
 - Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Bourbon Bến Lức
 - Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Mỹ Lan
 - Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần thực phẩm Agrex Sài Gòn
 - Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

01. Ông Đoàn Nguyên Đức
Chủ tịch HĐQT

02. Ông Võ Trường Sơn
Thành viên HĐQT

03. Ông Đoàn Nguyên Thu
Thành viên HĐQT

04. Bà Võ Thị Mỹ Hạnh
Thành viên HĐQT

05. Bà Võ Thị Huyền Lan
Thành viên HĐQT

06. Ông Nguyễn Ngọc Ánh
Thành viên HĐQT

07. Ông Nguyễn Quan Anh
Thành viên HĐQT



06. ÔNG NGUYỄN NGỌC ÁNH
Thành viên HĐQT

- Năm sinh: 1961
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Kỹ sư Cơ khí
- Quá trình công tác:
 - Từ năm 1984 đến năm 1989: Công tác tại Nhà máy Cơ khí Đăk Lăk
 - Từ năm 1989 đến năm 1993: Công tác tại Nhà máy Cơ khí 17-3 Thành phố Pleiku
 - Từ năm 1995 đến năm 1997: Công tác tại Công ty Mía đường Gia Lai
 - Từ năm 1997 đến năm 2002: Giám đốc Nhà máy đường Bourbon Gia Lai
 - Từ năm 2002 đến năm 2007: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Mía đường Bourbon Gia Lai
 - Từ năm 2007 đến năm 2009: Tổng giám đốc Công ty Cổ phần mía đường nhiệt điện Gia Lai
 - Từ năm 2009 đến năm 2011: Chủ tịch HĐQT Công ty mía đường nhiệt điện Gia Lai, kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Điện Gia Lai
 - Từ năm 2011 đến 2016: Giám đốc Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai, Giám đốc Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Attapeu
 - Từ tháng 12 năm 2016 đến nay: Giám đốc Công ty cổ phần Cao su Trung Nguyên, Giám đốc Chi nhánh Chế biến Hoa quả Hoàng Anh Gia Lai, thuộc Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai
- Công tác hiện nay tại HAGL Agrico: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên, Giám đốc Chi nhánh Chế biến Hoa quả Hoàng Anh Gia Lai, thuộc Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai



07. ÔNG NGUYỄN QUAN ANH
Thành viên HĐQT

- Năm sinh: 1969
- Quá trình công tác:
 - Từ năm 1993 đến năm 2005: Công tác tại Xí nghiệp Tư doanh Hoàng Anh
 - Từ năm 2006 đến năm 2009: Giám đốc Chi nhánh Nhà máy Gỗ xuất khẩu Hoàng Anh Gia Lai
 - Từ năm 2010 đến tháng 6/2012: Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Gia Lai
 - Từ năm 2013 đến 2015: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai, Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Kon Tum
 - Từ năm 2016 đến nay: Giám đốc Công ty TNHH MTV Nông nghiệp Daun Penh
- Công tác hiện nay tại HAGL Agrico: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc Công ty TNHH MTV Nông nghiệp Daun Penh

THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

b. Thành viên Ban Tổng Giám đốc



04. BÀ VÕ THỊ MỸ HẠNH
Tổng Giám đốc

(Xem thông tin trong HĐQT)

01. Bà **Võ Thị Mỹ Hạnh**
Tổng Giám đốc

02. Ông **Trịnh Xuân Nhân**
Phó Tổng Giám đốc

03. Ông **Phan Thanh Thủ**
Phó Tổng Giám đốc

04. Ông **Hoàng Đình Quý**
Phó Tổng Giám đốc

05. Ông **Nguyễn Ngọc Ánh**
Phó Tổng Giám đốc

06. Ông **Nguyễn Quan Anh**
Phó Tổng Giám đốc

07. Ông **Lê Đình Vũ**
Phó Tổng Giám đốc

08. Bà **Nguyễn Thị Thanh Thảo**
Phó Tổng Giám đốc



02. ÔNG TRỊNH XUÂN NHÂN
Phó Tổng Giám đốc

- Năm sinh: 1960
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
 - + Từ năm 2010 đến tháng 04/2015: Công tác tại Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai
 - + Từ tháng 04/2015 đến nay: Công tác tại Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai
- Công tác hiện nay tại HAGL Agrico: Phó Tổng Giám đốc



03. ÔNG PHAN THANH THỦ
Phó Tổng Giám đốc

- Năm sinh: 1963
- Trình độ chuyên môn: Nghệ thuật âm nhạc Huế
- Quá trình công tác:
 - + Từ năm 1984 đến năm 1992: Công tác tại Đoàn nghệ thuật Đam San
 - + Từ năm 1993 đến năm 2003: Công tác tại Xí nghiệp Tư doanh Hoàng Anh
 - + Từ năm 2003 đến tháng 5/2016: Giám đốc Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu
- Công tác hiện nay tại HAGL Agrico: Phó Tổng Giám đốc
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

b. Thành viên Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)



04. ÔNG HOÀNG ĐÌNH QUÝ
Phó Tổng Giám đốc

- Năm sinh: 1963
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật
- Quá trình công tác:
 - + Từ năm 1983 đến năm 1987: Đi bộ đội thuộc đơn vị C6E546 – F473 – Binh đoàn 12
 - + Từ năm 1988 đến năm 2007: Công tác tại Công ty TNHH MTV Cao su Chư Pah
 - + Từ năm 2008 đến nay: Giám đốc Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp cao su Hoàng Anh Quang Minh
- Công tác hiện nay tại HAGL Agrico: Phó Tổng Giám đốc
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp cao su Hoàng Anh Quang Minh



05. ÔNG NGUYỄN NGỌC ÁNH
Phó Tổng Giám đốc

(Xem thông tin trong HDQT)



06. ÔNG NGUYỄN QUAN ANH
Phó Tổng Giám đốc

(Xem thông tin trong HDQT)

01. Bà **Võ Thị Mỹ Hạnh**
Tổng Giám đốc

02. Ông **Trịnh Xuân Nhân**
Phó Tổng Giám đốc

03. Ông **Phan Thanh Thủ**
Phó Tổng Giám đốc

04. Ông **Hoàng Đình Quý**
Phó Tổng Giám đốc

05. Ông **Nguyễn Ngọc Ánh**
Phó Tổng Giám đốc

06. Ông **Nguyễn Quan Anh**
Phó Tổng Giám đốc

07. Ông **Lê Đình Vũ**
Phó Tổng Giám đốc

08. Bà **Nguyễn Thị Thanh Thảo**
Phó Tổng Giám đốc



07. ÔNG LÊ ĐÌNH VŨ
Phó Tổng Giám đốc

- Năm sinh: 1982
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
 - + Từ năm 2003 đến 2004: Công ty cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương tín (Sacomreal)
 - + Từ năm 2004 đến 2010: Phó phòng kinh doanh Công ty cổ phần Phát triển nhà Hoàng Anh
 - + Từ năm 2010 đến 2011: Trưởng Phòng Kinh doanh Bất động sản khu vực miền Trung Tây Nguyên của Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Lai
 - + Từ năm 2014 đến 2016: Giám đốc Công ty cổ phần Chăn nuôi Gia Lai
 - + Từ năm 2017 đến nay: Tháng 5/2017 giữ chức vụ Phó TGD Công ty cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai; tháng 8/2017 giữ chức vụ Giám đốc Công ty Bò sữa Tây Nguyên.
- Công tác hiện nay tại HAGL Agrico: Phó Tổng Giám đốc
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - + Giám đốc Công ty cổ phần Bò sữa Tây Nguyên



08. BÀ NGUYỄN THỊ THANH THẢO
Phó Tổng Giám đốc

- Năm sinh: 1982
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế
- Quá trình công tác:
 - + Từ năm 2005 đến 2007: Công Ty Bảo hiểm Prudential
 - + Từ năm 2007 đến 2009: Công ty Bảo hiểm ACE Life
 - + Từ năm 2010 đến 2014: Phó Giám đốc Công Ty cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai
 - + Từ năm 2015 đến 2016: Giám đốc Công ty TNHH Thủy điện Tây Nguyên
 - + Từ năm 2017 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai.
- Công tác hiện nay tại HAGL Agrico: Phó Tổng Giám đốc

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT



01. BÀ NGUYỄN THỊ HẢI YẾN Trưởng Ban Kiểm Soát

- Năm sinh: 1982
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
- Quá trình công tác:
 - + Từ năm 2006 đến năm 2010: Công ty TNHH Xay Lúa Mì Việt Nam
 - + Từ năm 2011 đến năm 2016: Phó phòng kế toán Công ty Cổ Phần Nông Nghiệp Quốc Tế Hoàng Anh Gia Lai
 - + Từ năm 2017 đến nay: Phó phòng kế toán Công ty Cổ Phần Hoàng Anh Gia Lai
- Công tác hiện nay tại HAGL Agrico:
Trưởng Ban kiểm soát



02. ÔNG DƯƠNG TRẦN HÙNG Thành viên Ban kiểm soát

- Năm sinh: 1987
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
 - + Từ năm 2009 đến 2013: Chuyên viên kế toán tài chính Công ty cổ Phần Sài Gòn Mê Kông
 - + Từ năm 2013 đến 2014: Chuyên viên kiểm toán nội bộ Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Lai
 - + Từ năm 2014 đến tháng 9/2016: Chuyên viên tài chính Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Lai
 - + Tháng 10/2016 đến nay: Chuyên viên tài chính Công ty cổ phần Nông Nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai
- Công tác hiện nay tại HAGL Agrico:
Thành viên Ban kiểm soát



03. ÔNG PHẠM NGỌC CHÂU Thành viên Ban kiểm soát

- Năm sinh: 1975
- Trình độ chuyên môn: Cử Nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:
 - + Từ năm 2001 đến năm 2003: Làm việc tại Công ty cổ phần Phát Triển Sản Xuất Thương Mại Sài Gòn
 - + Từ năm 2004 đến năm 2007: Làm việc tại Công ty TNHH Âu Á
 - + Từ năm 2008 đến năm 2012: Làm việc tại Công ty cổ phần Quản lý Bất động sản Hoàng Anh Gia Lai
 - + Từ năm 2012 đến nay: Làm việc tại Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Lai
- Công tác hiện nay tại HAGL Agrico:
Thành viên Ban kiểm soát

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

01. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2017, ngành nông nghiệp nói chung gặp nhiều khó khăn và thách thức: (1) Biến đổi khí hậu phức tạp gây nhiều hình thái thời tiết dị thường như thiên tai, bão, lũ xảy ra gây thiệt hại lớn đến kết cấu hạ tầng, sản xuất và đời sống của nhân dân; (2) Thị trường tiêu thụ nông sản tiếp tục phải đối mặt với nhiều rào cản thương mại, cạnh tranh gay gắt bởi nhiều quốc gia đẩy mạnh xuất khẩu nông sản và áp dụng nhiều chính sách bảo hộ; và (3) Dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi luôn tiềm ẩn nguy cơ bùng phát.

Không chỉ đối mặt với những trở ngại chung từ nền kinh tế, HAGL Agrico còn gặp phải những khó khăn riêng dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 gặp nhiều biến động. Doanh thu thuần không tăng trưởng như dự kiến, doanh thu bán bò giảm mạnh, doanh thu bán đường không đáng kể do đã hoàn tất chuyển nhượng dự án cho bên thứ ba. Mặc dù vậy, mảng kinh doanh các loại trái cây đã cải thiện đáng kể lợi nhuận của Công ty, giá mủ cao su đã tăng trở lại trong năm 2017 cũng góp phần cải thiện các khoản lỗ.

Kết thúc năm 2017, tổng doanh thu thuần của Công ty là 3.321 tỷ đồng, giảm 30% so với cùng kỳ, lợi nhuận sau thuế đạt 530 tỷ đồng so với mức lỗ 1.778 tỷ đồng năm 2016.

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2016	2017	Tăng/Giảm 2017
Doanh thu thuần	4.784,15	3.321,02	(30,58%)
Giá vốn hàng bán	4.624,18	2.106,50	(54,45%)
Doanh thu hoạt động tài chính	230,10	1.014,72	340,99%
Chi phí tài chính, bán hàng, quản lý doanh nghiệp	1.245,12	1.532,90	23,11%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(839,47)	668,27	179,61%
Lợi nhuận khác	(807,58)	(227,02)	71,89%
Lợi nhuận trước thuế	(1.647,04)	441,25	126,79%
Lợi nhuận sau thuế	(1.777,85)	530,46	129,84%
EPS	(2.297)	688	129,95%



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM (TIẾP THEO)



02. Cơ cấu lao động

Tính đến 31/12/2017, tổng số lao động của Công ty là 10.289 cán bộ công nhân viên với cơ cấu cụ thể như sau:

Địa bàn	Tổng số nhân sự	Lao động có hợp đồng dài hạn			Lao động thời vụ		
		Nam	Nữ	Tổng	Nam	Nữ	Tổng
VIỆT NAM	908	358	131	489	280	139	419
LÀO	6.829	933	203	1.136	3.605	2.088	5.693
CAMPUCHIA	2.552	584	116	700	1.370	482	1.852
Cộng	10.289	1.875	450	2.325	5.255	2.709	7.964

03. Chính sách cho người lao động

Công ty xác định nhân sự là yếu tố cấu thành nên doanh nghiệp, quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Vì vậy, Công ty luôn chú trọng trong việc xây dựng chế độ đãi ngộ thỏa đáng để tạo ra môi trường làm việc lành mạnh và tâm lý thoải mái cho người lao động. Công ty luôn tuân thủ chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng quy định pháp luật. Công ty thực hiện chế độ làm việc 6 ngày/tuần và 8 giờ/ngày, cùng với các ngày nghỉ phép, nghỉ lễ theo quy định của Pháp luật Việt Nam và các nước sở tại nơi Công ty đang có hoạt động sản xuất kinh doanh.

Ngoài tiền lương, Công ty còn có các chính sách phụ cấp, trợ cấp và các chế độ khuyến khích hỗ trợ công tác của người lao động, đặc biệt đối với người lao động làm việc tại Lào và Campuchia. Công ty thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các chế độ chính sách về tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và nâng bậc lương theo niên hạn cho cán bộ công nhân viên. Công ty còn có chính sách phân phối cổ phiếu thưởng đối với cán bộ công nhân viên công tác lâu năm và có đóng góp lớn cho Công ty.

Công ty cũng rất quan tâm đến sức khỏe của nhân viên, với hình thức miễn giảm chi phí điều trị tại Bệnh viện Đại học Y Dược - Hoàng Anh Gia Lai, đặc biệt đối với người lao động được cử đi công tác tại Lào và Campuchia.

Vấn đề an toàn lao động được tuân thủ nghiêm khắc tại Công ty để đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho người lao động. Các khóa huấn luyện an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy được tổ chức thường xuyên cho cán bộ công nhân viên. Người lao động được trang bị đồ dùng bảo hộ lao động đầy đủ, kịp thời đáp ứng theo yêu cầu của công việc. Công ty ban hành và giám sát chặt chẽ việc thực hiện nội quy về an toàn lao động, vệ sinh môi trường đồng thời thường xuyên kiểm tra đánh giá công tác an toàn lao động tại nơi làm việc.

Tại HAGL Agrico, công việc được sắp xếp phân công sao cho phù hợp nhất với trình độ chuyên môn và năng lực của từng nhân viên, đồng thời tạo sự cạnh tranh lành mạnh trong từng bộ phận công tác để mỗi người nhân viên luôn có ý thức phấn đấu nỗ lực hết mình. Bên cạnh việc thu hút nguồn nhân lực có tay nghề, Công ty luôn khuyến khích và tạo điều kiện tối đa để nhân viên tham gia các khóa đào tạo học tập nâng cao trình độ chuyên môn bằng công tác tự đào tạo, đào tạo tại chỗ và dành sự quan tâm khuyến khích các cán bộ trẻ nâng cao trình độ chuyên môn. HAGL Agrico có chủ trương ưu ái đối với nguồn nhân lực địa phương vì tính ổn định cao và góp phần giải quyết việc làm cho lao động tại địa bàn.

Với tinh thần “Đoàn kết là sức mạnh”, HAGL Agrico xây dựng một môi trường làm việc mà ở đó mỗi người lao động luôn có sự gắn kết, hỗ trợ tương tác lẫn nhau trong công việc vì mục tiêu phát triển bền vững.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN



2017

Ngành cây ăn trái

Tận dụng quỹ đất còn dôi dư tại Việt Nam, Lào và Campuchia để trồng các loại cây ăn trái và gia vị. Công ty đã trồng được 13.524 ha với 18 loại trái cây khác nhau. Các nông trường chanh dây, chuối và thanh long được trồng theo tiêu chuẩn GlobalGAP để xuất khẩu giúp giá trị trái cây của Công ty tăng cao.

Ngành cao su

Năm 2017, Công ty đã tiến hành khai thác được 10.279 ha cao su với tổng sản lượng thu hoạch là 14.456 tấn.

Ngành chăn nuôi

Đây là ngành cần vốn lưu động lớn để đầu tư trong khi tình hình tài chính năm 2017 của Công ty vẫn đang gặp khó khăn nên Công ty đã chủ động cắt giảm quy mô.

Ngành mía đường

Công ty đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng dự án mía đường cho bên thứ ba.

2017

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu tài chính	ĐVT	2016	2017
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,02	0,67
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,79	0,52
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	72,22%	68,55
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	259,92%	217,96
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay Hàng tồn kho	Vòng	2,07	1,68
Doanh thu thuần/Tổng tài sản (bình quân)	Vòng	0,14	0,1
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	(37,16)	15,97
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (bình quân)	%	(18,28)	5,22
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (bình quân)	%	(5,08)	1,64
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	(17,55)	20,12

Về khả năng thanh toán: Khả năng thanh toán của Công ty qua các năm có xu hướng giảm, nguyên nhân là vì Công ty vẫn đang trong thời gian thực hiện đề án tái cấu trúc giai đoạn 2016 - 2026, dẫn đến tình hình tài chính chưa được khả quan. Tuy nhiên, Công ty cũng đã từng bước điều chỉnh chiến lược kinh doanh, chuyển từ cây dài hạn sang cây ngắn hạn, nhằm cải thiện các chỉ tiêu thanh toán.

Về cơ cấu vốn: Hệ số Nợ/Tổng tài sản năm 2017 ở mức 68,55%, giảm 3,67% so với năm 2016, nguyên nhân trong năm 2017, Công ty đã hoàn tất chuyển nhượng dự án mía đường cho bên thứ ba. Tuy nhiên, các chỉ tiêu về cơ cấu vốn còn cao, dự kiến sau khi hoàn thành đề án tái cấu trúc giai đoạn 2016 - 2026, các chỉ số này sẽ giảm đáng kể.

Về khả năng sinh lời: Hiệu quả từ việc tái cấu trúc ngành nghề kinh doanh, mặc dù doanh thu thuần không đạt mức tăng trưởng như năm 2016 nhưng lợi nhuận sau thuế của Công ty vẫn tăng cao so với cùng kỳ, các chỉ tiêu về khả năng sinh lời đều cho thấy sự tăng trưởng của Công ty.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

a. Cổ phần: (tại ngày 31/03/2018)

Số lượng cổ phần	: 886.843.895 cổ phần
Mệnh giá cổ phần	: 10.000 đồng
Số cổ phần ưu đãi	: 0 cổ phần
Số cổ phần phổ thông	: 886.843.895 cổ phần
Số cổ phần đang lưu hành	: 886.843.895 cổ phần
Số cổ phiếu quỹ	: 0 cổ phần
Số cổ phần tự do chuyển nhượng	: 767.143.895 cổ phần
Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng	: 119.700.000 cổ phần

Lý do hạn chế chuyển nhượng: do phát hành riêng lẻ cổ phiếu. Thời hạn hạn chế chuyển nhượng là 01 năm kể từ ngày 05/03/2018 đến ngày 05/03/2019.

b. Cơ cấu cổ đông: (tại ngày 31/03/2018)

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông		Cơ cấu cổ đông (*)	
				Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước						
2	Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI	488.665.840	55,1	1		1	0
	- Trong nước	488.665.840	55,1	1		1	0
	- Nước ngoài						
3	Cổ đông lớn	50.000.000	5,6	1		1	0
	- Trong nước	50.000.000	5,6	1		1	0
	- Nước ngoài						
4	Công đoàn Công ty						
	- Trong nước						
	- Nước ngoài						
5	Cổ phiếu quỹ						
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi	348.178.055	39,3	4.936		43	4.893
7	Cổ đông khác						
	- Trong nước	336.726.535	38,0	4.885		28	4.857
	- Nước ngoài	11.451.520	1,3	51		15	36
TỔNG CỘNG		886.843.895	100,0	4.938		45	4.893
Trong đó: - Trong nước		875.392.375	98,7	4.887		30	4.857
- Nước ngoài		11.451.520	1,3	51		15	36

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Tháng 3/2018, Công ty hoàn thành việc phát hành riêng lẻ cổ phiếu, tăng vốn điều lệ lên 8.868.438.950.000 VNĐ.

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Trong năm 2017, Công ty không thực hiện mua bán cổ phiếu quỹ.

Các chứng khoán khác: không có.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

01. Quản lý nguồn nguyên, nhiên vật liệu



a. Nguyên vật liệu

Nhằm đảm bảo rác thải và chất thải rắn không gây hại đến môi trường, tại HAGL Agrico công tác tuyên truyền thực hiện tiết kiệm, tái chế nguyên vật liệu, giảm thiểu chất thải luôn được chú trọng. Nguyên vật liệu Công ty hiện đang sử dụng trong sản xuất và đóng gói sản phẩm gồm các loại sau:

- Bao đựng phân chuồng: Hàng năm, Công ty dùng bao sợi nylon để đựng phân chuồng phân phối đến các nông trường, có 50% trong đó được tái sử dụng để thu gom rác thực vật như quả hỏng, cành lá.v.v.
- Công ty sử dụng thùng giấy carton để đựng trái cây xuất ra thị trường, đây là loại vật liệu dễ dàng phân huỷ sinh học, thân thiện với môi trường.
- Ống nước tưới các loại (ống PVC, HDPE, LDPE) được sử dụng để tưới cho các vườn cây. Ống đã sử dụng bị hư hỏng được đưa về các nhà máy của Công ty để tái chế với tỷ lệ lên đến 90%.
- Công ty sử dụng nguồn phân chuồng sẵn có trong chăn nuôi bò để bón lót và bón thúc cho cây trồng.

b. Năng lượng

Trong quá trình hoạt động, HAGL Agrico hiểu rằng khi doanh nghiệp thay đổi, cân đối các nguồn năng lượng do doanh nghiệp trực tiếp hoặc gián tiếp tiêu thụ có thể giúp giảm thiểu tác động môi trường. Do đó, Công ty luôn chú trọng việc giám sát sử dụng nguồn năng lượng để giảm thiểu cường độ phát thải khí nhà kính và các tác động đến môi trường. Công ty đã áp dụng các biện pháp nhằm tiết kiệm nguồn năng lượng như sau:

- Áp dụng công nghệ tưới nước nhỏ giọt cho cây trồng để tiết kiệm được lượng nước, điện năng và chi phí.
- Bón phân qua hệ thống tưới nhỏ giọt bằng cách hòa tan sẵn phân bón trong các bồn chứa phân, sau đó hòa vào đường ống tưới nhỏ giọt để bón phân đến từng cây trồng. Biện pháp này giúp tiết kiệm đáng kể công lao động, thời gian và phân phối đều đặn phân bón đến cây trồng.
- Thay thế dần các loại dụng cụ và thiết bị cũ như bóng đèn dây tóc và bóng đèn huỳnh quang bằng loại bóng đèn LED.
- Sử dụng bình năng lượng mặt trời.
- Xây dựng hệ thống kênh thủy lợi để đưa nước về các hồ chứa để tưới cho vườn cây.
- Phổ biến và thực hiện các quy định về sử dụng điện tiết kiệm và hiệu quả.

c. Nguồn nước

Ngày nay, việc bảo vệ nguồn nước ngày càng trở nên cấp thiết dưới thực trạng ô nhiễm và cạn kiệt ngày càng phổ biến. Sử dụng nguồn nước ở quy mô lớn có thể gây ảnh hưởng đến cuộc sống và sinh kế của cộng đồng xung quanh. HAGL Agrico ý thức được sự ảnh hưởng này nên đã đặt mục tiêu kiểm soát sử dụng nước tiết kiệm, tác động gián tiếp vào những hoạt động sử dụng nước đáng kể như trồng trọt, chăn nuôi và sản xuất như sau:

- Công ty sử dụng hệ thống tưới nhỏ giọt của Israel – định mức tưới chuẩn xác từng mililit – để tối ưu lượng nước sử dụng
- Đồng thời, toàn bộ nước thải từ các nhà máy chế biến được xử lý và tái sử dụng để tưới cho cây trồng. Nước thải từ các chuồng trại chăn nuôi một phần được xử lý để sản xuất khí biogas và phần còn lại được xử lý để tưới cho cây trồng.



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY (TIẾP THEO)

02. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Việc đầu tư kinh doanh của Công ty luôn tuân thủ các quy định và luật về môi trường do Chính phủ Việt Nam, Lào và Campuchia ban hành. Trước khi triển khai dự án, Công ty thuê đơn vị độc lập có uy tín đánh giá tác động môi trường, đưa ra các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường xã hội cho các dự án đầu tư và trình lên các bộ ngành có thẩm quyền, xin cấp phép triển khai.

Thành lập bộ phận Môi trường nhằm kiểm soát mọi hoạt động sản xuất tuân thủ quy định của các cơ quan chức năng. Ban hành Quy chế sử dụng hóa chất theo đúng quy định của pháp luật, hạn chế tối đa sử dụng thuốc trừ sâu, thuốc hóa học. Ban hành quy chế tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị và cung cấp thông tin cho các cá nhân, tổ chức về các vấn đề liên quan đến các dự án nông nghiệp của Công ty tại Lào và Campuchia.

Công ty còn hợp tác với Bureau Veritas - tổ chức quốc tế trong lĩnh vực kiểm tra, đánh giá và xác nhận nhằm thực hiện những cam kết hoạch định, phát triển và sản xuất kinh doanh bền vững hướng đến xây dựng, bảo vệ các giá trị cộng đồng và bảo tồn các giá trị thiên nhiên.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY (TIẾP THEO)

03. Chính sách liên quan đến người lao động

Có thể thấy, vấn đề gắn bó người lao động trong doanh nghiệp là vấn đề mà các Công ty ở Việt Nam nói chung và HAGL Agrico nói riêng đang phải đối mặt và cần có giải pháp lâu dài. Vì nhiều lí do chủ quan, khách quan từ phía người lao động và doanh nghiệp, cùng với điều kiện kinh tế và trình độ văn hóa hiện nay thì sự xáo trộn nguồn nhân lực vẫn còn tiếp diễn trong một thời gian nữa. Nhận thức được vấn đề này, HAGL Agrico cùng các công ty thành viên ngoài việc nỗ lực nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh còn tập trung vào tạo ra môi trường làm việc tốt cho người lao động bằng những cam kết đảm bảo về chế độ lương, bảo hiểm và các phúc lợi xã hội cho người lao động.

HAGL Agrico luôn ghi nhận và trân trọng sự nỗ lực cùng với các giá trị lao động của tất cả các nhân viên trong hành trình phát triển của Công ty. Tại đây, Công ty trả lương cho cán bộ công nhân viên theo chế độ rõ ràng, minh bạch và tương xứng với năng lực của mỗi nhân viên. Ngoài ra, người lao động còn được hưởng đầy đủ các chế độ về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo đúng quy định của pháp luật. Về đời sống tinh thần, Công ty thể hiện sự quan tâm đối với cán bộ nhân viên thông qua việc tổ chức các buổi sinh hoạt tập thể vào những dịp lễ, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cũng như tổ chức các kỳ nghỉ dưỡng hằng năm nhằm gắn kết tinh thần đoàn kết giữa các cán bộ công nhân viên và Công ty. Bên cạnh đó, Công ty còn có chính sách phân phối cổ phiếu thưởng đối với cán bộ công nhân viên công tác lâu năm và có đóng góp lớn cho Công ty.

Công ty luôn chú trọng hoàn thiện cơ sở hạ tầng và cải thiện điều kiện làm việc, trang bị đầy đủ vật dụng, trang thiết bị bảo hộ, đảm bảo an toàn và sức khỏe cho người lao động. Tổ chức các chương trình hướng dẫn và đào tạo an toàn cũng như phòng cháy chữa cháy cho người lao động.

Người lao động thường xuyên được tham gia các khóa tập huấn theo đúng chuyên môn ngành nghề như kỹ thuật trồng và chăm sóc cây, vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy.



04. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Bên cạnh việc tập trung sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh doanh, HAGL Agrico luôn đồng hành, sẻ chia thành quả cùng người lao động cũng như thực hiện trách nhiệm của một doanh nghiệp vì cộng đồng xã hội.

Công ty đã có nhiều hành động thiết thực nhằm thể hiện trách nhiệm với cộng đồng địa phương nơi Công ty có hoạt động sản xuất kinh doanh như đã xây nhà lập khu dân cư mới, trường học, cầu Xê Sụ (tại Lào), tặng quần áo cho cộng đồng lân cận dự án (Campuchia), phát gạo và tặng máy phát điện (cho cộng đồng lân cận dự án).

Hàng năm, Công ty đều kết hợp với Bệnh viện Đại học Y Dược HAGL tổ chức khám chữa bệnh, phát thuốc và lương thực miễn phí cho người dân địa phương.



**BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

01. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đối diện với nhiều thách thức, khó khăn đến từ thiên nhiên cũng như môi trường kinh doanh, HAGL Agrico đã không hoàn thành chỉ tiêu doanh thu thuần so với kế hoạch. Tuy vậy, các chỉ tiêu tài chính, đặc biệt là các chỉ tiêu về khả năng sinh lời đã được cải thiện đáng kể. Đây là tín hiệu đáng mừng đối với việc cơ cấu lại các nguồn doanh thu.

Một số chỉ tiêu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017:

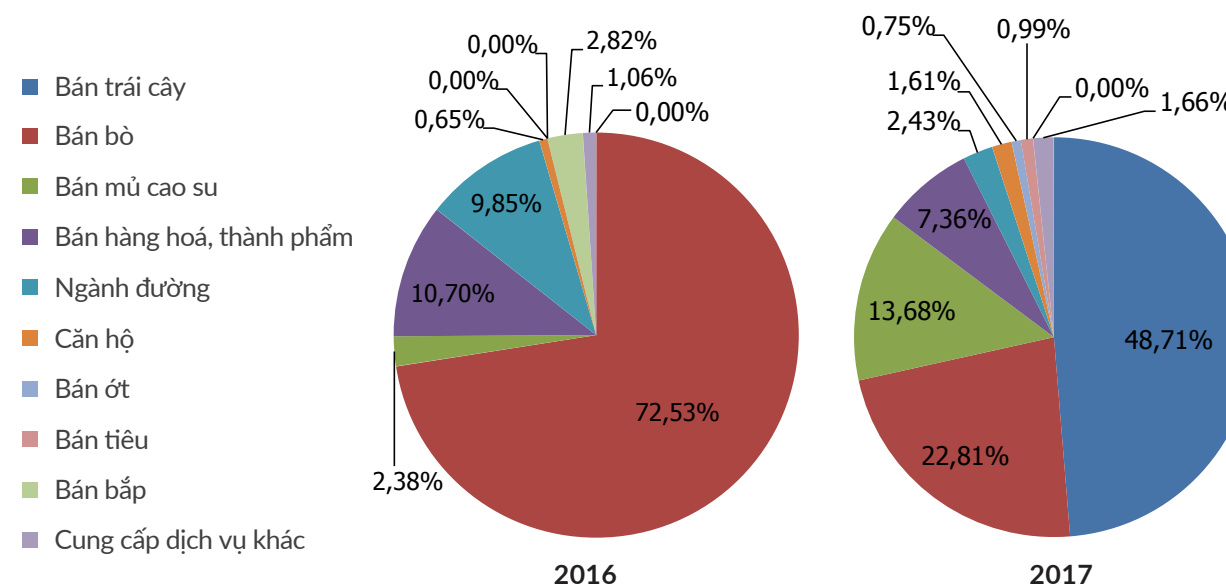
ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2016	2017	Tăng /Giảm 2017
Tổng giá trị tài sản	34.995,22	32.282,18	(7,75%)
Tài sản ngắn hạn	6.474,76	4.416,62	(31,79%)
Hàng tồn kho	1.495,41	1.008,56	(32,56%)
Tổng nợ	25.272,15	22.129,41	(12,44%)
Nợ ngắn hạn	6.322,75	6.601,21	4,40%
Vốn chủ sở hữu	9.723,07	10.152,77	4,42%
Doanh thu thuần	4.784,15	3.321,02	(30,60%)
Lợi nhuận trước thuế	(1.647,04)	441,25	-
Lợi nhuận sau thuế	(1.777,85)	530,46	-

a. Về doanh thu

Cơ cấu doanh thu có sự thay đổi rõ rệt qua 2 năm 2016 và 2017. Trong năm 2016, doanh thu ngành chăn nuôi bò đóng góp lớn nhất trong cơ cấu doanh thu với tỷ lệ 72,53%, tiếp đến là doanh thu bán hàng hoá thành phẩm và doanh thu ngành đường với tỷ lệ lần lượt là 10,7% và 9,85%. Năm 2017, đóng góp lớn nhất cho doanh thu đến từ các nông trường trái cây, tỷ lệ đóng góp là 48,71%, ngành chăn nuôi bò đứng thứ hai với tỷ lệ 22,81%, tình hình ngành cao su cải thiện rõ rệt khi doanh thu ngành tăng thêm 398% so với cùng kỳ, đóng góp 13,68% vào tổng doanh thu, đứng thứ tư là doanh thu đến từ bán hàng hoá và thành phẩm.

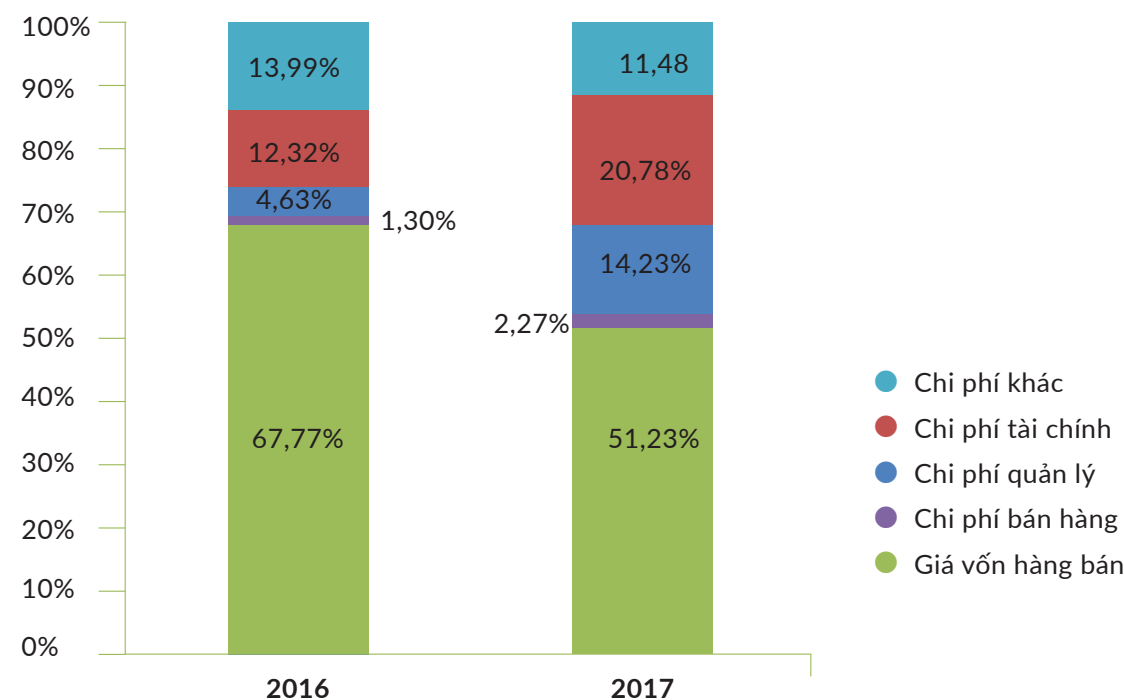
Biểu đồ cơ cấu doanh thu thuần



b. Về chi phí

Xét về cơ cấu chi phí hoạt động, trong năm 2017, không có nhiều biến động về thứ tự tỷ trọng các yếu tố cấu thành tổng chi phí hoạt động của Công ty. Nhờ cơ cấu lại hoạt động kinh doanh, chi phí hoạt động năm 2017 giảm xuống còn 4.112 tỷ đồng, chỉ bằng 60% so với cùng kỳ. Mức giảm nhiều nhất đến từ giá vốn hàng bán, giảm còn 51,23%. Đây là yếu tố chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu chi phí hoạt động. Đứng thứ 2 là chi phí tài chính chiếm 20,78%, xếp thứ 3 là chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 14,23% và đứng thứ 4 là chi phí khác với 11,48%.

Biểu đồ cơ cấu chi phí hoạt động



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)



01. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (tiếp theo)

c. Nhận xét về tình hình hoạt động năm 2017

Thuận lợi

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực nông nghiệp với mặt hàng kinh doanh đa dạng, giúp Công ty có thể ứng phó linh hoạt với những diễn biến phức tạp của thị trường.

Công ty đã được chính phủ ba nước Việt Nam, Lào và Campuchia cho thuê đất dài hạn. Với quy mô rộng lớn, liên vùng và được bao bọc bởi hệ thống sông ngòi, Công ty có thể triển khai các dự án trồng cây công – nông nghiệp và chăn nuôi bò quy mô lớn. Đồng thời, Công ty có thể dễ dàng áp dụng các công nghệ hiện đại từ khâu chuẩn bị đất, chăm sóc đến khâu thu hoạch và chế biến, nhờ đó cho năng suất cao và giá thành cạnh tranh hơn.

Công ty có đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên năng động, với tinh thần đoàn kết và gắn bó lâu dài, sẵn sàng học hỏi và thích nghi nhanh với những lĩnh vực hoạt động mới.

Khó khăn

Bò: do Công ty đang thiếu vốn lưu động để tài trợ tái đầu tư cho đàn bò, chỉ duy trì đàn bò hiện có để tận dụng nguồn phân cung cấp cho hoạt động trồng và chăm sóc cây công nghiệp và nông nghiệp.

Về tài chính: Tuy Công ty đã được các tổ chức tín dụng cơ cấu lại khoản nợ, nhưng Công ty vẫn đang trong giai đoạn tái cấu trúc nên tình hình tài chính vẫn chưa được cải thiện rõ rệt.

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

02. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

Tiêu chí	ĐVT: Tỷ đồng		
	2016	2017	% Tăng/ Giảm
Tài sản ngắn hạn	6.474,76	4.416,62	(31,79%)
Tài sản dài hạn	28.520,46	27.865,56	(2,30%)
Tổng tài sản	34.995,22	32.282,18	(7,75%)

Quy mô tài sản của Công ty giảm 7,75% trong năm 2017 còn 32.282,18 tỷ đồng, chủ yếu do giảm tài sản ngắn hạn đến từ khoản phải thu ngắn hạn và hàng tồn kho.

b. Tình hình nợ phải trả

Tiêu chí	ĐVT: Tỷ đồng		
	2016	2017	% Tăng/ Giảm
Nợ ngắn hạn	6.322,75	6.601,21	4,4%
Nợ dài hạn	18.949,40	15.528,21	(18,05%)
Tổng nợ	25.272,15	22.079,71	(12,63%)
Vốn chủ sở hữu	9.723,07	10.152,77	4,42%
Tổng nguồn vốn	34.995,22	32.282,18	(7,75%)

Tổng khoản nợ năm 2017 của Công ty giảm 12,63% so với năm 2016, trong đó nợ ngắn hạn tăng 4,4% và nợ dài hạn giảm 18,05%. Điều này giúp hệ số Nợ/ Tổng tài sản của Công ty giảm từ 0,72 lần năm 2016 xuống còn 0,68 lần trong năm 2017. Công ty đang từng bước cải thiện khả năng tài chính của mình.

Chỉ tiêu tài chính

Tiêu chí	ĐVT: Tỷ đồng	
	2016	2017
Vay ngắn hạn	2.658,33	1.725,06
Vay dài hạn	17.432,57	12.436,18
Chi phí lãi vay	750,17	813,22
Chi phí lãi vay/doanh thu thuần	15,68%	24,49%

Tỷ lệ chi phí lãi vay/doanh thu thuần của Công ty hiện đang ở mức cao 24,49%, trong trường hợp lãi suất có sự điều chỉnh, lợi nhuận của Công ty có thể bị ảnh hưởng lớn. Công ty đang thực hiện phương án giảm nợ theo đề án tái cấu trúc.

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

03. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2017, HAGL Agrico đã có những thay đổi lớn về cơ cấu tổ chức, phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh đang có:

- Hoàn tất việc chuyển nhượng ngành mía đường cho bên thứ 3 vào ngày 22/05/2017.
- Bổ nhiệm Bà Võ Thị Mỹ Hạnh làm Tổng Giám đốc thay cho Ông Nguyễn Xuân Thắng ngày 05/05/2017.
- Bổ nhiệm Bà Nguyễn Thị Hải Yến làm Trưởng Ban Kiểm soát thay cho Ông Lê Hồng Phong ngày 10/07/2017.

04. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Năm 2018, Công ty vẫn tiếp tục thực hiện đề án tái cấu trúc tổng thể trên cơ sở đề cao sự an toàn trong hoạt động đầu tư và kinh doanh.
- Công ty vẫn sẽ tập trung vào các ngành nghề cốt lõi như phát triển nông trường cây ăn trái và thu hoạch mủ cao su.
- Công ty tiếp tục tham gia chuỗi cung ứng trái cây có nguồn gốc từ Việt Nam, Lào và Campuchia để xuất khẩu ra nước ngoài, chủ yếu là thị trường Trung Quốc. Hợp tác với một số đối tác để phát triển chuỗi phân phối trái cây tại Việt Nam.
- Dự kiến trong năm 2018, Công ty sẽ có nguồn thu từ cao su, chanh dây, chuối, thanh long, ớt, xoài và mít.



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

01. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Công ty



Ngành cao su: nhiều năm qua do giá mủ cao su thiên nhiên giảm mạnh, doanh thu không đủ bù đắp chi phí, các vườn cây cao su của Công ty vẫn chưa được khai thác triệt để. Trong năm 2017, giá mủ cao su thế giới liên tục phục hồi là đòn bẩy để Công ty đẩy mạnh công tác thu hoạch mủ cao su. Doanh thu từ mủ cao su năm 2017 đạt 454 tỷ đồng, cao gấp 4 lần so với năm 2016, đóng góp 13,67% trong cơ cấu doanh thu.

Ngành chăn nuôi: quy mô đàn bò giảm xuống còn 13.000 con trong năm 2017. Đặc điểm ngành chăn nuôi cần có vốn lưu động lớn để đầu tư trong khi tình hình tài chính của Công ty trong năm 2017 vẫn chưa được cải thiện rõ rệt. Công ty thiếu vốn lưu động cho mảng chăn nuôi nên đã chủ động cắt giảm quy mô.

Ngành cây ăn trái: tận dụng quỹ đất còn dôi dư tại Việt Nam, Lào và Campuchia để trồng các loại cây ăn trái và gia vị. Với diện tích 13.524 ha, trồng 18 loại cây ăn trái khác nhau, với một số loại cây chính như chanh dây, chuối và thanh long được trồng theo tiêu chuẩn GlobalGAP để xuất khẩu giúp giá trị trái cây của Công ty tăng cao. Nhờ lợi thế quy mô, HAGL Agrico có thể làm việc trực tiếp với đối tác nước ngoài, giúp Công ty có thể kiếm được lợi nhuận không chỉ ở khâu trồng mà toàn bộ chuỗi giá trị, cắt giảm hết các khâu trung gian so với nông dân.

Ngành mía đường: trong năm Công ty đã hoàn tất thủ tục chuyển giao ngành mía đường cho bên thứ ba.

Về tài chính: mặc dù Công ty đã được các Tổ chức tín dụng cơ cấu nợ nhưng Công ty vẫn đang trong giai đoạn thực hiện tái cấu trúc nên tình hình tài chính vẫn chưa được cải thiện rõ rệt.

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

02. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty



HĐQT thực hiện giám sát Ban TGD theo quy định của Điều lệ và Quy chế Quản trị Công ty. Theo sự điều hành của HĐQT, Ban TGD đã xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh và thực thi công việc đã đề ra. Trong năm 2017, HĐQT đánh giá cao về hoạt động điều hành của Ban TGD Công ty. Ban TGD đã tuân thủ và thực hiện đúng đắn, đầy đủ nội dung các nghị quyết, quyết định của HĐQT một cách nhanh chóng, góp phần đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo định hướng phát triển mà HĐQT đã đề ra. Ban TGD cũng đã thường xuyên báo cáo kịp thời với HĐQT về tiến độ thực hiện và các vướng mắc phát sinh cần HĐQT chỉ đạo.

HĐQT và Ban TGD có sự liên lạc thông tin thường xuyên, phối hợp chặt chẽ trong định hướng, chỉ đạo và thực thi công việc thông qua các cuộc họp HĐQT định kỳ cũng như các cuộc họp đột xuất. Qua đó, HĐQT và Ban TGD cùng nắm bắt tình hình hoạt động Công ty và phối hợp giải quyết các khó khăn trong huy động nguồn vốn để chăm sóc vườn cây, đàm phán với chủ nợ về việc gia hạn thời gian trả nợ gốc và lãi, và một số khó khăn khác phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh. Vì vậy, các vấn đề lớn phát sinh trong Công ty đều được HĐQT và Ban TGD phối hợp để xử lý kịp thời, hiệu quả.

HĐQT nhận thấy Ban TGD cũng đã tuân thủ nghiêm chỉnh các quy trình và quy định trong hoạt động điều hành doanh nghiệp theo Điều lệ, Quy chế Quản trị Công ty và các quy định pháp lý hiện hành. Theo đánh giá của HĐQT, năm 2017 Ban TGD chưa hoàn thành chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận được giao. Tuy nhiên, trong năm Ban TGD đã hoàn thành tốt các công việc được giao, cụ thể như sau:

- Chuyển thành công ngành mía đường cho bên thứ ba;
- Bước đầu khai thác các vườn cây ăn trái cho kết quả khả quan;
- Hoàn thành cơ bản trong việc tái cấu trúc các khoản nợ, thanh lý các mảng hoạt động kém hiệu quả; và
- Đàm phán thành công để hoán đổi một số khoản nợ thành vốn cổ phần của công ty.

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

03. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị



Trong năm 2018, Công ty sẽ tiếp tục trồng, chăm sóc và khai thác tập trung các vườn cây ăn trái, đồng thời đẩy mạnh khai thác mỏ cao su.

Ưu điểm của các loại cây ăn trái mà HAGL Agrico trồng là có thời gian từ lúc trồng đến lúc thu hoạch khá ngắn, giúp thu hồi vốn nhanh, mang lại dòng tiền sớm cho Công ty. Đây là điểm khác biệt so với việc trồng cây cao su trước đây khi thời gian đầu tư rất dài, thu hồi vốn chậm, khiến cho dòng tiền của Công ty bị tắc nghẽn khi giá cao su không thuận lợi.

Tính đến hiện tại, gần 1.500 ha diện tích cây ăn trái của HAGL Agrico đã được cấp chứng nhận GlobalGAP. Công ty nhận thấy việc áp dụng GlobalGAP là một biện pháp tổ chức và quản lý nông nghiệp tốt tại các nông trường hiện nay. Với quy chuẩn GlobalGAP, Công ty sẽ có lợi thế cạnh tranh trong xuất khẩu đi các thị trường lớn và khó tính như Nhật Bản, Mỹ, EU.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

01. Cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu/VĐL	Ghi chú
Bà Nguyễn Thị Hải Yến	Trưởng ban	1.000	0,0001%	Bổ nhiệm từ 30/06/2017
Ông Lê Hồng Phong	Trưởng ban			Miễn nhiệm từ 30/06/2017
Ông Phạm Ngọc Châu	Thành viên			
Ông Dương Trần Hùng	Thành viên	2.000	0,0002%	

02. Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm

Trong năm 2017, Ban Kiểm soát đã giám sát HĐQT, Ban TGD trên khía cạnh tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cẩn trọng trong việc quản lý điều hành hoạt động kinh doanh được thực hiện theo các nội dung sau:

- Tham dự các cuộc họp của HĐQT, nắm bắt kịp thời tình hình kinh doanh thực tế và xem xét tính phù hợp của các nghị quyết, quyết định của HĐQT và Ban TGD Công ty trong công tác quản lý;
- Đánh giá công tác quản lý điều hành, triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban TGD dựa trên chiến lược kinh doanh cũng như quyết sách hoạt động Công ty do HĐQT đề ra;
- Kiểm soát việc tuân thủ quy định về công bố thông tin của Công ty theo quy định Pháp luật. Thường xuyên giám sát việc thực hiện công bố thông tin của Công ty nhằm đảm bảo thông tin cung cấp đến Cổ đông được đầy đủ, chính xác và kịp thời;
- Kiểm tra việc tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ Công ty; giám sát tình hình và kết quả thực thi nghị quyết của ĐHĐCĐ và nghị quyết của HĐQT;
- Đánh giá, thẩm định thông tin trong các Báo cáo tài chính hàng quý, bán niên và cả năm của Công ty được trình bày trung thực hợp lý và phù hợp với quy định hiện hành;
- Thảo luận với Kiểm toán viên độc lập về kết quả kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016 và báo cáo tài chính soát xét 6 tháng đầu năm 2017.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT (TIẾP THEO)

03. Kết quả làm việc của Ban Kiểm soát

a. Giám sát tình hình thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2017

Trong năm Công ty đã thực hiện nghị quyết được ĐHĐCĐ thông qua cụ thể như sau:

Hoạt động sản xuất kinh doanh:

Doanh thu thuần năm 2017 là 3.321 tỷ đồng đạt 69,3% so với nghị quyết của ĐHĐCĐ là 4.793 tỷ đồng.

Kế hoạch lợi nhuận:

Lợi nhuận trước thuế năm 2017 là 441 tỷ đồng đạt 95,7% so với nghị quyết của ĐHĐCĐ là 461 tỷ đồng trong năm 2017. Không thực hiện việc trích quỹ đầu tư phát triển 5%, quỹ khen thưởng phúc lợi 3% trên lợi nhuận sau thuế cũng như không chia cổ tức và trả thù lao cho HĐQT, Ban TGD, Ban kiểm soát.

b. Kiểm tra tình hình tài chính và thẩm định báo cáo tài chính

Ban Kiểm soát đã thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán. Thiết lập quy trình làm việc với kiểm toán độc lập của Công ty là Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam. Theo đó Ban Kiểm soát đã tham gia tích cực vào quy trình phát hành báo cáo tài chính hàng quý và bán niên của Công ty. Ban kiểm soát đã thực hiện việc rà soát, phân tích sự biến động của các khoản mục trọng yếu trên báo cáo tài chính. Thông báo kết quả soát xét đến HĐQT trước khi Công ty phát hành báo cáo.

Ban kiểm soát đánh giá báo cáo tài chính quý, bán niên và năm được trình bày trung thực, hợp lý, nhất quán và phù hợp với quy định của luật pháp. Ban Tổng giám đốc đã đánh giá và ước tính một cách thận trọng trong tổ chức công tác kế toán và lập báo cáo tài chính và thống nhất với số liệu của Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT (TIẾP THEO)

04. Giám sát hoạt động của HĐQT và Ban TGD

- Đánh giá công tác quản lý điều hành, triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban TGD dựa trên chiến lược kinh doanh cũng như quyết sách hoạt động Công ty của HĐQT đề ra;
- Kiểm soát việc tuân thủ quy định về công bố thông tin của Công ty theo quy định Pháp luật;
- Kiểm tra việc tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ Công ty, giám sát tình hình và kết quả thực thi nghị quyết của ĐHĐCĐ và nghị quyết của HĐQT;
- Tham dự các cuộc họp của HĐQT và xem xét tính phù hợp của các nghị quyết, quyết định của HĐQT và Ban TGD Công ty trong công tác quản lý;
- Thẩm định các Báo cáo tài chính hàng quý, bán niên và cả năm;
- Trao đổi với Kiểm toán viên độc lập về kết quả kiểm toán báo cáo tài chính.

05. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình, HĐQT và Ban TGD luôn tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Kiểm soát trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Ban Kiểm soát đã có sự phối hợp tốt với HĐQT, Ban TGD nhằm nắm bắt kịp thời tình hình thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh để tham gia đóng góp ý kiến trên nguyên tắc vì lợi ích của Cổ đông.

06. Kế hoạch hoạt động của BKS năm 2018

Nhằm thực hiện nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát dự kiến kế hoạch thực hiện như sau:

- Giám sát việc thực hiện điều lệ, nghị quyết của ĐHĐCĐ;
- Giám sát việc quản lý điều hành Công ty của HĐQT và Ban TGD;
- Xem xét tình hình quản lý sử dụng vốn và kế hoạch dòng tiền trong năm 2018;
- Kiểm tra đánh giá báo cáo tài chính hàng quý, bán niên và năm cùng các vấn đề liên quan đến tài chính;
- Kiểm tra giám việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 và việc đầu tư các dự án, chăm sóc vườn cây của Công ty;
- Các vấn đề khác.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

01. Các giao dịch của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

a. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của Công ty:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng/giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1.	Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	540.458.340	60,94%	488.665.840	55,1%	Hoán đổi trái phiếu sang cổ phiếu; Làm tài sản đảm bảo cho việc tái cơ cấu khoản vay
2.	Võ Trường Sơn	Thành viên HĐQT	500.000	0,056%	1.000.000	0,11%	Mua cổ phiếu
3.	Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên HĐQT kiêm TGD	5.000	0,0006%	505.000	0,057%	Mua cổ phiếu
4.	Hoàng Đình Quý	Phó TGD	1.000	0,0001%	0	0%	Bán cổ phiếu
Tổng			540.964.340		490.170.840		

b. Việc thực hiện các quy định về Quản trị Công ty:

Công ty luôn duy trì công tác cập nhật các quy định do Ủy ban chứng khoán Nhà nước ban hành và nghiêm túc triển khai áp dụng vào công tác quản trị nội bộ Công ty.

02. Hội đồng Quản trị

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu/VĐL	Ghi chú
Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch			
Võ Trường Sơn	Thành viên	488.665.840	55,10%	
- Đại diện vốn Công ty CP HAGL		1.000.000	0,11%	
- Cá nhân sở hữu				
Đoàn Nguyên Thu	Thành viên			
Võ Thị Huyền Lan	Thành viên			
Nguyễn Xuân Thắng	Thành viên			Từ nhiệm ngày 30/06/2017
Nguyễn Ngọc Ánh	Thành viên			
Nguyễn Quan Anh	Thành viên	5.000	0,0006%	
Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên	505.000	0,057%	Bổ nhiệm ngày 30/06/2017

QUẢN TRỊ CÔNG TY (TIẾP THEO)

03. Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Trong năm 2017, HĐQT đã thực hiện công tác chỉ đạo và giám sát hoạt động của Ban TGD như sau:

- Thực hiện lấy ý kiến cổ đông về phát hành riêng lẻ cổ phiếu;
- Chỉ đạo, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong việc chăm sóc các vườn cây và khai thác mỏ cao su;
- Mở rộng hoạt động kinh doanh sang lĩnh vực trồng các loại cây ăn trái trên quỹ đất dôi dư tại Việt Nam, Lào và Campuchia;
- Tổ chức thành công cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017. Bầu HĐQT và BKS nhiệm kỳ mới;
- Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT đã ban hành;
- Chỉ đạo, giám sát trong quản lý dòng tiền, duy trì tính thanh khoản của dòng tiền Công ty;
- Các nội dung khác theo thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.

a. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị

Trong năm, Hội đồng Quản trị đã tổ chức các cuộc họp cụ thể như sau:

Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch		11/11	100%	
Võ Trường Sơn	Thành viên		11/11	100%	
Đoàn Nguyên Thu	Thành viên		11/11	100%	
Võ Thị Huyền Lan	Thành viên		11/11	100%	
Nguyễn Xuân Thắng	Thành viên	30/06/2017	6/6	100%	Từ nhiệm ngày 30/06/2017
Nguyễn Ngọc Ánh	Thành viên		11/11	100%	
Nguyễn Quan Anh	Thành viên		11/11	100%	
Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên	30/06/2017	5/5	100%	Bổ nhiệm ngày 30/06/2017

QUẢN TRỊ CÔNG TY (TIẾP THEO)

03. Hoạt động của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

b. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT trong năm 2017

STT	Số nghị quyết/ quyết định	Ngày	Nội dung
1	2002/17/NQHĐQT-HAGL Agrico	20/02/2017	Về việc chốt danh sách cổ đông Công ty để thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
2	2403/17/NQHĐQT-HAGL Agrico	24/03/2017	Về việc hoãn thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
3	0505/17/NQHĐQT-HAGL Agrico	05/05/2017	Về việc miễn nhiệm, bổ nhiệm các chức vụ TGD và phó TGD Công ty
4	0905/17/NQHĐQT-HAGL Agrico	09/05/2017	Về việc chốt danh sách cổ đông Công ty để tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2017
5	1505/17/NQHĐQT-HAGL Agrico	15/05/2017	Về việc thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
6	2006/17/NQHĐQT-HAGL Agrico	20/06/2017	Về việc thông qua các vấn đề sẽ báo cáo và trình ĐHĐCĐ thường niên 2017
7	0407/17/NQHĐQT-HAGL Agrico	04/07/2017	Về việc tạm ngừng triển khai phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi nợ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 0706/17/NQHĐQT-HAGL Agrico lấy ý kiến bằng văn bản ngày 07/06/2017
8	1807/17/NQHĐQT-HAGL Agrico	18/07/2017	Về việc chốt danh sách cổ đông Công ty cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai
9	0208/17/NQHĐQT-HAGL Agrico	02/08/2017	Về việc điều chỉnh thời gian thực hiện lấy ý kiến cổ đông Công ty cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai
10	2209/17/NQHĐQT-HAGL Agrico	22/09/2017	Về việc triển khai chi tiết phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ năm 2017 Công ty cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai
11	1011/17/NQHĐQT-HAGL Agrico	10/11/2017	Về việc chỉ đạo Bộ phận Tài chính Kế toán tăng cường rà soát số liệu kế toán, tập trung cho việc lập Báo cáo tài chính Quý 4/2017

c. Danh sách các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành có chứng chỉ đào tạo về Quản trị Công ty

Công ty luôn chủ động tạo điều kiện để các thành viên HĐQT, thành viên Ban TGD, thành viên BKS, các cán bộ quản lý và Thư ký Công ty tham gia các khóa đào tạo về Quản trị Công ty.

A photograph of several business professionals in suits gathered around a table, reviewing documents and charts. The scene is overlaid with semi-transparent colored circles in shades of green, orange, and yellow. The text 'BÁO CÁO TÀI CHÍNH' is centered in a white circle.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

01. Thông tin chung	70
02. Báo cáo của Ban Giám đốc	72
03. Báo cáo kiểm toán độc lập	73
04. Bảng cân đối kế toán hợp nhất	75
05. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	77
06. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	78
07. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	80

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và mười lăm (15) GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCKHCM”) theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015 với mã giao dịch là “HNG”.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có mười một (11) công ty con trực tiếp, mười (10) công ty con gián tiếp và hai (2) công ty liên kết.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty là chăn nuôi và kinh doanh bò sữa và bò thịt; trồng và kinh doanh cao su, cọ dầu, trái cây; sản xuất và mua bán cây giống; cung cấp dịch vụ trồng trọt và các vật liệu liên quan; xây dựng nhà các loại; xây dựng công nghiệp và các công trình dân dụng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	
Ông Võ Trường Sơn	Thành viên	
Ông Đoàn Nguyên Thu	Thành viên	
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2017
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Thành viên	từ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2017
Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên	
Ông Nguyễn Ngọc Ánh	Thành viên	
Ông Nguyễn Quan Anh	Thành viên	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	
Bà Nguyễn Thị Hải Yến	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2017
Ông Lê Hồng Phong	Trưởng ban	từ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2017
Ông Dương Trần Hùng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2017
Ông Phạm Ngọc Châu	Thành viên	

THÔNG TIN CHUNG (TIẾP THEO)

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 5 tháng 5 năm 2017
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 5 tháng 5 năm 2017
Ông Phan Thanh Thủ	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Ngọc Ánh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trịnh Xuân Nhân	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hoàng Đình Quý	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Quan Anh	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 5 tháng 5 năm 2017
Ông Lê Đình Vũ	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 5 tháng 5 năm 2017

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 5 tháng 5 năm 2017
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 5 tháng 5 năm 2017

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Võ Thị Mỹ Hạnh
Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Ngày 30 tháng 3 năm 2018



Ernst & Young Việt Nam Limited
28th floor, Bitexco Financial Tower,
2 Hai Trieu Street District 1, Ho Chi Minh City
Socialist Republic of Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Fax: +84 28 3824 5250
Website: ey.com

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số tham chiếu: 61280353/19355528-HN

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") và các công ty con ("Nhóm Công ty") được lập ngày 30 tháng 3 năm 2018 và được trình bày từ trang 6 đến trang 78, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.2 của báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập với giả định rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, nợ ngắn hạn của Nhóm Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn là 2.184.583.362 ngàn VND. Ngoài ra, tại ngày này, Nhóm Công ty đã vi phạm một số điều khoản của các khoản vay và trái phiếu như được trình bày tại các Thuyết minh số 24.2, 24.4 và 24.5 của báo cáo tài chính hợp nhất. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Nhóm Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Đoàn Thị Thu Thủy
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1070-2018-004-1



Phạm Thị Cẩm Tú
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2266-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 30 tháng 3 năm 2018

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 39)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		4.416.622.838	6.474.756.155
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	53.262.986	311.458.305
111	1. Tiền		50.262.986	296.458.305
112	2. Các khoản tương đương tiền		3.000.000	15.000.000
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		3.315.582.027	4.647.938.185
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	2.008.940.531	1.679.695.030
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	735.872.145	1.733.579.210
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	357.633.041	399.490.706
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	226.179.121	841.151.541
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(13.042.811)	(5.978.302)
140	III. Hàng tồn kho	10	1.008.560.404	1.495.406.566
141	1. Hàng tồn kho		1.015.931.766	1.680.531.509
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(7.371.362)	(185.124.943)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		39.217.421	19.953.099
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	16	28.460.482	8.008.788
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		10.428.256	6.633.439
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	20	328.683	5.310.872
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		27.865.557.407	28.520.463.355
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		2.651.637.754	2.525.035.814
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	8	2.005.714.973	1.897.793.366
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	645.922.781	627.242.448
220	II. Tài sản cố định		6.900.466.447	6.848.887.310
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	6.870.301.911	6.812.407.374
222	Nguyên giá		7.989.910.734	8.015.686.610
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.119.608.823)	(1.203.279.236)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	30.164.536	36.479.936
228	Nguyên giá		54.845.260	54.845.260
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(24.680.724)	(18.365.324)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		13.347.574.348	13.360.385.870
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	13.347.574.348	13.360.385.870
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	15	861.491.710	889.561.285
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		861.491.710	889.561.285
260	V. Tài sản dài hạn khác		4.104.387.148	4.896.593.076
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	552.520.160	951.653.416
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	33.2	54.262.577	38.764.262
269	3. Lợi thế thương mại	17	3.497.604.411	3.906.175.398
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		32.282.180.245	34.995.219.510

BẢNG CÂN ĐỐI
KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 31 tháng 12 năm 2017

B01-DN/HN
(tiếp theo)

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 39)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		22.129.411.861	25.272.150.147
310	I. Nợ ngắn hạn		6.601.206.200	6.322.752.789
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	18	684.133.747	747.126.722
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19	368.099.058	255.486.294
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	71.013.027	120.154.736
314	4. Phải trả người lao động		60.471.407	50.924.302
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	983.750.298	419.873.647
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	22	24.010.127	9.101.752
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	23	2.684.669.944	2.061.755.834
320	8. Vay ngắn hạn	24	1.725.058.592	2.658.329.502
330	II. Nợ dài hạn		15.528.205.661	18.949.397.358
337	1. Phải trả dài hạn khác	23	3.080.107.726	1.407.316.059
338	2. Vay dài hạn	24	12.436.181.455	17.432.565.186
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	33.2	11.916.480	109.516.113
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		10.152.768.384	9.723.069.363
410	I. Vốn chủ sở hữu		10.152.768.384	9.723.069.363
411	1. Vốn cổ phần	25.1	7.671.438.950	7.671.438.950
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		7.671.438.950	7.671.438.950
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	25.1	1.064.550.810	1.064.550.810
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	25.1	454.592.390	543.342.876
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	25.1	911.299.891	383.861.675
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		383.861.675	2.126.574.755
421b	- Lợi nhuận (lỗ) sau thuế chưa phân phối năm nay		527.438.216	(1.742.713.080)
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	26	50.886.343	59.875.052
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		32.282.180.245	34.995.219.510

Phạm Thị Lưu Ly
Người lập

Hồ Thị Tuyết Loan
Kế toán trưởng

Võ Thị Mỹ Hạnh
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

B02-DN/HN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 39)
01	1. Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.1	3.321.021.229	4.785.399.649
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	28.1	-	(1.249.713)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.1	3.321.021.229	4.784.149.936
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	29	(2.106.498.608)	(4.624.177.419)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.214.522.621	159.972.517
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	28.2	1.014.721.130	230.097.487
22	7. Chi phí tài chính	30	(854.439.086)	(840.423.931)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(813.216.302)	(750.166.442)
24	8. Phần (lỗ) lãi trong công ty liên kết	15	(28.069.575)	15.581.670
25	9. Chi phí bán hàng	31	(93.271.543)	(88.821.909)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	(585.188.578)	(315.875.117)
30	11. Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		668.274.969	(839.469.283)
31	12. Thu nhập khác	32	245.097.700	146.947.925
32	13. Chi phí khác	32	(472.117.888)	(954.522.953)
40	14. Lỗ khác	32	(227.020.188)	(807.575.028)
50	15. Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế		441.254.781	(1.647.044.311)
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	33.1	(23.890.080)	(2.769.781)
52	17. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	33.2	113.097.948	(128.038.244)
60	18. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế TNDN		530.462.649	(1.777.852.336)
61	19. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế của công ty mẹ		527.438.216	(1.742.713.080)
62	20. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế của cổ đông không kiểm soát	26	3.024.433	(35.139.256)
70	21. Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND)	27	688	(2.297)
71	22. Lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu (VND)	27	581	(2.297)

Phạm Thị Lưu Ly
Người lập

Hồ Thị Tuyết Loan
Kế toán trưởng

Võ Thị Mỹ Hạnh
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

B03-DN/HN

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 39)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	Lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế		441.254.781	(1.647.044.311)
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao và hao mòn (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	11, 12, 17	970.643.111	727.028.741
03	(Hoàn nhập dự phòng) dự phòng		(170.689.072)	183.550.649
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		31.328	52.683.376
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(1.137.148.598)	(346.012.602)
06	Chi phí lãi vay	30	813.216.302	750.166.442
08	Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		917.307.852	(279.627.705)
09	Giảm các khoản phải thu		1.288.679.730	880.114.164
10	Giảm hàng tồn kho		438.256.606	962.148.873
11	Giảm các khoản phải trả		(327.440.018)	(1.084.229.374)
12	Tăng chi phí trả trước		(811.767.701)	(127.007.397)
14	Tiền lãi vay đã trả		(268.076.880)	(353.482.489)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	33.1	(1.000.064)	(239.528)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		1.235.959.525	(2.323.456)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.009.565.068)	(2.185.529.954)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		463.410.814	547.530.515
23	Tiền chi cho các đơn vị khác vay		(914.350.263)	(715.111.278)
24	Tiền thu hồi cho vay		988.740.053	389.552.552
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(4.619.176.184)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.450.356.816	-
27	Tiền thu lãi cho vay và lãi tiền gửi		54.094.406	93.016.993
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		1.032.686.758	(6.489.717.356)

B03-DN/HN
(tiếp theo)

BÁO CÁO
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 39)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	25.1	-	1.652.000.000
33	Tiền thu từ đi vay, mượn		2.465.240.508	10.323.177.911
34	Tiền trả nợ gốc vay, mượn		(4.992.082.110)	(5.503.639.814)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(2.526.841.602)	6.471.538.097
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(258.195.319)	(20.502.715)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		311.458.305	331.961.020
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	53.262.986	311.458.305

Phạm Thị Lưu Ly
Người lập

Hồ Thị Tuyết Loan
Kế toán trưởng

Võ Thị Mỹ Hạnh
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và mười lăm (15) GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCKH-CM”) theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015 với mã giao dịch là “HNG”.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có mười một (11) công ty con trực tiếp, mười (10) công ty con gián tiếp và hai (2) công ty liên kết. Chi tiết các công ty con như sau:

Tên công ty con	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)
(1) Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Sekong, Lào	Đang hoạt động	97,77
(2) Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	97,77
(3) Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Đắk Lắk, Việt Nam	Đang hoạt động	99,53
(4) Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	100,00
(5) Công ty TNHH Hoàng Anh Ratanakiri	Ratanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	100,00
(6) Công ty TNHH Heng Brothers	Ratanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	100,00
(7) Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Ratanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	100,00
(8) Công ty TNHH CRD	Ratanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	100,00
(9) Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Andong Meas	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	97,77
(10) Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00
(11) Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,00
(12) Công ty Cổ phần Đông Pênh	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,90

B09-DN/HN
(tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Tên công ty con	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)
(13) Công ty TNHH Một Thành viên Nông nghiệp Daun Penh	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	99,90
(14) Công ty Cổ phần An Đông Mía	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	69,50
(15) Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat	Ratanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	69,50
(16) Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00
(17) Công ty TNHH Bình Phước Kratie 2	Kratie, Campuchia	Trước hoạt động	100,00
(18) Công ty TNHH Sovann Vuthy	Kratie, Campuchia	Trước hoạt động	100,00
(19) Công ty TNHH Đầu tư Cao su Đông Âu	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Trước hoạt động	100,00
(20) Công ty TNHH Cao su Eastern (Cambodia)	Kratie, Campuchia	Trước hoạt động	100,00
(21) Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,91

Tình trạng trước hoạt động là các công ty con đang trong giai đoạn đầu tư, vẫn chưa bắt đầu hoạt động kinh doanh chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) là chăn nuôi và kinh doanh bò thịt và bò sữa; trồng và kinh doanh cao su, cọ dầu, trái cây và các loại cây trồng khác; sản xuất và mua bán cây giống; cung cấp dịch vụ trồng trọt và các vật liệu liên quan; xây dựng nhà các loại; xây dựng công nghiệp và các công trình dân dụng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên ký kết hợp đồng lao động dài hạn của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 2.129 (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 3.249).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**2.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam (“Ngàn VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Nhóm Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Nhóm Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, nợ ngắn hạn của Nhóm Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn là 2.184.583.362 ngàn VND. Ngoài ra, tại ngày này, Nhóm Công ty đã vi phạm một số điều khoản của các khoản vay và trái phiếu như được trình bày tại các Thuyết minh số 24.2, 24.4 và 24.5 của báo cáo tài chính hợp nhất. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Nhóm Công ty.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Nhóm Công ty đang trong quá trình tiếp tục triển khai các dự án để đảm bảo dòng tiền cho hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty, tái cơ cấu một số khoản nợ và đang trong quá trình làm việc với các bên cho vay về việc điều chỉnh các điều khoản đã vi phạm của các hợp đồng vay và thế chấp có liên quan. Theo đó, Ban Giám đốc Nhóm Công ty vẫn tiến hành lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện nếu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được lập trên cơ sở hoạt động không liên tục.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam (“Ngàn VND”).

2.6 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty con và Công ty.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con. Trong trường hợp Nhóm Công ty không còn nắm quyền kiểm soát các công ty con thì báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Nhóm Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu các công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến khả năng thu hồi bị suy giảm tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|--|---|
| Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa | - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - Chi phí nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường. |

Hàng hóa bất động sản

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Nhóm Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

- Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**3.3 Hàng tồn kho (tiếp theo)****Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Nhóm Công ty mua hoặc thuê. Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là không có thời hạn hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn thể hiện giá trị tiền thuê đất được trích hao mòn theo thời gian thuê còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được trích hao mòn.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Vật nuôi	8 năm
Quyền sử dụng đất	20 năm
Chương trình phần mềm	5 - 8 năm
Tài sản khác	8 - 15 năm

Vườn cây cao su và tiêu

Ban Giám đốc ước tính thời gian kiến thiết cơ bản ban đầu của vườn cây cao su và tiêu lần lượt là 7 năm và 3 năm tính từ thời điểm bắt đầu trồng. Theo đó, Nhóm Công ty bắt đầu chuyển vườn cây cao su và tiêu đang phát triển dở dang thành tài sản cố định và bắt đầu trích khấu hao sau khi kết thúc thời gian kiến thiết cơ bản này.

Vườn cây thanh long

Ban Giám đốc ước tính thời gian kiến thiết cơ bản ban đầu của vườn cây thanh long là 8 đến 9 tháng tính từ thời điểm bắt đầu trồng. Theo đó, Nhóm Công ty bắt đầu chuyển vườn cây thanh long đang phát triển dở dang thành tài sản cố định và bắt đầu trích khấu hao sau khi kết thúc thời gian kiến thiết cơ bản này.

Vườn cọ dầu

Căn cứ theo Báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá vườn cây cọ dầu của Nhóm Công ty được thực hiện bởi Viện Khoa học Lâm nghiệp Nam Trung Bộ và Tây Nguyên vào tháng 8/2017, Ban Giám đốc Công ty ước tính thời gian kiến thiết cơ bản ban đầu của vườn cây cọ dầu là 6 năm, phù hợp với đặc điểm sinh trưởng, phát triển của các vườn cây cọ dầu của Nhóm Công ty tại Campuchia và Lào. Theo đó, Nhóm Công ty bắt đầu chuyển vườn cây cọ dầu đang phát triển dở dang thành tài sản cố định và bắt đầu trích khấu hao sau khi kết thúc thời gian kiến thiết cơ bản này.

Khấu hao các vườn cây

Khấu hao đối với vườn cây cao su được thực hiện dựa trên Công văn số 1937/BTC-TCDN ngày 9 tháng 2 năm 2010 của Cục Tài chính Doanh nghiệp - Bộ Tài chính hướng dẫn trích khấu hao vườn cây cao su và Quyết định số 221/QĐ-CSVN ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây cao su theo chu kỳ khai thác 20 năm.

Khấu hao đối với vườn cây thanh long và tiêu được thực hiện dựa trên Quyết định số 115/17/QĐ-HAGL Agrico ngày 8 tháng 8 năm 2017 của Ban Giám đốc hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây thanh long và tiêu theo chu kỳ khai thác.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Khấu hao và hao mòn (tiếp theo)

Khấu hao các vườn cây (tiếp theo)

Chi tiết như sau:

Năm khai thác	Vườn cây cao su	Vườn cây thanh long	Tỷ lệ khấu hao (%) Vườn cây tiêu
Năm thứ 1	2,50	1,00	4,60
Năm thứ 2	2,80	3,40	8,50
Năm thứ 3	3,50	5,00	8,50
Năm thứ 4	4,40	6,70	8,50
Năm thứ 5	4,80	8,40	8,50
Năm thứ 6	5,40	8,40	8,50
Năm thứ 7	5,40	8,40	6,20
Năm thứ 8	5,10	8,40	6,20
Năm thứ 9	5,10	8,40	6,20
Năm thứ 10	5,00	8,40	3,80
Năm thứ 11	7,00	6,70	3,80
Năm thứ 12	6,60	6,70	3,80
Năm thứ 13	6,20	6,70	3,80
Năm thứ 14	5,90	6,70	3,80
Năm thứ 15	5,50	Giá trị còn lại	3,80
Năm thứ 16	5,40		3,80
Năm thứ 17	5,00		3,80
Năm thứ 18	5,50		Giá trị còn lại
Năm thứ 19	5,20		
Năm thứ 20	Giá trị còn lại		

3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc xây dựng và phát triển nhà xưởng, văn phòng, vật kiến trúc, vườn cây cao su, cọ dầu và các vườn cây khác của Nhóm Công ty mà chưa được hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Nhà xưởng, văn phòng và vật kiến trúc

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các nhà xưởng, văn phòng và vật kiến trúc của Nhóm Công ty như chi phí xây dựng, chi phí khảo sát, thiết kế và các chi phí có liên quan khác.

Vườn cây

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển vườn cây cao su, cây cọ dầu, vườn tiêu, vườn cây ăn quả và các vườn cây khác như chi phí khảo sát, đèn bù đất, khai hoang, vườn ươm, phân bón, vận chuyển cây giống, nguyên vật liệu khác, chi phí nhân công, đường đi và hàng rào, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ, thuốc diệt cỏ và các chi phí có liên quan khác.

Dự án bò

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hình thành và phát triển dự án bò như giá trị bò giống, chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng, chuồng trại và các chi phí khác có liên quan.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**3.8 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm tiền lãi vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các năm mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là công cụ, dụng cụ, tiền thuê đất trả trước và chi phí phát triển vườn cây ăn quả và vườn cây khác. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

- Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn, được phân bổ dần không quá ba (03) năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất; và
- Chi phí phát triển vườn cây ăn quả, vườn cỏ và vườn cây khác bao gồm: chi phí cây giống, chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn. Chi phí cây giống được phân bổ theo thời gian gắn liền với đặc tính sinh trưởng của cây. Chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn cây được phân bổ theo thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá gốc từ việc hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được mua, khoản chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ Nhóm Công ty đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn so với số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**3.11 Các khoản đầu tư***Đầu tư vào công ty liên kết*

Khoản đầu tư của Nhóm Công ty vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của các công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Nhóm Công ty trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được hoặc lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư vào đơn vị khác

Đầu tư vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm được lập theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Dự phòng

Nhóm Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Nhóm Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**3.14 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch;
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Nhóm Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Việc chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con mà việc ghi chép sổ sách được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi tương ứng theo tỷ giá mua và bán bình quân của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty mở tài khoản vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm;
- Vốn được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày góp vốn;
- Doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí được quy đổi theo tỷ giá bình quân năm; và

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi khoản đầu tư được thanh lý.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**3.16 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Đối với việc ghi nhận doanh thu căn hộ, doanh thu được hạch toán khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây:

- Nhóm Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu căn hộ cho người mua;
- Nhóm Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý căn hộ như người sở hữu căn hộ hoặc quyền kiểm soát căn hộ;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Nhóm Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán căn hộ; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán căn hộ.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Các khoản tăng hoặc giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**3.18 Thuế***Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải nộp phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết khi Nhóm Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải ghi giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**3.18 Thuế (tiếp theo)***Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

3.20 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được xác định dựa trên việc bán các sản phẩm (trồng cây, chăn nuôi, thương mại và dịch vụ và khác). Ban Giám đốc Công ty xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty dựa theo địa điểm của tài sản.

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

Chuyển nhượng toàn bộ cổ phần trong Công ty Cổ phần Mía Đường Hoàng Anh Gia Lai và Công ty TNHH Mía Đường Hoàng Anh Attapeu

Vào ngày 22 tháng 5 năm 2017, Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng toàn bộ 99,99% phần vốn góp trong Công ty Cổ phần Mía Đường Hoàng Anh Gia Lai và Công ty TNHH Mía Đường Hoàng Anh Attapeu (“Nhóm công ty Mía đường”) với tổng giá bán là 1.330.000.000 ngàn VND cho các đối tác. Theo đó, số tiền lãi là 608.961.607 ngàn VND từ việc chuyển nhượng này được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Thuyết minh số 28.2).

Nhóm Công ty đã tiến hành điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 do ảnh hưởng của nghiệp vụ này như được trình bày tại Thuyết minh số 39.

Chuyển nhượng toàn bộ Cổ phần trong Công ty Cổ phần Hoàng Anh Ban Mê

Vào ngày 1 tháng 6 năm 2017, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ 99,92% phần vốn góp trong Công ty Cổ phần Hoàng Anh Ban Mê với tổng giá bán là 130.000.000 ngàn VND cho một cá nhân, bên liên quan (Thuyết minh số 34). Theo đó, số tiền lãi là 107.418.184 ngàn VND từ việc chuyển nhượng này được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Thuyết minh số 28.2).

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 39)
Tiền gửi ngân hàng	46.452.899	289.622.311
Tiền mặt	3.810.087	6.835.994
Các khoản tương đương tiền (*)	3.000.000	15.000.000
TỔNG CỘNG	53.262.986	311.458.305

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn bằng VND có kỳ hạn gốc dưới ba (3) tháng và hưởng lãi suất 4,3% một năm.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 39)
Phải thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.138.718.726	861.834.420
- Công ty TNHH Nuth Ton	64.738.746	-
- Trịnh Thị Thảo	60.076.852	-
- Công ty TNHH MTV Thương mại Thành An	34.400.372	8.512.668
- Phải thu từ các khách hàng khác	979.502.756	853.321.752
Phải thu từ xây dựng sân bay cho Chính phủ Lào	737.569.190	727.713.177
Phải thu về chuyển nhượng dự án	132.652.615	90.147.433
TỔNG CỘNG	2.008.940.531	1.679.695.030
Trong đó:		
Phải thu các bên thứ ba	1.373.049.166	1.100.403.717
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 34)	635.891.365	579.291.313
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(13.042.811)	(5.978.302)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.995.897.720	1.673.716.728

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 39)
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	698.980.458	1.537.124.896
- Công ty TNHH Sản xuất Chế biến Nông sản Cát Tường	20.218.907	16.251.870
- Công ty TNHH Vận tải Hoàng Phát Pleiku	16.423.630	6.965.814
- Các khoản trả trước khác	662.337.921	1.513.907.212
Trả trước cho nhà thầu xây dựng và mua máy móc thiết bị	33.608.709	193.133.363
Trả trước cho thầu phụ của các dự án sân bay tại Lào	3.282.978	3.320.951
TỔNG CỘNG	735.872.145	1.733.579.210
Trong đó:		
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 34)	632.732.553	1.613.397.390
Trả trước cho các bên thứ ba	103.139.592	120.181.820

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN
(tiếp theo)

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	357.633.041	399.490.706
Cho vay các bên liên quan (Thuyết minh số 34) (i)	280.606.633	346.140.125
Cho vay các bên thứ ba	77.026.408	53.350.581
Dài hạn	2.005.714.973	1.897.793.366
Cho vay các bên liên quan (Thuyết minh số 34) (i)	1.836.056.482	1.815.702.624
Cho vay các bên thứ ba	169.658.491	82.090.742
- Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Samaki (ii)	141.465.392	82.090.742
- Khác	28.193.099	-
TỔNG CỘNG	2.363.348.014	2.297.284.072

(i) Đây là các khoản cho vay tín chấp có thời hạn hoàn trả từ năm 2018 đến năm 2022 và có lãi suất từ 8%/năm đến 15%/năm.

(ii) Đây là khoản cho vay tín chấp và có thời hạn hoàn trả từ năm 2021 đến năm 2023.

9. PHẢI THU KHÁC

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 39)
Ngắn hạn	226.179.121	841.151.541
Cho mượn các công ty	17.589.684	663.774.612
Tạm ứng cho nhân viên	72.631.171	42.086.601
Lãi cho vay các công ty	61.470.348	119.212.551
Khác	74.487.918	16.077.777
Trong đó:		
<i>Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 34)</i>	127.811.783	507.112.005
<i>Phải thu từ các bên thứ ba</i>	98.367.338	334.039.536
Dài hạn	645.922.781	627.242.448
Lãi cho vay các công ty	266.086.939	81.356.191
Cho mượn các công ty	248.004.788	397.983.108
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	125.750.981	132.347.166
Ký quỹ	6.080.073	14.973.481
Khác	-	582.502
Trong đó:		
<i>Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 34)</i>	639.842.708	588.990.280
<i>Phải thu từ các bên thứ ba</i>	6.080.073	38.252.168
TỔNG CỘNG	872.101.902	1.468.393.989

B09-DN/HN
(tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

(*) Khoản này bao gồm:

Khoản 101.100.000 ngàn VND nhận từ Công ty Cổ phần Cao Su Trung Nguyên ("CSTN") – công ty con trong Tập đoàn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa CSTN và Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Gia Lai, Công ty liên kết, để đầu tư vào dự án Chăn nuôi và Phát triển đàn bò sinh sản, bò thịt với tổng giá trị dự án là 1.499.451.326 ngàn VND trong thời hạn 5 năm (từ ngày 20 tháng 5 năm 2016 đến ngày 20 tháng 5 năm 2021). Lợi nhuận từ dự án sẽ được chia theo tỷ lệ góp vốn thực tế của các bên; và

Khoản 24.650.981 ngàn VND nhận từ Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Gia Lai theo hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Bò Sữa Tây Nguyên ("BSTN") liên quan tới mảng dự án trồng chanh dây, thanh long và mảng trồng cỏ, chăn nuôi bò tại Gia Lai, theo hợp đồng số 01/HTKD/BSTN-CNGL ngày 11 tháng 11 năm 2016 và các phụ lục thay đổi.

10. HÀNG TỒN KHO

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 39)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	828.112.025	1.243.993.130
Trong đó:		
<i>Hợp đồng xây dựng (i)</i>	586.619.642	571.123.747
<i>Chi phí nuôi bò thịt (ii)</i>	127.025.619	437.115.594
<i>Hoạt động sản xuất</i>	114.466.764	235.753.789
Nguyên vật liệu	119.053.882	201.992.811
Giá trị các căn hộ sẵn sàng để bán (iii)	30.259.823	85.207.487
Thành phẩm	12.120.220	130.646.482
Công cụ, dụng cụ	6.380.301	9.379.152
Hàng hóa	20.005.515	9.312.447
TỔNG CỘNG	1.015.931.766	1.680.531.509
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(7.371.362)	(185.124.943)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.008.560.404	1.495.406.566

(i) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Hợp đồng Xây dựng Sân bay Quốc tế Nongkhang tại tỉnh Hua Phan, Cộng hòa Dân chủ - Nhân dân Lào theo hợp đồng xây dựng số No.LAO - NKPO1, ngày 15 tháng 6 năm 2013 với tổng giá trị nghiệm thu cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 là: 25.584.644 USD (31.12.2016: 25.584.644 USD). Theo biên bản làm việc số 27610/GTVT ngày 12 tháng 12 năm 2017 giữa đại diện chủ đầu tư là Cục hàng không dân dụng chính phủ Lào, đại diện Công ty Tư vấn Giám sát dự án và Nhóm Công ty, dự án đã được gia hạn thời gian thực hiện đến hết tháng 6 năm 2019.

(ii) Tất cả bò thịt đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh số 24).

(iii) Các căn hộ sẵn sàng để bán đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh số 24).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN
(tiếp theo)

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Ngàn VND

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và Phương tiện vận tải, truyền dẫn thiết bị	Thiết bị văn phòng	Vật nuôi và cây trồng lâu năm	Tài sản khác	Tổng cộng
Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 39)	1.940.690.850	1.944.154.454	1.708.746.497	1.310.465	28.726.163	8.015.686.610
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	117.590.648	12.074.696	250.388.417	-	665.191	2.421.821.884
Mua trong năm	35.100.945	64.178.653	42.202.420	33.110	200.000	280.433.228
Giảm từ thanh lý công ty con	(835.493.560)	(1.158.899.588)	(194.728.489)	(205.802)	(5.581.418)	(2.194.908.857)
Thanh lý trong năm	(45.410.081)	(817.600)	(4.872.134)	(126.082)	-	(509.742.401)
Phân loại lại	132.557.296	(448.445.181)	320.018.299	570.296	(4.700.710)	-
Chênh lệch tỷ giá	(1.412.955)	(32.098.166)	5.618.348	(455)	(3.571.540)	(23.379.730)
Số cuối năm	1.343.623.143	380.147.268	2.127.373.358	1.581.532	15.737.686	7.989.910.734
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	10.689.986	27.413.558	23.470.389	750.642	1.463.943	63.788.518
Khấu hao lũy kế						
Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 39)	297.022.470	408.840.618	263.749.361	1.083.995	5.588.798	1.203.279.236
Khấu hao trong năm	126.651.293	79.763.969	163.179.299	131.602	2.116.486	555.756.724
Giảm từ thanh lý công ty con	(142.383.071)	(304.808.157)	(55.689.831)	(178.284)	(1.433.654)	(504.492.997)
Thanh lý trong năm	(11.085.040)	(36.425)	(1.338.611)	(11.950)	-	(131.898.078)
Phân loại lại	3.538.913	(7.335.831)	2.092.764	293.787	1.410.367	-
Chênh lệch tỷ giá	7.505.382	(3.784.893)	(5.223.179)	(976)	(3.547.517)	(3.036.062)
Số cuối năm	281.249.947	172.639.281	366.769.803	1.318.174	4.134.480	1.119.608.823
Giá trị còn lại						
Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 39)	1.643.668.380	1.535.313.836	1.444.997.136	226.470	23.137.365	6.812.407.374
Số cuối năm	1.062.373.196	207.507.987	1.760.603.555	263.358	11.603.206	6.870.301.911
Trong đó:						
Thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay (Thuyết minh số 24)	1.010.184.096	206.802.547	1.760.603.555	263.358	9.532.317	6.815.336.482

B09-DN/HN
(tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Nhóm Công ty đã sử dụng Khách sạn Hoàng Anh Attapeu, thuộc sở hữu của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu, công ty con trong Nhóm Công ty, để đảm bảo cho khoản vay ngân hàng của Công ty TNHH Mía đường Thành Thành Công Attapeu, bên thứ ba. Chi tiết như sau:

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Tài sản khác	Tổng cộng
Số cuối năm	52.189.100	705.440	2.070.889	54.965.429

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm và số cuối năm	6.648.075	48.197.185	54.845.260
Hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	581.707	17.783.617	18.365.324
Hao mòn trong năm	332.403	5.982.997	6.315.400
Số cuối năm	914.110	23.766.614	24.680.724
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	6.066.368	30.413.568	36.479.936
Số cuối năm	5.733.965	24.430.571	30.164.536

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 39)
Chi phí phát triển vườn cây cao su và cây cọ dầu (*)	10.769.372.185	11.830.017.268
Chi phí phát triển vườn cây ăn quả (*)	1.680.929.811	621.401.558
Xây dựng nhà máy sản xuất cọ dầu	417.589.499	379.158.960
Nhà cửa và vật kiến trúc (*)	265.425.840	318.657.348
Chi phí vườn tiêu	114.959.517	118.707.592
Chi phí dự án bò (*)	6.617.792	6.637.816
Các công trình khác	92.679.704	85.805.328
TỔNG CỘNG	13.347.574.348	13.360.385.870

(*) Vườn cây cao su, cọ dầu, cây ăn quả, nhà cửa và vật kiến trúc và chi phí dự án bò đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh số 24).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN
(tiếp theo)

14. CHI PHÍ LÃI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong năm, Nhóm Công ty đã vốn hóa các chi phí lãi vay trị giá 696.738.105 ngàn VND vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016: 775.004.446 ngàn VND). Các khoản chi phí lãi vay này phát sinh từ các khoản vay ngân hàng và phát hành trái phiếu để tài trợ vốn cho việc xây dựng và phát triển nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc thiết bị, vườn cây cao su và cọ dầu.

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Ngàn VND

	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 39)
Đầu tư vào các công ty liên kết	861.491.710	889.561.285

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ sở hữu %	Giá trị ghi sổ Ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu %	Giá trị ghi sổ Ngàn VND
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai (*)	Chăn nuôi và cây ăn quả	23,46	564.341.889	23,46	602.417.978
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar (**)	Trồng cây cao su	49,14	297.149.821	49,14	287.143.307
TỔNG CỘNG			861.491.710		889.561.285

(*) Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai ("CNGL") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5900988952, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 3 tháng 6 năm 2014. Hoạt động kinh doanh chính của CNGL là chăn nuôi và kinh doanh bò thịt, bò sữa và cây ăn quả.

(**) Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar ("Bidiphar") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3503000155 do SKHĐT Tỉnh Bình Định cấp vào ngày 14 tháng 9 năm 2007 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh. Hoạt động kinh doanh chính của Bidiphar là trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến cao su.

B09-DN/HN
(tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

Giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Ngàn VND

	Giá trị
Giá trị đầu tư	
Số đầu năm và cuối năm	881.804.636
Phần lợi nhuận (lỗ) lũy kế sau khi đầu tư	
Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 39)	7.756.649
Lợi nhuận chưa thực hiện được trừ	(3.184.362)
Phần lỗ từ công ty liên kết trong năm	(24.885.213)
Số cuối năm	(20.312.926)
Giá trị còn lại	
Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 39)	889.561.285
Số cuối năm	861.491.710

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Ngàn VND

	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 39)
Ngắn hạn	28.460.482	8.008.788
Chi phí phát triển vườn cây ăn quả	24.650.486	-
Công cụ, dụng cụ	2.678.440	6.712.301
Chi phí khác	1.131.556	1.296.487
Dài hạn	552.520.160	951.653.416
Chi phí phát triển vườn cây ăn quả	338.295.134	180.391.266
Chi phí khai hoang	119.745.845	109.720.596
Tiền thuê đất	67.902.411	64.100.399
Công cụ, dụng cụ	11.690.885	17.872.686
Chi phí thuê văn phòng	5.303.877	5.510.308
Chi phí phát triển vườn mía	-	568.937.694
Chi phí khác	9.582.008	5.120.467
TỔNG CỘNG	580.980.642	959.662.204

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN
(tiếp theo)

17. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Ngàn VND

	Giá trị
Nguyên giá	
Số đầu năm và số cuối năm	4.085.709.858
Phân bổ lũy kế	
Số đầu năm	(179.534.460)
Phân bổ trong năm (Thuyết minh số 31)	(408.570.987)
Số cuối năm	(588.105.447)
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	3.906.175.398
Số cuối năm	3.497.604.411

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Ngàn VND

	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 39)
Phải trả người bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	677.867.839	712.903.477
- Ông Pramoul Kaokitwilai	28.086.149	27.039.907
- Công ty TNHH Hoàng Tâm	7.791.939	2.983.674
- Khác	641.989.751	682.879.896
Phải trả người bán máy móc và thiết bị	45.530	12.654.466
Phải trả nhà thầu xây dựng	4.873.670	4.368.714
Phải trả khác	1.346.708	17.200.065
TỔNG CỘNG	684.133.747	747.126.722
Trong đó:		
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 34)	449.392.654	377.425.999
Phải trả các bên thứ ba	234.741.093	369.700.723

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

Ngàn VND

	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 39)
Bên thứ ba trả tiền trước	222.218.380	209.076.470
- Công ty Cổ phần Chăn nuôi Bình Hà	103.163.300	103.163.300
- Công ty Cổ phần Truyền thông Cánh Đồng Vàng	76.610.536	-
- Ông Lim Yau Hewy	23.370.000	22.796.000
- Các công ty khác	19.074.544	83.117.170
Bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 34)	145.880.678	46.409.824
TỔNG CỘNG	368.099.058	255.486.294

B09-DN/HN
(tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Ngàn VND

	Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 39)	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	Số cuối năm
Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 33.1)	5.276.104	-	(4.990.273)	285.831
Thuế khác	34.768	8.084	-	42.852
TỔNG CỘNG	5.310.872	8.084	(4.990.273)	328.683
Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 33.1)	15.531.200	23.992.459	(1.000.064)	38.523.595
Thuế giá trị gia tăng	97.875.840	27.668.481	(104.450.639)	21.093.682
Thuế thu nhập cá nhân	3.404.963	3.320.890	(1.638.286)	5.087.567
Thuế khác	3.342.733	5.060.845	(2.095.395)	6.308.183
TỔNG CỘNG	120.154.736	60.042.675	(109.184.384)	71.013.027

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Ngàn VND

	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 39)
Chi phí hoạt động	705.108.055	278.039.955
Chi phí lãi vay	256.642.243	118.205.543
Chi phí khác	22.000.000	23.628.149
TỔNG CỘNG	983.750.298	419.873.647

22. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn thể hiện lợi nhuận chưa thực hiện của các nghiệp vụ bán hàng giữa Nhóm Công ty và các Công ty liên kết được loại trừ trên hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN
(tiếp theo)

23. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 39)
Ngàn VND		
Ngắn hạn	2.684.669.944	2.061.755.834
Nhận vốn góp từ các cổ đông (*)	1.197.000.000	-
- Công ty Cổ phần Hưng Thắng Lợi Gia Lai	500.000.000	-
- Ông Nguyễn Thanh Quang	232.335.000	-
- Ông Nguyễn Mạnh Hùng	232.330.000	-
- Bà Vũ Thị Thúy Hương	232.335.000	-
Phải trả lãi vay	653.334.830	762.023.950
Phải trả tiền mượn các công ty	465.529.914	1.127.484.715
Phải trả tiền thuê đất	51.528.927	83.353.623
Phải trả về hợp tác kinh doanh (**)	150.000.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	167.276.273	88.893.546
Trong đó:		
<i>Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 34)</i>	1.397.515.078	1.453.246.700
<i>Phải trả các bên thứ ba</i>	1.287.154.866	608.509.134
Dài hạn	3.080.107.726	1.407.316.059
Phải trả về hợp tác kinh doanh (***)	1.064.788.888	1.043.211.100
Phải trả lãi vay	1.225.680.542	206.170.426
Phải trả tiền thuê đất	135.665.953	148.216.941
Phải trả tiền mượn	653.972.343	9.717.592
Trong đó:		
<i>Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 34)</i>	2.595.522.604	1.179.448.777
<i>Phải trả các bên thứ ba</i>	484.585.122	227.867.282
TỔNG CỘNG	5.764.777.670	3.469.071.893

(*) Theo Nghị Quyết Đại Hội đồng Cổ đông bất thường với hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản số 1909/17/NQĐHĐCĐ-HAGL Agrico ngày 19 tháng 9 năm 2017, Công ty đã phát hành riêng lẻ 119.700.000 cổ phiếu để hoán đổi nợ vay thành vốn cổ phần với giá phát hành theo mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, việc chào bán vẫn chưa được hoàn thành (Thuyết minh số 40).

(**) Hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên (công ty con trong Nhóm Công ty), và Công ty TNHH Dịch vụ Nông Nghiệp Tây Nguyên ("NNTN") (bên liên quan) để đầu tư vào dự án chăn nuôi bò thịt tại tỉnh Gia Lai với tổng giá trị đầu tư dự kiến vào dự án là 150 tỷ VND và thời hạn 1 năm theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 2010/2017/HTKD/BSTN - DVNN ngày 20 tháng 10 năm 2017. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, NNTN đã góp số tiền là 150 tỷ VND. Việc hợp tác đầu tư này sẽ không hình thành pháp nhân mới và lợi nhuận từ dự án sẽ được chia theo tỷ lệ góp vốn thực tế của các bên.

(***) Hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên (công ty con trong Nhóm Công ty), và Công ty TNHH An Tiến ("An Tiến") (bên liên quan) để đầu tư vào dự án chăn nuôi bò thịt và bò sinh sản với tổng giá trị dự án là 963.968.249 ngàn VND với thời hạn 5 năm theo Hợp đồng Hợp tác Đầu tư số 01/2016/HĐHT ngày 20 tháng 5 năm 2016. Theo đó, An Tiến sẽ góp 700.000.000 ngàn VND vốn đầu tư vào dự án. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, An Tiến đã góp số tiền là 550.000.000 ngàn VND.

Ngoài ra, phải trả về hợp tác kinh doanh còn bao gồm hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty Cổ phần An Đông Mía (công ty con trong Nhóm Công ty) và Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (công ty mẹ) ("HAG") để đầu tư vào dự án 9.173 ha cao su và xây dựng nhà máy chế biến mủ cao su tại Huyện Koun Mom, Tỉnh Ratanakiri, Vương quốc Campuchia theo Hợp đồng Hợp tác Đầu tư số 0103/2014/HAGL-ADM/HĐHTĐT ngày 1 tháng 3 năm 2014. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, HAG đã góp số tiền là 514.788.888 ngàn VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY

B09-DN/HN
(tiếp theo)

	Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 39)	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Ngàn VND				
Vay ngắn hạn	2.658.329.502	2.866.099.427	(3.799.370.337)	1.725.058.592
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 24.4)	187.922.531	85.303.301	(174.184.102)	99.041.730
Vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh số 24.1)	1.071.367.450	1.404.846.431	(1.794.685.819)	681.528.062
Vay dài hạn bên liên quan đến hạn trả (Thuyết minh số 24.6)	333.097.953	776.500.000	(333.097.953)	776.500.000
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả (Thuyết minh số 24.5)	297.091.268	87.358.395	(297.732.463)	86.717.200
Vay ngắn hạn từ công ty và cá nhân (Thuyết minh số 24.2)	761.027.300	-	(699.670.000)	61.357.300
Vay ngắn hạn từ bên liên quan (Thuyết minh số 24.3)	7.823.000	512.091.300	(500.000.000)	19.914.300
Vay dài hạn	17.432.565.186	1.053.397.460	(6.049.781.191)	12.436.181.455
Vay dài hạn bên liên quan (Thuyết minh số 24.6)	9.651.141.757	479.399.748	(5.105.943.947)	5.024.597.558
Vay dài hạn ngân hàng (Thuyết minh số 24.4)	5.964.217.510	263.067.954	(851.120.044)	5.376.165.420
Vay dài hạn trái phiếu (Thuyết minh số 24.5)	1.817.205.919	305.929.758	(92.717.200)	2.030.418.477
Vay dài hạn cá nhân (Thuyết minh số 24.7)	-	5.000.000	-	5.000.000
TỔNG CỘNG	20.090.894.688	3.919.496.887	(9.849.151.528)	14.161.240.047
Ngàn VND				
24.1 Vay ngắn hạn ngân hàng				
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong ("TPbank")	-	321.597.754	-	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV")	-	124.692.721	-	504.124.600
Ngân hàng Liên doanh Lào Việt ("Laos - Viet Bank")	-	119.898.087	-	349.778.076
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín ("Sacombank")	-	80.737.650	-	24.157.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia ("BIDC")	-	34.601.850	-	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ("HD Bank")	-	-	-	193.307.774
TỔNG CỘNG		681.528.062		1.071.367.450

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN
(tiếp theo)**24. VAY (tiếp theo)****24.1 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)**

Chi tiết của các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm Ngàn VND	Nguyên tệ USD	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 10, 11 và 13)
<i>BIDV, Chi nhánh Gia Lai</i> Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/20155331375/HDTD kí ngày 19 tháng 6 năm 2015	124.692.721	-	Từ ngày 2 tháng 1 năm 2018 đến ngày 16 tháng 4 năm 2018	USD 7,70 -7,90 VND 9,30 - 11,60	2 tầng thuộc khu thương mại nằm trên thửa đất số 478, tờ bản đồ số 9 tại Tổ hợp chung cư - Thương mại Bàu Thạc Gián, Đường Hàm Nghi, Phường Thạc Gián, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam thuộc sở hữu của HAG; 7 xe ô tô thuộc sở hữu HAG; 3.310.000 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của HAG; Quyền sử dụng và khai thác 1.194,74 ha cao su tại Xã Pờ Tô thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên
<i>BIDC</i> Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/115529/ADM-BIDC ngày 6 tháng 10 năm 2017	34.601.850	1.500.000	Từ ngày 19 tháng 10 năm 2018 đến ngày 27 tháng 10 năm 2018	9,00	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất bao gồm công trình xây dựng và các dự án đầu tư tại thửa đất Civ 0030-0182; Civ0031-0183; Civ0032-0184, Civ 0036-0188; Civ 0037- 0189; Civ 0038-0190; Civ 0039- 0191; Civ 0040- 0192 thuộc sở hữu của Công ty TNHH Cao su Eastern (Cambodia)
TỔNG CỘNG	159.294.571				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN
(tiếp theo)**24. VAY (tiếp theo)****24.1 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)**

Chi tiết của các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Số cuối năm Ngàn VND	Nguyên tệ USD	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 10, 11 và 13)
<i>TP bank, Thành phố Hồ Chí Minh</i> Hợp đồng vay số 457/2017/HDTD/DLK/01 kí ngày 12 tháng 12 năm 2017	22.000.000	-	Vào ngày 12 tháng 9 năm 2018	10,50	2.000 con bò thịt thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Bò Sữa Tây Nguyên, theo HĐKT số 1611/2017/CNGL-BSTN ngày 16 tháng 11 năm 2017 và Phụ lục hợp đồng số 2311/2017/PLHD ngày 23 tháng 11 năm 2017
<i>TP bank, Chi nhánh Hà Nội</i> Hợp đồng vay số 2104/HDTD/ TPBANK ngày 21 tháng 4 năm 2017	299.597.754	-	Từ ngày 25 tháng 1 năm 2018 đến ngày 29 tháng 9 năm 2018	10,00	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất thửa đất số 01 với tổng diện tích 180,4 ha tại Xã Kon Thụp, Huyện Mang Yang, Tỉnh Gia Lai, thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Gia Lai; Quyền sử dụng đất 925 ha thuộc sở hữu của Công ty TNHH Cao su Eastern (Cambodia)
TỔNG CỘNG	321.597.754				
<i>Laos - Viet Bank, Chi nhánh Attapeu</i> Hợp đồng tín dụng hạn mức số 083/HĐ-LVB.ATP/2015 ngày 9 tháng 7 năm 2015	119.898.087	5.282.501	Ngày 7 tháng 9 năm 2018	8,00 - 10,00	Quyền sử dụng 3 lô đất 1.001,78 ha tại Huyện Laman, Tỉnh Sekong, Lào và toàn bộ tài sản trên đất thuộc dự án nuôi bò và đàn bò nhập khẩu thuộc sở hữu của Công ty TNHH Công Nghiệp và Nông Nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN
(tiếp theo)

24. VAY (tiếp theo)

24.1 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Số cuối năm Ngàn VND	Nguyên tệ USD	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 10, 11 và 13)
Sacombank, Chi nhánh Campuchia Hợp đồng tín dụng hạn mức số LD1716600008 ngày 15 tháng 6 năm 2017	23.067.900	1.000.000	Ngày 15 tháng 6 năm 2018	9,00	Quyền sử dụng đất tại Xã Talao, Huyện Ouchum, Tỉnh Ratanakiri và tại Xã Nhang, Huyện Andong Meas, Tỉnh Ratanakiri, Campuchia thuộc sở hữu của Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav
Hợp đồng tín dụng hạn mức số LD1717200001 ngày 21 tháng 6 năm 2017	23.067.900	1.000.000	Ngày 21 tháng 6 năm 2018	9,00	
Hợp đồng tín dụng hạn mức số LD1717200004 ngày 11 tháng 4 năm 2017	23.067.900	1.000.000	Ngày 11 tháng 4 năm 2018	9,00	Đất tô nhượng và vườn cao su có địa chỉ tại Thôn Sre Thmay, Xã Khsum, Huyện Snol, Tỉnh Kro Ches, Campuchia có giấy chứng nhận số Kr.0193 ký ngày 16 tháng 8 năm 2016, thuộc sở hữu của Công ty TNHH Cao su Eastern (Cambodia)
Hợp đồng tín dụng hạn mức số LD1717200002 ngày 20 tháng 6 năm 2017	11.533.950	500.000	Ngày 20 tháng 6 năm 2018	9,00	
TỔNG CỘNG	80.737.650				

B09-DN/HN
(tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.2 Vay ngắn hạn từ công ty và cá nhân

Chi tiết của các khoản vay ngắn hạn từ công ty và cá nhân như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm Ngàn VND	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm
<i>Bà Trần Thị Hữu Duyên</i> Khoản vay số 1 Khoản vay số 2 (*)	24.581.000 8.948.000	Ngày 27 tháng 8 năm 2018 Ngày 30 tháng 1 năm 2018	7,00 10,00
<i>Công ty Cổ phần Cảnh Hưng Đại Thành</i> Khoản vay số 3 (*)	18.000.000	Ngày 27 tháng 10 năm 2017	9,00
<i>Ông Vũ Duy Khương</i> Khoản vay số 4	9.200.000	Ngày 24 tháng 8 năm 2018	10,00
<i>Ông Chế Đức Toàn</i> Khoản vay số 5 (*)	628.300	Ngày 3 tháng 3 năm 2018	10,00
TỔNG CỘNG	61.357.300		

Các khoản vay công ty và cá nhân là các khoản vay tín chấp được sử dụng để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động và tài trợ cho các dự án kinh doanh của Nhóm Công ty.

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Nhóm Công ty chưa thanh toán cho các khoản vay đến hạn theo lịch thanh toán trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN
(tiếp theo)

24. VAY (tiếp theo)

24.2 Vay ngắn hạn từ công ty và cá nhân

Chi tiết của các khoản vay ngắn hạn từ công ty và cá nhân như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm Ngàn VND	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm
Công ty Cổ phần Hưng Thắng Lợi Gia Lai (Thuyết minh số 34) Khoản vay số 1	12.091.300	Ngày 20 tháng 6 năm 2018	4,20
Ông Dương Hoàng Bắc (Thuyết minh số 34) Hợp đồng vay số 0511/2016/HĐVT/DHB-CSDD ngày 11 tháng 5 năm 2016	1.115.000	Ngày 12 tháng 5 năm 2018	10,00
Hợp đồng vay số 0606/2016/HĐVT/DHB-CSDD ngày 6 tháng 6 năm 2016	1.119.500	Ngày 7 tháng 6 năm 2018	10,00
Hợp đồng vay số 0608/2016/HĐVT/DHB-CSDD ngày 8 tháng 6 năm 2016	2.238.000	Ngày 9 tháng 6 năm 2018	10,00
Hợp đồng vay số 0722/2016/HĐVT/DHB-CSDD ngày 22 tháng 7 năm 2016	1.116.000	Ngày 23 tháng 7 năm 2018	10,00
Hợp đồng vay số 0812/2016/HĐVT/DHB-CSDD ngày 12 tháng 8 năm 2016	1.115.500	Ngày 12 tháng 8 năm 2018	10,00
Hợp đồng vay số 1104/2016/HĐVT/DHB-CSDD ngày 4 tháng 11 năm 2016	1.119.000	Ngày 4 tháng 11 năm 2018	10,00
TỔNG CỘNG	19.914.300		

Các khoản vay bên liên quan là các khoản vay tín chấp được sử dụng để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động và tài trợ cho các dự án kinh doanh của Nhóm Công ty.

24.4 Vay dài hạn ngân hàng

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV")	2.295.153.685	3.093.845.164
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ("HD Bank")	1.101.803.662	1.042.206.160
Ngân hàng Liên doanh Lào Việt ("Laos - Viet Bank")	1.049.688.598	1.022.006.112
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín ("Sacombank")	1.028.561.205	994.082.605
TỔNG CỘNG	5.475.207.150	6.152.140.041
Trong đó:		
Vay dài hạn	5.376.165.420	5.964.217.510
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	99.041.730	187.922.531

Các khoản vay này được sử dụng chủ yếu để tài trợ cho các dự án phát triển trồng cây cao su, cọ dầu, cây ăn trái; mua sắm máy móc thiết bị và các dự án nuôi bò của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm Ngàn VND	Nguyên tệ USD	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 10, 11 và 13)
BIDV, Chi nhánh Bình Định Hợp đồng vay số 01/2013/BIDV -Attapeu ngày 18 tháng 2 năm 2013 (*)	620.317.736	27.455.396	Từ ngày 25 tháng 12 năm 2018 đến ngày 25 tháng 12 năm 2026	Lãi suất huy động tiết kiệm của BIDV bằng USD kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 5,00% (2017: 7,50)	Quyền sử dụng đất Khu căn hộ cao cấp HAGL gồm 85 căn hộ, block A,B,C tại số 40 Đường Hùng Vương, thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk; 119 căn hộ thuộc cao ốc văn phòng và nhà ở cao cấp HAGL tại số 06 Đường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam của HAG; Nhà máy đá Granit HAGL tại Dọc Quốc lộ 14, Xã Ia Băng, Huyện Đắk Đoa, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của HAG; Quyền sử dụng đất tại khu quy hoạch dân cư sinh thái Hồ Đống Đa với tổng diện tích 2.332 m ² , Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định; Quyền sử dụng đất tại Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai với diện tích 6.993,2 m ² ; Quyền sử dụng và khai thác 4.733,01 ha cao su và 3.155,79 ha cọ dầu tại Tỉnh Attapeu, Lào của Công ty TNHH Phát triển Nông Nghiệp Hoàng Anh Attapeu;

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, diện tích cao su của Nhóm Công ty thực tế trồng không đúng như cam kết trong Hợp đồng Tín dụng là 17.950 ha.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN
(tiếp theo)**24. VAY** (tiếp theo)**24.4 Vay dài hạn ngân hàng** (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Số cuối năm Ngàn VND	Nguyên tệ Ngàn VND	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 10, 11 và 13)
BIDV, Chi nhánh Gia Lai Hợp đồng vay số 01/2015/6261950/HĐTD ngày 4 tháng 5 năm 2015 (*)	217.959.830	-	Ngày 31 tháng 8 năm 2019	Lãi suất bán vốn nội bộ kỳ hạn lớn hơn 12 tháng do BIDV thông báo +3,20% (2017: 12,00)	Tài sản hình thành từ vốn vay, dự án chăn nuôi bò thịt tại Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên
Hợp đồng hạn mức số 02/2015/6261950/HĐTD ngày 4 tháng 5 năm 2015	71.776.522	-	Ngày 31 tháng 8 năm 2019	Lãi suất bán vốn nội bộ kỳ hạn lớn hơn 12 tháng do BIDV thông báo +3,20% (2017: 9,90 - 12,3)	Toàn bộ các hạng mục hình thành trong tương lai thuộc dự án chăn nuôi bò sữa tại Xã lapech, IaGrai, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Bò Sữa Tây Nguyên
Hợp đồng tín dụng hạn mức số 05/2015/6261950/HĐTD ngày 1 tháng 12 năm 2015	65.968.271	-	Ngày 31 tháng 8 năm 2019	Lãi suất bán vốn nội bộ kỳ hạn lớn hơn 12 tháng do BIDV thông báo +3,20% (2017: 9,90)	Tài sản hình thành từ vốn vay, dự án chăn nuôi bò thịt tại Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN
(tiếp theo)**24. VAY** (tiếp theo)**24.4 Vay dài hạn ngân hàng** (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Số cuối năm Ngàn VND	Nguyên tệ		Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 10, 11 và 13)
		Ngàn VND	USD			
BIDV, Chi nhánh Gia Lai (tiếp theo) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/20155331375/HĐTD ngày 19 tháng 6 năm 2015	595.006.682	313.978.211	12.361.050	Từ ngày 13 tháng 3 năm 2019 đến ngày 28 tháng 12 năm 2019	USD 7,70 - 7,82; VND 9,30 - 11,60	2 tầng thuộc khu thương mại nằm trên thửa đất số 478, tờ bản đồ số 9 tại Tổ hợp chung cư - Thương mại Bàu Thạc Gián, Đường Hàm Nghị, Phường Thạc Gián, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam thuộc sở hữu của HAG; 7 xe ô tô thuộc sở hữu HAG; 3.310.000 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của HAG; Quyền sử dụng và khai thác 1.194,74 ha cao su tại Xã Pờ Tô thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên
Hợp đồng vay số 01/2010/HĐTD ngày 1 tháng 4 năm 2010 (*)	724.124.644	-	31.850.655	Từ ngày 31 tháng 12 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2026	Lãi suất huy động tiết Kiệm của BIDV bằng USD kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 4,70% (2017: 7,05 - 7,20)	Quyền sử dụng đất và vườn cây cao su với quy mô 9.996,9 ha tại Huyện Saysetha, San Xay và Phu Vong, Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu
TỔNG CỘNG	2.295.153.685					
Trong đó:						
Vay dài hạn	2.286.014.618					
Vay dài hạn đến hạn trả	9.139.067					

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Nhóm Công ty chưa mua bảo hiểm cho các tài sản đảm bảo theo quy định tại điều 10.6 của Hợp đồng Tín dụng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN
(tiếp theo)**24. VAY (tiếp theo)****24.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)**

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Số cuối năm Ngàn VND	Nguyên tệ		Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 10, 11 và 13)
		Ngàn VND	USD			
HD Bank, Chi nhánh Đồng Nai Hợp đồng vay số 0044/2014/HĐTDTDH-ĐN ngày 25 tháng 4 năm 2014 (*)	878.127.640	450.000.000	18.827.073	Từ ngày 25 tháng 6 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023	Điều chỉnh 2 lần mỗi năm (2017: USD 7,00 - 7,50 và VND 10,00 - 11,00)	42.880.000 cổ phiếu HAG của Chủ tịch Đoàn Nguyên Đức và Bà Hoàng Thị Ngọc Bích - vợ Chủ tịch; Quyền sử dụng 7.924 ha đất tại Tỉnh Ratanakiri, Campuchia thuộc sở hữu của Công ty TNHH Hoàng Anh Lumphat; 13,9 triệu cổ phần của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế góp vốn tại Công ty Cổ phần An Đông Mía; Vốn góp 6 triệu cổ phần của Công ty Cổ phần Bò Sữa Tây Nguyên góp vốn tại Công ty Cổ phần An Đông Mía; Vốn góp 100.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Chân nuôi Gia Lai tại Công ty Cổ phần An Đông Mía
HD Bank, Chi nhánh Đắk Lắk Hợp đồng vay số 1762/2015/HĐTDTDH - DN ngày 2 tháng 12 năm 2015	58.568.022	58.568.022	-	Từ ngày 26 tháng 3 năm 2018 đến ngày 2 tháng 12 năm 2020	Lãi suất thả nổi (2017: 10,50 - 11,25)	Tài sản hình thành từ vốn vay, đàn bò và bê con sinh ra thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, diện tích cao su của Nhóm Công ty thực tế trồng không đúng như cam kết trong Hợp đồng Tín dụng là 8.940,5 ha.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN
(tiếp theo)**24. VAY (tiếp theo)****24.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)**

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Số cuối năm Ngàn VND	Nguyên tệ Ngàn VND	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 10, 11 và 13)
Hợp đồng vay số 9451/17/HĐTDTDH-PN/170 ngày 1 tháng 7 năm 2017 (**)	55.308.000	55.308.000	Từ ngày 30 tháng 6 năm 2018 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020	13,00	Toàn bộ cây ăn trái và quyền khai thác hình thành trong tương lai của dự án; toàn bộ đàn bò (tối thiểu 4.000 con) và quyền đòi nợ phát sinh từ việc bán bò thuộc sở hữu Công ty Cổ phần Cao Su Trung Nguyên
Hợp đồng vay số 21087/17MN/HĐTĐ ngày 29 tháng 12 năm 2017	10.000.000	10.000.000	Từ ngày 31 tháng 3 năm 2018 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020	12,50	Toàn bộ cây ăn trái và quyền khai thác hình thành trong tương lai của dự án (bao gồm cả nguồn thu, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ dự án); 15 xe đầu kéo, 15 somi romooc thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên
TỔNG CỘNG	1.101.803.662				
Trong đó:					
Vay dài hạn	1.077.890.535				
Vay dài hạn đến hạn trả	23.913.127				

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Nhóm Công ty chưa mua bảo hiểm cho các tài sản đảm bảo theo quy định tại Hợp đồng Tín dụng này.

(**) Số lượng đàn bò của Nhóm Công ty không thỏa mãn yêu cầu về số lượng bò (4.000 đầu bò) tại thời điểm giải ngân.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN
(tiếp theo)**24. VAY** (tiếp theo)**24.4 Vay dài hạn ngân hàng** (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Số cuối năm Ngàn VND	Nguyên tệ		Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 10, 11 và 13)
		Ngàn LAK	USD			
Laos - Viet Bank, Chi nhánh Attapeu Hợp đồng tín dụng hạn mức số 098/HĐLVB.ATP/ 2015 ngày 5 tháng 8 năm 2015	318.153.427	-	14.005.246	Từ ngày 25 tháng 11 năm 2018 đến ngày 25 tháng 8 năm 2022	10,00	
Hợp đồng tín dụng hạn mức số 010/2013/LVB -ATTAPEU ngày 15 tháng 3 năm 2013 (*)	281.180.615	39.355.143	7.649.850	Ngày 21 tháng 6 năm 2018 đến ngày 14 tháng 3 năm 2023	USD: điều chỉnh 2 lần một năm (2017: 9,50 - 11,00) LAK: lãi suất tiết kiệm 13 tháng + 3,00% điều chỉnh 2 lần một năm (2017: 12,75 - 13,75)	Trụ sở làm việc của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu, Công ty con tại Km 31, Bản Hatxan, Huyện Xaysettha, Tỉnh Attapeu, Lào theo bản đồ đất số 17 001.0008 với diện tích đất 0,3 ha; Nhà máy chế biến mù cao su tại Huyện Xaysettha, Tỉnh Attapeu, Lào và toàn bộ đàn bò nhập về thuộc sở hữu của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu
Hợp đồng tín dụng hạn mức số 097/HĐ-LVB.ATP/2015 - ngày 26 tháng 11 năm 2015	115.278.714	-	4.986.500	Từ ngày 25 tháng 11 năm 2018 đến ngày 25 tháng 8 năm 2022	8,75	Tài sản hình thành từ vốn vay, đàn bò và bê con sinh ra thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Nhóm Công ty chưa mua bảo hiểm cho các tài sản đảm bảo theo quy định tại điều 8.03 Hợp đồng Tín dụng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN
(tiếp theo)**24. VAY** (tiếp theo)**24.4 Vay dài hạn ngân hàng** (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Số cuối năm Ngàn VND	Nguyên tệ		Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 10, 11 và 13)
		Ngàn LAK	USD			
Laos - Viet Bank, Chi nhánh Attapeu (tiếp theo) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 083/HĐ -LVB.ATP/2015 ngày 9 tháng 7 năm 2015 (*)	227.596.374	-	10.027.500	Từ ngày 25 tháng 1 năm 2019 đến ngày 25 tháng 10 năm 2022	9,50 - 10,00	Quyền sử dụng 3 lô đất 1.001,78 ha tại Huyện Laman, Tỉnh Sekong, Lào và toàn bộ tài sản trên đất thuộc dự án nuôi bò và đàn bò nhập khẩu thuộc sở hữu của Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh
Hợp đồng tín dụng hạn mức số 124/HĐ-LVB/2015 ngày 25 tháng 11 năm 2015	107.479.468	-	4.728.096	Từ ngày 25 tháng 2 năm 2018 đến ngày 25 tháng 11 năm 2020	Lãi suất thả nổi (2017: 9,50 - 10,50)	Tất cả các dụng cụ xây dựng, vật tư máy móc phục vụ cho dự án xây dựng nhà máy chế biến cò đầu phát sinh sau khi bỏ vốn đầu tư thuộc sở hữu của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu
TỔNG CỘNG	1.049.688.598					
Trong đó:						
Vay dài hạn	983.699.062					
Vay dài hạn đến hạn trả	65.989.536					

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Nhóm Công ty vẫn chưa đảm bảo đủ giá trị đàn bò 24.460.000 USD theo yêu cầu của Hợp đồng Tín dụng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN
(tiếp theo)**24. VAY** (tiếp theo)**24.4 Vay dài hạn ngân hàng** (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Số cuối năm Ngàn VND	Nguyên tệ		Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 10, 11 và 13)
		Ngàn VND	USD			
Sacombank, Chi nhánh Sài Gòn Hợp đồng tín dụng hạn mức số LD1636300050 ngày 28 tháng 12 năm 2016 (*)	300.000.000	300.000.000	-	Từ ngày 28 tháng 6 năm 2020 đến ngày 28 tháng 12 năm 2021	10,00	15.000.000 cổ phiếu HNG do HAG sở hữu; Quyền sử dụng 687,9ha của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk tại Huyện EaH'leo, Tỉnh Đắk Lắk; 18.570.000 cổ phiếu HAG do ông Đoàn Nguyên Đức sở hữu; Nguồn thu từ dự án cao su; 4.999.000 Cổ phần thuộc sở hữu của HNG tại Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh
Hợp đồng tín dụng số LD1400300153 ngày 3 tháng 1 năm 2014	262.454.605	262.454.605	-	Từ tháng 12 năm 2021 đến tháng 12 năm 2026	9,50	23,2 triệu cổ phiếu HAG sở hữu bởi ông Đoàn Nguyên Đức; 14,5 triệu cổ phiếu Công ty Cổ phần Cao Su Hoàng Anh - Quang Minh sở hữu bởi HNG;

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, diện tích cao su của Nhóm Công ty thực tế trồng không đúng như cam kết trong Hợp đồng Tín dụng là 3.476,58 ha.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN
(tiếp theo)**24. VAY** (tiếp theo)**24.4 Vay dài hạn ngân hàng** (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Số cuối năm Ngàn VND	Nguyên tệ		Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 10, 11 và 13)
		Ngàn VND	USD			
Sacombank, Chi nhánh Thủ Đức Hợp đồng tín dụng số LD1333200419 ngày 29 tháng 11 năm 2013 (*)	250.000.000	250.000.000	-	Từ ngày 25 tháng 12 năm 2021 đến ngày 26 tháng 12 năm 2026	Lãi suất thả nổi (2017: 10,00 - 11,85)	Quyền sử dụng đất 1.328,1 ha cao su và tài sản gắn liền trên đất tại Huyện Chư Prông, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam; quyền sử dụng đất 479,2 ha tại Xã EaH'leo, Huyện EaH'leo giá trị 95,84 tỷ VND và 683,33 ha tại Xã EaH'leo, Huyện EaH'leo, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
Hợp đồng tín dụng hạn mức số LD1623900077 ngày 11 tháng 10 năm 2016 (**)	85.000.000	85.000.000	-	Từ ngày 25 tháng 4 năm 2020 đến ngày 11 tháng 10 năm 2021	9,50 %/năm cho năm đầu tiên và các năm tiếp theo bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 13 tháng trả sau của SCB cộng biên độ 2,50 %/năm (2017: 9,50%)	Quyền sử dụng 1.328 ha cao su và tài sản gắn liền trên đất tại Xã La Púc, Huyện Chư Prông, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Hợp đồng tín dụng số LD1719100049 ngày 18 tháng 7 năm 2017	16.100.000	16.100.000	-	Từ ngày 21 tháng 7 năm 2020 đến ngày 21 tháng 7 năm 2022	9,50% cho năm đầu tiên, các năm tiếp theo sẽ được thông báo bởi ngân hàng	Toàn bộ vườn cây cao su, công trình gắn liền với đất, quyền khai thác và các tài sản khác với diện tích 13.281.000 m ² thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, diện tích cao su của Nhóm Công ty thực tế trồng không đúng như cam kết trong Hợp đồng Tín dụng là 9.470 ha.

(**) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, diện tích cao su của Nhóm Công ty thực tế trồng không đúng như cam kết trong Hợp đồng Tín dụng là 3.476,58 ha.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN
(tiếp theo)**24. VAY** (tiếp theo)**24.4 Vay dài hạn ngân hàng** (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Số cuối năm Ngân VND	Nguyên tệ		Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 10, 11 và 13)
		Ngân VND	USD			
Sacombank, Chi nhánh Campuchia Hợp đồng tín dụng số LD1616800002 ngày 16 tháng 6 năm 2016	92.271.600	-	4.000.000	Ngày 21 tháng 6 năm 2021	9,00	Quyền sử dụng đất: Dự án bia đồ 1 tại Xã Taloa, Huyện Ouchum, Tỉnh Ratanakiri - Số lô đất: I,0012, I0015 I0016, I0017; Số bia đồ: 0188, 0189,0190, 0191; Dự án số 2 tại Xã Nhang, Huyện Andong Meas, Tỉnh Ratanakiri, Campuchia - Số lô đất: I,0007, I,008, I,0009 - Số bia đồ: 0192, 0193, 0194 - thuộc sở hữu của Công ty TNHH Cao su Eastern (Cambodia)
Hợp đồng tín dụng số LD1720100002 ngày 20 tháng 7 năm 2017	22.735.000	-	1.000.000	Từ ngày 24 tháng 1 năm 2019 đến 24 tháng 7 năm 2022	9,00	Quyền sử dụng tô nhượng đất kinh tế 728,24 ha; Số lô đất Civ 0034, lô số 0186 địa chỉ tại Thôn Sre Thmay Xã Khsum, Huyện Snel, Tỉnh Kro Ches, Campuchia, thuộc sở hữu của Công ty TNHH Cao su Eastern (Cambodia)
TỔNG CỘNG	1.028.561.205					
Trong đó:	1.028.561.205					
Vay dài hạn	-					
Vay dài hạn đến hạn trả	-					

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN
(tiếp theo)**24. VAY** (tiếp theo)**24.5 Trái phiếu****Trái phiếu thường**

Chi tiết các trái phiếu thường vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 được trình bày như sau:

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số cuối năm Ngân VND	Lãi suất %/năm	Thời hạn thanh toán	Mục đích	Tài sản thế chấp
Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital (*)	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng ("VPB")	1.394.000.000	10,50% cho 3 kỳ tính lãi đầu tiên và các kỳ tính lãi tiếp theo bằng tổng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của VPB - Chi nhánh Sở Giao dịch cộng với biên độ 4,50%/năm (2017: 10,80 - 11,60%)	Từ ngày 17 tháng 8 năm 2019 đến ngày 17 tháng 12 năm 2021	Mục đích phát hành trái phiếu này là để cơ cấu lại một phần nợ gốc trái phiếu có tổng mệnh giá 2.000 tỷ VND (**) được phát hành vào tháng 12 năm 2012, bổ sung vốn cho các dự án đầu tư của Nhóm Công ty bao gồm dự án trồng và chăm sóc cây cao su, cọ dầu và mía đường tại Campuchia và Lào	181.717.250 cổ phiếu HNG được nắm giữ bởi HAG. Trong đó, 31.000.000 cổ phiếu HNG đã được dùng để đảm bảo cho trái phiếu có tổng mệnh giá 600 tỷ VND - Trái phiếu HAGL 600 do HAG phát hành
Công ty Cổ phần chứng khoán IB	VPB	431.000.000	10,50% cho 3 kỳ tính lãi đầu tiên và các kỳ tính lãi tiếp theo bằng tổng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của VPB cộng với biên độ 4,00% (2017: 10,50 - 11,50)	Từ ngày 27 tháng 3 năm 2018 đến ngày 27 tháng 12 năm 2020	Mục đích phát hành trái phiếu này là để cơ cấu lại nợ lãi trái phiếu của trái phiếu mệnh giá 1.400 tỷ VND	195.345.440 cổ phiếu HNG được nắm giữ bởi HAG; và toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất đối với 7.376 ha đất tại Huyện Lumphat, Tỉnh Ratanakiri, Campuchia thuộc sở hữu của Công ty TNHH Nông Nghiệp Daun Pênh và 4.700.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Chủ tịch Đoàn Nguyên Đức
TỔNG CỘNG		7.864.323				
Trong đó:		2.117.135.677				
Trái phiếu dài hạn		2.030.418.477				
Trái phiếu dài hạn đến hạn		86.717.200				

24. VAY (tiếp theo)

24.5 Trái phiếu (tiếp theo)

(*) Theo thỏa thuận gia hạn trái phiếu ngày 10 tháng 2 năm 2017, VPB, trái chủ của khoản trái phiếu 1.400 tỷ VND đã đồng ý gia hạn thời gian hoàn trả trái phiếu và thời gian hoàn trả mới tối đa đến ngày 17 tháng 12 năm 2021.

Theo thỏa thuận gia hạn trái phiếu ngày 10 tháng 3 năm 2017, NCB, trái chủ của khoản trái phiếu 300 tỷ VND đã đồng ý gia hạn thời gian hoàn trả trái phiếu và thời gian hoàn trả mới tối đa đến ngày 17 tháng 2 năm 2019.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, giá trị tài sản đảm bảo không bằng tối thiểu 200% tổng mệnh giá trái phiếu theo điều khoản ràng buộc trong hợp đồng bảo đảm đã ký kết, và diện tích trồng cây cao su thực tế tại các công ty con của Công ty là 44.479 ha nhỏ hơn diện tích 70.643 ha đã đăng ký trong hợp đồng đặt mua trái phiếu.

(**) Trái phiếu kèm chứng quyền

Vào ngày 5 tháng 12 năm 2012, Công ty đã phát hành 20.000 trái phiếu với tổng giá trị là 2.000 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 100 triệu VND) do VPBS thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải hoàn trả sau ba (3) năm và được ân hạn thêm một (1) năm. Công ty đã mua lại 17.000 trái phiếu với tổng mệnh giá là 1.700 tỷ VND vào ngày 17 tháng 11 năm 2015 và 3.000 trái phiếu còn lại với tổng mệnh giá là 300 tỷ VND vào ngày 18 tháng 5 năm 2016.

Ngoài ra, mỗi trái phiếu phát hành kèm theo một chứng quyền và các chứng quyền này sẽ được coi là chứng khoán hoàn toàn độc lập với các trái phiếu ngay sau khi được phát hành. Mỗi chứng quyền sẽ cho phép người nắm giữ có quyền mua một số lượng cổ phần của Công ty tương đương với 0,000775% tổng số vốn điều lệ thực góp của Công ty tại thời điểm đã thực hiện xong tất cả các chứng quyền và theo nguyên tắc là tất cả các chứng quyền trong đợt phát hành này nếu được thực hiện toàn bộ sẽ luôn đảm bảo cho những người sở hữu chứng quyền quyền sở hữu đối với 15,5% tổng số vốn điều lệ thực góp của Công ty tại thời điểm đã thực hiện xong tất cả các chứng quyền.

Vào ngày 23 tháng 6 năm 2015, theo thỏa thuận giữa ECS – công ty sở hữu 20.000 chứng quyền và Công ty, ngày hết hạn của chứng quyền được gia hạn thêm hai (2) năm. Theo đó, thời hạn thực hiện quyền mua cổ phần theo chứng quyền được tăng từ bốn (4) năm lên sáu (6) năm kể từ ngày phát hành chứng quyền, tức là ngày 5 tháng 12 năm 2018.

24.6 Các khoản vay dài hạn bên liên quan

Chi tiết của các khoản vay dài hạn bên liên quan như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm Ngàn VND	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm
<i>Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("HAG"), Công ty mẹ (Thuyết minh số 34)</i>			
Hợp đồng vay số 10/HĐVHAGL-NNQT ngày 7 tháng 12 năm 2016	1.957.824.736	Ngày 7 tháng 12 năm 2021	4,20
Hợp đồng vay số 09.2016/HĐVHAGL-HATTAPEU ngày 1 tháng 9 năm 2016	1.351.897.818	Ngày 1 tháng 9 năm 2021	8,00
Hợp đồng vay số 01-01/2016/HĐV-HAGL ngày 1 tháng 1 năm 2016	289.612.200	Ngày 1 tháng 1 năm 2019	4,20
Hợp đồng hợp tác kinh doanh - 36 tháng - HAGL ngày 28 tháng 8 năm 2015	478.500.000	Ngày 28 tháng 8 năm 2018	10,77
Hợp đồng vay số 04/2014/HĐV-HAGL ngày 1 tháng 4 năm 2014	500.000.000	Ngày 3 tháng 4 năm 2019	10,00

24. VAY (tiếp theo)

24.6 Các khoản vay dài hạn bên liên quan (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên cho vay	Số cuối năm Ngàn VND	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm
<i>Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("HAG"), Công ty mẹ (Thuyết minh số 34)</i>			
Hợp đồng vay số 08-2017/CV-HAATP ngày 10 tháng 8 năm 2017	35.010.968	Ngày 25 tháng 7 năm 2020	9,30 - 9,75
Hợp đồng vay số 03/2014/HĐV-HAGL ngày 6 tháng 1 năm 2014	300.000.000	Ngày 6 tháng 1 năm 2020	9,75
Hợp đồng vay số 0507/HTKD/HAGL-CSHAQM ngày 5 tháng 7 năm 2015	300.000.000	Ngày 7 tháng 7 năm 2020	9,75
Hợp đồng vay số 07/2013/HĐV-HAGL ngày 8 tháng 7 năm 2013	58.001.920	Ngày 30 tháng 12 năm 2027	9,75
Hợp đồng vay số 07-2017/CV-BSTN ngày 12 tháng 7 năm 2017	31.376.192	Ngày 12 tháng 7 năm 2022	12,00
Hợp đồng vay số 08-2017/CV-HADL ngày 15 tháng 8 năm 2017	30.560.000	Ngày 31 tháng 3 năm 2022	12,00
Hợp đồng vay số 12/HĐVHAGL-ADM ngày 30 tháng 12 năm 2016	34.007.539	Ngày 30 tháng 12 năm 2023	10,00
Hợp đồng vay số 11-2017/CV-HAATP ngày 24 tháng 11 năm 2017	6.155.689	Ngày 1 tháng 1 năm 2019	12,50
Hợp đồng vay số 12-2017/CV-HAATP ngày 25 tháng 12 năm 2017	3.982.496	Ngày 24 tháng 2 năm 2019	10,50
<i>Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai (Thuyết minh số 34)</i>			
Hợp đồng vay số 28/09/16-HĐV ngày 28 tháng 9 năm 2016	298.000.000	Ngày 28 tháng 9 năm 2018	6,00
<i>Công ty Cổ phần Thủy Điện Hoàng Anh Gia Lai (Thuyết minh số 34)</i>			
Hợp đồng vay số 02/17/TĐHAGL-NNQT ngày 7 tháng 12 năm 2016	126.168.000	Ngày 17 tháng 2 năm 2020	5,00
TỔNG CỘNG	5.801.097.558		
<i>Trong đó:</i>			
Vay dài hạn	5.024.597.558		
Vay dài hạn đến hạn trả	776.500.000		

Các khoản vay bên liên quan là các khoản vay tín chấp được sử dụng để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động và tài trợ cho các dự án kinh doanh của Nhóm Công ty.

24.7 Các khoản vay dài hạn cá nhân

Chi tiết của các khoản vay dài hạn từ cá nhân như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm Ngàn VND	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm
<i>Huỳnh Trần Thanh Phương</i>			
Hợp đồng vay số 01/2017HĐV/CSTN-HTTP ngày 28 tháng 06 năm 2017	5.000.000	Ngày 29 tháng 6 năm 2019	6,50

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN
(tiếp theo)**25. VỐN CHỦ SỞ HỮU****25.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
					Ngàn VND
Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 39)					
Số đầu năm	7.081.438.950	2.550.810	443.148.354	2.126.574.755	9.653.712.869
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	(1.742.713.080)	(1.742.713.080)
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	590.000.000	1.062.000.000	-	-	1.652.000.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	100.194.522	-	100.194.522
Số cuối năm	7.671.438.950	1.064.550.810	543.342.876	383.861.675	9.663.194.311
Năm nay					
Số đầu năm	7.671.438.950	1.064.550.810	543.342.876	383.861.675	9.663.194.311
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	527.438.216	527.438.216
Thanh lý công ty	-	-	(36.974.621)	-	(36.974.621)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	(51.775.865)	-	(51.775.865)
Số cuối năm	7.671.438.950	1.064.550.810	454.592.390	911.299.891	10.101.882.041

B09-DN/HN
(tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**25.2 Cổ phiếu**

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	767.143.895	767.143.895
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	767.143.895	767.143.895
Cổ phiếu phổ thông	767.143.895	767.143.895
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	767.143.895	767.143.895
Cổ phiếu phổ thông	767.143.895	767.143.895

Cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

26. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 39)
Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 39)	59.875.052	95.307.748
Lợi nhuận (lỗ) trong năm	3.024.433	(35.139.256)
Mua công ty con	-	531.560
Cổ tức phải trả cho cổ đông không kiểm soát	-	(825.000)
Thanh lý công ty con	(12.013.142)	-
Số cuối năm	50.886.343	59.875.052

27. LÃI (LỖ) TRÊN CỔ PHIẾU

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi (lỗ) cơ bản và lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 39)
Lợi nhuận (lỗ) sau thuế thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ (ngàn VND)	527.438.216	(1.742.713.080)
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	767.143.895	758.738.416
Tăng số lượng cổ phiếu bình quân do ảnh hưởng của cổ phiếu tiềm năng phát sinh từ quyền mua cổ phiếu (i)	140.718.703	140.718.703
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm đã được điều chỉnh do các yếu tố suy giảm	907.862.598	899.457.119
Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND)	688	(2.297)
Lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu (VND)	581	(2.297)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN
(tiếp theo)

27. LÃI (LỖ) TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)

(i) Như đã trình bày tại Thuyết minh số 24.5 của báo cáo tài chính hợp nhất, vào ngày 5 tháng 12 năm 2012, Nhóm Công ty đã phát hành 2.000 tỷ VND trái phiếu kèm chứng quyền với mệnh giá 100 triệu VND/trái phiếu. Các chứng quyền này có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu trong tương lai. Tuy nhiên, cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, các chứng quyền này có tác động suy giảm ngược.

28. DOANH THU

28.1 Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 39)
Doanh thu gộp	3.321.021.229	4.785.399.649
Trong đó:		
Doanh thu bán trái cây	1.617.509.655	-
Doanh thu bán bò	757.655.995	3.469.931.141
Doanh thu bán mủ cao su	454.358.577	114.025.799
Doanh thu bán hàng hóa	244.417.863	513.254.738
Doanh thu bán các sản phẩm ngành đường	80.764.242	471.259.273
Doanh thu bán căn hộ	53.403.446	31.269.126
Doanh thu bán ớt	24.931.966	-
Doanh thu bán tiêu	32.720.964	-
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ	55.258.521	50.856.559
Doanh thu bán bắp	-	134.803.013
Các khoản giảm trừ - giảm giá hàng bán	-	(1.249.713)
Doanh thu thuần	3.321.021.229	4.784.149.936
Trong đó:		
Doanh thu bán trái cây	1.617.509.655	-
Doanh thu bán bò	757.655.995	3.469.931.141
Doanh thu bán mủ cao su	454.358.577	114.025.799
Doanh thu bán hàng hóa	244.417.863	512.005.025
Doanh thu bán các sản phẩm ngành đường	80.764.242	471.259.273
Doanh thu bán căn hộ	53.403.446	31.269.126
Doanh thu bán ớt	24.931.966	-
Doanh thu bán tiêu	32.720.964	-
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ	55.258.521	50.856.559
Doanh thu bán bắp	-	134.803.013
Trong đó:		
Doanh thu thuần với các bên liên quan (Thuyết minh số 34)	319.587.489	510.720.976

B09-DN/HN
(tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. DOANH THU (tiếp theo)

28.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 39)
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư	716.379.791	-
Lãi tiền cho vay	292.343.366	182.762.010
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	3.585.695	40.748.252
Lãi tiền gửi ngân hàng	353.768	5.931.791
Khác	2.058.510	655.434
TỔNG CỘNG	1.014.721.130	230.097.487
Trong đó:		
Lãi tiền cho vay các bên liên quan (Thuyết minh số 34)	285.962.314	131.542.327

29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 39)
Giá vốn trái cây đã bán	748.210.484	-
Giá vốn bò	691.466.666	3.048.276.086
Giá vốn mủ cao su đã bán	341.100.975	131.997.480
Giá vốn hàng hóa	108.164.576	486.135.628
Giá vốn của các sản phẩm ngành đường	120.937.447	688.756.526
Giá vốn căn hộ đã bán	55.918.445	31.509.854
Giá vốn ớt đã bán	7.673.011	-
Giá vốn tiêu đã bán	16.793.630	-
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	16.233.374	46.238.998
Giá vốn bắp	-	65.695.455
Giá vốn của các hợp đồng xây dựng	-	125.567.392
TỔNG CỘNG	2.106.498.608	4.624.177.419

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 39)
Chi phí lãi vay	813.216.302	750.166.442
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	16.358.041	82.394.265
Khác	24.864.743	7.863.224
TỔNG CỘNG	854.439.086	840.423.931

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN
(tiếp theo)

31. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 39)
Chi phí bán hàng	93.271.543	88.821.909
Chi phí vận chuyển	59.002.160	59.088.687
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.612.095	17.024.928
Chi phí nhân viên	9.510.999	5.448.382
Chi phí khấu hao	1.956.253	1.674.658
Khác	4.190.036	5.585.254
Chi phí quản lý doanh nghiệp	585.188.578	315.875.117
Phân bổ lợi thế thương mại	408.570.987	174.719.236
Chi phí nhân viên	63.523.379	66.128.408
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.521.250	12.269.808
Chi phí khấu hao và hao mòn	14.854.390	19.810.644
Chi phí lập dự phòng	7.862.806	-
Khác	68.855.766	42.947.021
TỔNG CỘNG	678.460.121	404.697.026

32. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 39)
Thu nhập khác	245.097.700	146.947.925
Thu nhập từ thanh lý tài sản	128.071.673	141.737.131
Nợ thuế được miễn	97.015.393	-
Khác	20.010.634	5.210.794
Chi phí khác	(472.117.888)	(954.522.953)
Chi phí thay đổi mục đích sử dụng tài sản	(281.526.530)	(216.186.694)
Chi phí phát triển vườn cây	(95.009.476)	-
Khấu hao tài sản ngưng sử dụng	(17.839.722)	(7.655.041)
Các khoản phạt	(10.616.826)	(3.168.992)
Lỗi từ đánh giá lại các tài sản không hiệu quả	-	(712.667.916)
Khác	(67.125.334)	(14.844.310)
LỖ KHÁC	(227.020.188)	(807.575.028)

B09-DN/HN
(tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") bằng 20% trên thu nhập chịu thuế (2016: 20%).

Các công ty con của Công ty tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất là 24% trên thu nhập chịu thuế cho các hoạt động kinh doanh chính và 2% trên thu nhập chịu thuế cho hoạt động chuyển nhượng dự án. Các công ty con của Công ty tại Vương quốc Campuchia có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế cho các hoạt động kinh doanh chính. Các công ty con này cũng được hưởng ưu đãi, miễn, giảm thuế TNDN theo các GCNĐKKD, Giấy phép Đầu tư tương ứng và các luật thuế hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

33.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN
(tiếp theo)

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

33.1 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 39)
Chi phí thuế TNDN hiện hành (Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	23.890.080 (113.097.948)	2.769.781 128.038.244
TỔNG CỘNG	(89.207.868)	130.808.025

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận (lỗ) thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế):

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 39)
Lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế	441.254.781	(1.647.044.311)
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>		
Các khoản lỗ của các công ty con	416.740.574	2.136.580.888
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	408.570.987	174.719.236
Thay đổi lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện	204.955.853	92.037.655
Lợi nhuận từ hoạt động được miễn thuế	(146.013.144)	(183.100.697)
Chi phí phải trả	49.702.240	37.978.090
Dự phòng các khoản đầu tư vào công ty con	(59.582.399)	(554.180.569)
Lỗ (lãi) từ công ty liên kết	24.885.213	(22.408.392)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(73.893.319)	32.712.010
Các khoản chi phí không được khấu trừ	16.621.411	9.324.241
Thặng dư từ việc thanh lý công ty con	(716.379.791)	-
Cấn trừ lỗ năm trước	(559.282.330)	-
Các khoản khác	98.251.787	42.741.588
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành	105.831.863	119.359.739
Thuế TNDN hiện hành ước tính	22.297.875	4.063.514
Điều chỉnh thuế TNDN thiếu (trích thừa) của năm trước	1.592.205	(1.293.733)
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính trong năm	23.890.080	2.769.781
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	10.255.096	(3.046.244)
Các khoản tăng khác	3.866.911	10.771.087
Thuế TNDN được hoàn trong năm	1.225.741	-
Thuế TNDN đã trả trong năm	(1.000.064)	(239.528)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	38.237.764	10.255.096
<i>Trong đó:</i>		
Thuế TNDN phải trả (Thuyết minh số 20)	38.523.595	15.531.200
Thuế TNDN trả trước (Thuyết minh số 20)	(285.831)	(5.276.104)

B09-DN/HN
(tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

33.2 Thuế thu nhập hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm thể hiện như sau:

	Ngàn VND			
	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 39)	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 39)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện	54.262.577	38.764.262	15.498.315	6.205.911
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	(24.728.042)
	54.262.577	38.764.262	15.498.315	(18.522.131)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Dự phòng khoản đầu tư	(11.916.480)	(109.516.113)	97.599.633	(109.516.113)
Thu nhập (chi phí) thuế thu nhập hoãn lại			113.097.948	(128.038.244)

34. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau:

	Ngàn VND			
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Chi phí lãi vay	535.817.953	614.885.108
		Cho mượn tiền	471.750.857	-
		Mua hàng hóa, dịch vụ và nguyên vật liệu	400.635.181	209.151.193
		Vay và mượn	93.800.000	5.734.871.154
		Bán tài sản	11.467.723	-
		Lãi từ cho vay	11.386.457	-
		Mua tài sản	6.210.897	7.307.567
		Cung cấp dịch vụ	3.461.658	4.545.153
		Bán hàng hóa	3.099.740	5.905.223
		Bán trái cây	15.555	-
		Mua các khoản đầu tư	-	12.828.645
Công ty Cổ phần Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty liên quan	Nhận vốn góp	500.000.000	-
		Vay	12.091.300	-
		Lãi vay	10.170.174	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	Lãi từ cho vay	171.605.996	56.764.111
		Vay và mượn	-	587.000.000

34. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty liên quan	Cho mượn tiền và vật tư	328.530.951	-
		Mua hàng hóa và dịch vụ	161.930.104	34.977.483
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	76.011.925	47.019.228
		Chuyển nhượng dự án	-	173.143.070
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Mua nguyên vật liệu	288.494.927	259.815.547
		Bán hàng hóa	103.307.232	226.706.126
		Bán bò	65.885.094	273.564.474
		Lãi từ cho vay	57.527.599	66.362.897
		Chi phí lãi vay	35.611.000	-
		Chi tiền hợp tác kinh doanh	16.100.000	-
		Cung cấp dịch vụ	6.739.075	-
		Đầu tư vào công ty liên kết	-	550.000.000
Công ty TNHH Điện Nậm Kông 3	Công ty liên quan	Mượn tiền	179.926.262	-
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Nhận tiền hợp tác kinh doanh	150.000.000	-
		Bán trái cây	61.067.210	-
		Mượn tiền	7.606.000	-
		Cho mượn tiền	7.159.830	-

34. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Năm nay	Năm trước
Ông Nguyễn Quốc Huy	Bên liên quan	Thanh lý khoản đầu tư	130.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy Điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Vay	126.168.000	-
		Mượn tiền	67.800.000	-
		Lãi vay	5.260.420	-
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Thuê kho	22.997.784	-
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Thăng Long	Công ty liên quan	Lãi từ cho vay	17.019.244	-
		Cho mượn tiền và vật tư	1.098.650	61.397.807
Bà Nguyễn Thị Nga	Bên liên quan	Lãi từ cho vay	11.483.333	3.100.087
		Cho vay	-	150.000.000
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Bên liên quan	Lãi từ cho vay	9.595.547	3.232.192
		Cho vay	-	150.000.000
Bà Trương Thị Trúc Thiên Trang	Bên liên quan	Lãi từ cho vay	7.344.138	2.083.040
		Cho vay	-	96.670.000
Bà Nguyễn Thị Ngọc Trang	Bên liên quan	Mua cổ phần Công ty Cao su Trung Nguyên	-	3.277.487.120

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN
(tiếp theo)

34. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả của Nhóm Công ty với các bên liên quan như sau:

				Ngàn VND	
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6)					
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	432.326.587	320.117.214	
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Bán hàng hóa	142.130.700	143.484.740	
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Bán trái cây	39.609.909	-	
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty liên quan	Bán hàng hóa Chuyển nhượng dự án	11.323.460	23.731.185	
			-	90.147.433	
Công ty Cổ phần Thực phẩm Heygo	Công ty liên quan	Bán trái cây	4.653.973	-	
Công ty TNHH MTV Xây Lắp Điện	Công ty liên quan	Bán hàng hoá	3.245.851	-	
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Bán hàng hóa	485.126	413.196	
Khác	Bên liên quan	Bán hàng hóa	2.115.759	1.397.545	
			635.891.365	579.291.313	
Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 7)					
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Tạm ứng mua hàng hóa	397.012.295	702.918.510	
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Tạm ứng mua nguyên vật liệu	219.936.349	897.478.880	
Công ty TNHH MTV Nguyên Vật Liệu Hoàng Thơ	Công ty liên quan	Tạm ứng mua hàng hóa	13.000.000	13.000.000	
Công ty TNHH MTV Xây Lắp Điện	Công ty liên quan	Tạm ứng mua hàng hóa	2.569.366	-	
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Tạm ứng công trình xây dựng	214.543	-	
			632.732.553	1.613.397.390	

B09-DN/HN
(tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả của Nhóm Công ty với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

				Ngàn VND	
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	
Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 8) (*)					
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty liên quan	0,00%	225.109.500	-	
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Thăng Long	Công ty liên quan	0,00%	49.900.701	61.397.808	
Công ty TNHH V&H Corporation (Lào)	Công ty liên quan	0,00%	5.596.432	4.742.317	
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan		-	280.000.000	
			280.606.633	346.140.125	
Phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh số 8) (*)					
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	(i)	879.354.876	870.000.000	
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	9,75 - 12,00%	452.417.403	573.691.667	
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	8,00%	450.231.350	-	
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty liên quan	0,00%	54.052.853	-	
Bà Trương Thị Trúc Thiên Trang	Bên liên quan		-	96.670.000	
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Bên liên quan		-	125.340.957	
Bà Nguyễn Thị Nga	Bên liên quan		-	150.000.000	
			1.836.056.482	1.815.702.624	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN
(tiếp theo)

34. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả của Nhóm Công ty với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

(*) Các khoản cho các bên liên quan vay ngắn hạn và dài hạn đã được phê duyệt tại kỳ họp Đại Hội đồng Cổ đông ngày 30 tháng 6 năm 2017, phù hợp với các điều khoản và quy định liên quan đến việc cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan theo Nghị định 71/2017/ND-CP do Chính phủ ban hành ngày 6 tháng 6 năm 2017 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.

(i) Thể hiện khoản cho vay tín chấp cho An Phú để hỗ trợ tài chính cho An Phú trong việc mua lại các công ty con và các dự án bất động sản của Nhóm Công ty theo kế hoạch tái cấu trúc của Nhóm Công ty. Chi tiết như sau:

Khoản cho vay	Số cuối năm Ngàn VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm
Khoản cho vay 1	287.000.000	30 tháng 12 năm 2021	15,00
Khoản cho vay 2	283.000.000	30 tháng 8 năm 2020	15,00
Khoản cho vay 3	300.000.000	27 tháng 5 năm 2023	14,00
Khoản cho vay 4	9.354.876	8 tháng 8 năm 2019	12,00
TỔNG CỘNG	879.354.876		

Tại ngày lập báo cáo tài chính này, khoản phải thu của Nhóm Công ty đối với An Phú và các công ty liên quan với An Phú đã được bảo lãnh bởi tài sản riêng của Chủ tịch HĐQT Công ty - Ông Đoàn Nguyên Đức và tài sản của một số công ty, cá nhân liên quan khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN
(tiếp theo)

34. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả của Nhóm Công ty với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 9)				
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Chi trả hộ Cho mượn tạm Lãi từ cho vay	59.216.723 331.611 -	4.418.868 - 20.317.649
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	Lãi từ cho vay	44.353.801	84.116.944
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty liên quan	Cho mượn vật tư và tài sản	11.849.169	132.565.743
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Thăng Long	Công ty liên quan	Lãi từ cho vay	7.005.910	-
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Cho mượn tạm Khác	3.965.871 313.680	252.120.865 5.092.869
Khác	Bên liên quan	Lãi từ cho vay	775.018	8.479.067
			127.811.783	507.112.005
Phải thu dài hạn khác (Thuyết minh số 9)				
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Lãi từ cho vay Hợp tác đầu tư	141.245.383 125.750.981	60.368.691 109.650.981
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Thăng Long	Công ty liên quan	Cho mượn vật tư và tài sản	130.284.692	295.543.906
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty liên quan	Cho mượn vật tư và tài sản Lãi từ cho vay	117.720.096 2.551.686	102.439.202 -
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	Lãi từ cho vay	110.903.413	20.987.500
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Lãi từ cho vay	11.386.457	-
			639.842.708	588.990.280

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN
(tiếp theo)

34. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả của Nhóm Công ty với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 18)				
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Mua vật tư Mua các khoản đầu tư Mua tài sản cố định Khác	(236.543.574)	(294.126.649)
			-	(12.828.645)
			-	(6.718.545)
			-	(24.707)
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Mua hàng hóa và dịch vụ Mua tài sản cố định	(101.950.898)	(38.299.440)
			-	(19.290.278)
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	(83.166.966)	-
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Thuê kho	(22.997.784)	-
Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Mua nguyên vật liệu	(944.414)	(1.319.002)
Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Dịch vụ khám chữa bệnh	(837.038)	(179.022)
Khác	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	(2.951.980)	(4.639.711)
			(449.392.654)	(377.425.999)
Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 19)				
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty liên quan	Mua hàng hóa	(123.784.994)	(24.395.000)
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Mua hàng hóa	(22.074.780)	(21.993.920)
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Mua hàng hóa	(20.904)	(20.904)
			(145.880.678)	(46.409.824)

B09-DN/HN
(tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả của Nhóm Công ty với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 23)				
Công ty Cổ phần Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty liên quan	Nhận vốn góp Chi phí lãi vay	(500.000.000) (10.120.174)	- -
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Chi phí lãi vay Mượn tiền	(256.888.296) (4.907.428)	(514.370.003) -
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Mượn tạm Chi phí lãi vay Khác	(243.676.688) (40.329.333) (6.422.202)	(404.622.013) - -
Công ty TNHH Dịch vụ Nông Nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Hợp tác kinh doanh Mượn tiền	(150.000.000) (4.100.000)	- -
Công ty TNHH Điện Nậm Kông 3	Công ty liên quan	Mượn tiền	(90.788.879)	(499.290.919)
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Mượn tiền Chi phí lãi vay	(67.800.000) (5.260.420)	- -
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai - Bangkok	Công ty liên quan	Mượn tiền	(7.037.479)	(7.369.738)
Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Mượn tiền	(5.950.000)	(1.943.782)
Công ty TNHH An Tiến	Công ty liên quan	Cổ tức	(2.034.000)	(2.034.000)
Công ty TNHH Khoáng sản Hoàng Anh Sê Kông	Công ty liên quan	Mượn tiền	(1.081.374)	(1.457.363)
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Bên liên quan	Mượn tiền	(679.085)	(22.000.000)
Ông Dương Hoàng Bắc	Bên liên quan	Mượn tiền	(247.500)	-
Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Khác	(192.220)	(158.882)
			(1.397.515.078)	(1.453.246.700)
Phải trả dài hạn khác (Thuyết minh số 23)				
Công ty TNHH Điện Nậm Kông 3	Công ty liên quan	Mượn tiền	(616.381.679)	-
Công ty TNHH An Tiến	Công ty liên quan	Hợp tác kinh doanh	(550.000.000)	(550.000.000)
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Chi phí lãi vay Hợp tác kinh doanh Mượn tiền	(893.574.118) (514.788.889) (20.777.918)	(136.237.677) (493.211.100) -
			(2.595.522.604)	(1.179.448.777)

34. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả của Nhóm Công ty với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

			Ngàn VND	
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 24.6)				
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Vay dài hạn đến hạn trả	(478.500.000)	(333.097.953)
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Vay dài hạn đến hạn trả	(298.000.000)	-
Công ty Cổ phần Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Công ty liên quan	Vay ngắn hạn	(12.091.300)	-
Ông Dương Hoàng Bắc	Bên liên quan	Vay ngắn hạn	(7.823.000)	(7.823.000)
			(796.414.300)	(340.920.953)
Vay dài hạn (Thuyết minh số 24.6)				
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Vay dài hạn	(4.898.429.558)	(9.353.141.757)
Công ty Cổ phần Thủy Điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Vay dài hạn	(126.168.000)	-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Vay dài hạn	-	(298.000.000)
			(5.024.597.558)	(9.651.141.757)

Lương, thưởng và thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc như sau:

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương, thù lao và thưởng	7.126.024	6.012.691

35. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty thuê nhiều lô đất tại Việt Nam, Lào và Campuchia để xây dựng nhà xưởng, khách sạn, trồng cây cao su và các loại cây trồng khác và thuê văn phòng theo hình thức thuê hoạt động. Tiền thuê cam kết theo các hợp đồng thuê này như sau:

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	27.650.133	37.971.585
Từ 1 đến 5 năm	110.600.534	183.123.566
Trên 5 năm	1.035.411.507	2.642.095.589
TỔNG CỘNG	1.173.662.174	2.863.190.740

36. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các loại ngoại tệ:		
- LAK	1.258.686.556	9.035.600.152
- Riels Campuchia (KHR)	241.523.551	111.306.843
- USD	830.508	1.182.684
- EUR	-	1.259

37. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Cam kết quan trọng

Theo hợp đồng chuyển nhượng vốn góp ngày 22 tháng 5 năm 2017 giữa Nhóm Công ty, Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh, cùng thỏa thuận ngày 15 tháng 6 năm 2017, Nhóm Công ty cam kết chịu trách nhiệm vô điều kiện và không hủy ngang đối với bất kỳ khoản nợ, phạt, bồi thường, nghĩa vụ tài chính và/hoặc bất kỳ cam kết bảo lãnh, nhận nợ, biện pháp đảm bảo nào khác (dù là hiện hữu chưa được phản ánh hoặc tiềm tàng) mà Nhóm Công ty Mía đường có nghĩa vụ thực hiện đối với bất kỳ bên thứ ba (bao gồm cả đối với Chính phủ Lào và/hoặc chính phủ Việt Nam) phát sinh vào và trước ngày 31 tháng 8 năm 2016 nhưng chưa được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất ngày 31 tháng 8 năm 2016 của Nhóm Công ty Mía đường, bao gồm nhưng không bị hạn chế bởi các khoản phải nộp liên quan đến:

(a) Thuế, phí, lệ phí đối với chuyển lợi nhuận từ Nhóm Công ty Mía đường tại Lào về cho Công ty tại Việt Nam theo quy định pháp luật tại Lào và Việt nam;

(b) Thuế nhà thầu hoặc thuế có tính chất tương tự đối với hoạt động xây dựng, giải phóng mặt bằng liên quan đến nhà máy và vùng nguyên liệu của Nhóm Công ty Mía đường;

(c) Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và thuế thu nhập cá nhân của người lao động làm việc tại Nhóm Công ty Mía đường;

(d) Thuế giá trị gia tăng liên quan đến giao dịch chuyển nhượng tài sản thuộc hoạt động trồng cỏ và nuôi bò của Nhóm Công ty Mía đường; và

(e) Các nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ thuế khác, các trách nhiệm bồi thường, tố tụng về mặt pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty Mía đường trước ngày 31 tháng 8 năm 2016.

Dự phòng bảo hành các dự án xây dựng Sân bay

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, Nhóm Công ty đang tiếp tục thực hiện và hoàn thiện các hạng mục còn lại của hai dự án xây dựng sân bay Quốc tế Attapeu tại Tỉnh Attapeu và sân bay Quốc tế Nongkhang tại Tỉnh Huaphan, nước Cộng hòa Dân chủ - Nhân dân Lào. Nhóm Công ty chưa ghi nhận khoản dự phòng bảo hành cho các dự án này, vì các dự án chưa được quyết toán hoàn thành và bàn giao cho chủ đầu tư.

Theo quy định tại điều 13.2 Hợp đồng về Dự án xây dựng Sân bay Attapeu số LAO-ATP(01) tháng 1 năm 2013 và điều 13.2 Hợp đồng về Dự án xây dựng Sân bay Nongkhang số LAO-NKP(01) ngày 15 tháng 6 năm 2013 thời gian bảo hành sẽ kéo dài trong thời gian một năm kể từ ngày bàn giao các dự án.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN
(tiếp theo)

38. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Nhóm công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty được xác định theo địa điểm của tài sản của Nhóm Công ty. Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa điểm địa lý của khách hàng của Nhóm Công ty.

38.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Nhóm Công ty được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm và dịch vụ và bao gồm các bộ phận báo cáo theo hoạt động như sau:

- Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp: trồng cao su, cọ dầu, thu hoạch, chế biến và bán mù cao su, đường, cọ dầu và các loại cây trồng khác;
- Chăn nuôi và kinh doanh bò thịt và bò sữa;
- Thương mại và dịch vụ: dịch vụ xây dựng, mua bán và vận chuyển hàng hóa; và
- Khác: bán căn hộ, cho thuê văn phòng và dịch vụ khách sạn.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các bộ phận được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho việc ra quyết định, phân bổ nguồn lực và đánh giá thành tích. Thành tích của các bộ phận được đánh giá dựa trên kết quả lãi lỗ mà trên một số khía cạnh, như được trình bày trong bảng dưới đây, được đo lường khác với kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Nguồn tài trợ, bao gồm thu nhập và chi phí từ hoạt động tài chính; và thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý tập trung ở cấp độ Nhóm Công ty chứ không phân bổ cho các bộ phận.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN
(tiếp theo)

38. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

38.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Trồng cây		Chăn nuôi		Thương mại và dịch vụ		Khác		Loại trừ		Tổng cộng	
												Ngàn VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016												
<i>Doanh thu</i>												
Giữa các bộ phận	720.088.085	3.468.681.428	564.111.297	31.269.126	31.269.126	-	4.784.149.936					
Từ khách hàng bên ngoài	202.221.947	213.661.892	299.103.961	-	-	(714.987.800)	-					
Tổng cộng	922.310.032	3.682.343.320	863.215.258	31.269.126	31.269.126	(714.987.800)	4.784.149.936					
<i>Kết quả hoạt động kinh doanh</i>												
Kết quả của bộ phận	(166.361.376)	420.405.342	(93.830.721)	(240.728)	(240.728)	-	159.972.517					
Chi phí không phân bổ							(1.212.272.054)					
Lỗ trước thuế, doanh thu tài chính và chi phí tài chính							(1.052.299.537)					
Thu nhập tài chính							230.097.487					
Chi phí tài chính							(840.423.931)					
Chia lãi trong công ty liên kết							15.581.670					
Lỗ trước thuế	(1.052.299.537)	420.405.342	(93.830.721)	(240.728)	(240.728)	-	(1.647.044.311)					
Thuế TNDN hiện hành							(2.769.781)					
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại							(128.038.244)					
Lỗ thuần trong năm	(1.647.044.311)	420.405.342	(93.830.721)	(240.728)	(240.728)	-	(1.777.852.336)					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016												
<i>Tài sản và nợ phải trả</i>												
Tài sản của bộ phận	25.508.674.851	2.551.785.637	1.128.255.807	1.526.216.329	1.526.216.329	-	30.714.932.624					
Tiền							311.458.305					
Đầu tư vào công ty liên kết							889.561.285					
Tài sản không phân bổ							3.079.267.296					
Tổng tài sản	(23.150.275.272)	(2.545.288.799)	(10.239.876.051)	(58.145.007)	(58.145.007)	-	34.995.219.510					
<i>Nợ phải trả của bộ phận</i>												
Nợ phải trả không phân bổ							(36.493.585.129)					
Tổng nguồn vốn	(34.995.219.510)	(34.995.219.510)	(34.995.219.510)	(34.995.219.510)	(34.995.219.510)	(34.995.219.510)	(34.995.219.510)					

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN
(tiếp theo)

Ngàn VND

38. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)
38.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Trồng cây	Chăn nuôi	Thương mại và dịch vụ	Khác	Loại trừ	Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017						
<i>Doanh thu</i>						
Từ khách hàng bên ngoài	2.210.285.404	757.655.995	299.676.384	53.403.446	-	3.321.021.229
Giữa các bộ phận	559.863.484	55.487.184	331.220.635	-	(946.571.303)	-
Tổng cộng	2.770.148.888	813.143.179	630.897.019	53.403.446	(946.571.303)	3.321.021.229
<i>Kết quả hoạt động kinh doanh</i>						
Kết quả của bộ phận	975.569.857	66.189.329	175.278.434	(2.515.000)	-	1.214.522.620
Chi phí không phân bổ						(905.480.308)
Lợi nhuận trước thuế: doanh thu tài chính và chi phí tài chính						309.042.312
Thu nhập tài chính						1.014.721.130
Chi phí tài chính						(854.439.086)
Chia lỗ trong công ty liên kết						(28.069.575)
Lợi nhuận trước thuế						441.254.781
Thuế TNDN hiện hành						(23.890.080)
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại						113.097.948
Lợi nhuận thuần trong năm						530.462.649
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017						
<i>Tài sản và nợ phải trả</i>						
Tài sản của bộ phận	34.784.990.216	2.723.388.484	14.427.600.942	1.357.047.539	-	53.293.027.181
Tiền và các khoản tương đương tiền						53.262.986
Đầu tư vào công ty liên kết						861.491.710
Tài sản không phân bổ						(21.925.601.632)
Tổng tài sản						32.282.180.245
Nợ phải trả của bộ phận	(45.579.482.432)	(2.820.100.521)	(19.564.982.959)	(11.659.567)	-	(67.976.225.479)
Nợ phải trả không phân bổ						35.694.045.234
Tổng nguồn vốn						(32.282.180.245)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN
(tiếp theo)

Ngàn VND

38. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)
38.2 Bộ phận theo khu vực địa lý

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty như sau:

	Việt Nam	Lào	Campuchia	Trung Quốc	Khác	Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016						
<i>Doanh thu từ khách hàng bên ngoài</i>	2.238.488.615	2.481.047.985	64.613.336	-	-	4.784.149.936
Chi phí hình thành tài sản cố định hữu hình	46.169.172	1.014.048.859	498.371.847	-	-	1.558.589.878
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016						
<i>Các thông tin bộ phận khác</i>						
Tài sản bộ phận	8.806.043.239	13.254.971.611	8.653.917.774	-	-	30.714.932.624
Tiền và các khoản tương đương tiền						311.458.305
Đầu tư vào công ty liên kết						889.561.285
Tài sản không phân bổ						3.079.267.296
Tổng tài sản						34.995.219.510
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017						
<i>Doanh thu từ khách hàng bên ngoài</i>	1.712.495.133	1.310.131.636	177.864.693	120.529.767	-	3.321.021.229
Chi phí hình thành tài sản cố định	186.235.330	856.307.845	320.475.171	-	-	1.363.018.346
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017						
<i>Các thông tin bộ phận khác</i>						
Tài sản bộ phận	15.348.921.328	13.729.825.576	11.530.837.100	(12.794.025.443)	-	27.815.558.561
Tiền và các khoản tương đương tiền						53.262.986
Đầu tư vào công ty liên kết						861.491.710
Tài sản không phân bổ						3.551.866.988
Tổng tài sản						32.282.180.245

39. ĐIỀU CHỈNH LẠI CÁC DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Nhóm Công ty đã bàn giao các chức vụ quản lý chủ chốt của Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai và Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu (“Nhóm công ty Mía đường”) cùng với quyền vận hành, quản lý kinh doanh đối với nhà máy đường, nông trường mía và các tài sản liên quan thuộc Nhóm công ty Mía đường cho một bên thứ ba từ ngày 31 tháng 8 năm 2016. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Nhóm Công ty, hai bên đang tiến hành các thủ tục pháp lý để hoàn tất giao dịch chuyển nhượng cổ phần của Nhóm công ty Mía đường này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Ban Giám đốc Công ty xác định đã chấm dứt toàn bộ quyền kiểm soát đối với Nhóm công ty Mía đường sau ngày 31 tháng 8 năm 2016 và đã sử dụng số liệu của bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 8 năm 2016 và của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 8 tháng kết thúc cùng ngày của Nhóm công ty Mía đường để hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Nhóm Công ty.

Trong kỳ, các hồ sơ pháp lý liên quan đến nghiệp vụ chuyển nhượng 100% sở hữu của Nhóm Công ty tại Nhóm công ty Mía đường cho bên thứ ba đã hoàn tất vào ngày 22 tháng 5 năm 2017. Theo đó, Ban Giám đốc Nhóm Công ty đã xem xét lại và kết luận rằng Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát Nhóm công ty Mía đường kể từ ngày này và đã quyết định điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 các ảnh hưởng của nghiệp vụ này do việc hợp nhất lại báo cáo tài chính của Nhóm công ty Mía đường cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 vào báo cáo tài chính cùng kỳ của Nhóm Công ty.

Sau thời điểm nhận bàn giao các chức vụ quản lý cùng với quyền vận hành, quản lý kinh doanh đối với nhà máy đường, nông trường mía và các tài sản liên quan từ ngày 31 tháng 8 năm 2016, Ban Giám đốc của Nhóm công ty Mía đường đã tiến hành kiểm kê, đánh giá tài sản để phù hợp với cách thức sản xuất kinh doanh mới. Theo đó, một số tài sản đã được ghi giảm giá trị hoặc xóa sổ theo quy định.

Ngoài ra, một số dữ liệu tương ứng trong bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.

Chi tiết ảnh hưởng của các điều chỉnh và phân loại trên như sau:

	Ngàn VND		
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 <i>(đã được trình bày trước đây)</i>	Điều chỉnh và phân loại lại	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 <i>(trình bày lại)</i>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT			
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	6.643.444.600	(168.688.445)	6.474.756.155
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>308.340.423</i>	<i>3.117.882</i>	<i>311.458.305</i>
Tiền	293.340.423	3.117.882	296.458.305
<i>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<i>4.648.948.580</i>	<i>(1.010.395)</i>	<i>4.647.938.185</i>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.680.875.463	(1.180.433)	1.679.695.030
Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.732.975.730	603.480	1.733.579.210
Phải thu ngắn hạn khác	840.786.681	364.860	841.151.541
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(5.180.000)	(798.302)	(5.978.302)
<i>III. Hàng tồn kho</i>	<i>1.671.761.591</i>	<i>(176.355.025)</i>	<i>1.495.406.566</i>
Hàng tồn kho	1.704.449.696	(23.918.187)	1.680.531.509
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(32.688.105)	(152.436.838)	(185.124.943)
<i>IV. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>14.394.006</i>	<i>5.559.093</i>	<i>19.953.099</i>
Chi phí trả trước ngắn hạn	2.967.605	5.041.183	8.008.788
Thuế GTGT được khấu trừ	6.115.529	517.910	6.633.439

39. ĐIỀU CHỈNH LẠI CÁC DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG (tiếp theo)

Chi tiết ảnh hưởng của các điều chỉnh hồi tố này như sau: (tiếp theo)

	Ngàn VND		
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 <i>(đã được trình bày trước đây)</i>	Điều chỉnh và phân loại lại	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 <i>(trình bày lại)</i>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT			
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	28.824.808.449	(304.345.094)	28.520.463.355
<i>I. Tài sản cố định</i>	<i>7.072.654.253</i>	<i>(223.766.943)</i>	<i>6.848.887.310</i>
Tài sản cố định hữu hình	7.036.174.317	(223.766.943)	6.812.407.374
- Nguyên giá	8.209.060.771	(193.374.161)	8.015.686.610
- Giá trị khấu hao lũy kế	(1.172.886.454)	(30.392.782)	(1.203.279.236)
<i>II. Tài sản dở dang dài hạn</i>	<i>13.359.625.077</i>	<i>760.793</i>	<i>13.360.385.870</i>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13.359.625.077	760.793	13.360.385.870
<i>III. Đầu tư tài chính dài hạn</i>	<i>896.161.285</i>	<i>(6.600.000)</i>	<i>889.561.285</i>
Đầu tư vào công ty liên kết	896.161.285	(6.600.000)	889.561.285
<i>IV. Tài sản dài hạn khác</i>	<i>4.971.332.020</i>	<i>(74.738.944)</i>	<i>4.896.593.076</i>
Chi phí trả trước dài hạn	1.026.392.360	(74.738.944)	951.653.416
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	35.468.253.049	(473.033.539)	34.995.219.510
A. NỢ PHẢI TRẢ	24.984.262.903	287.887.244	25.272.150.147
<i>I. Nợ ngắn hạn</i>	<i>6.124.980.643</i>	<i>197.772.146</i>	<i>6.322.752.789</i>
Phải trả người bán ngắn hạn	644.831.970	102.294.752	747.126.722
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	180.807.868	74.678.426	255.486.294
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	120.251.709	(96.973)	120.154.736
Phải trả người lao động	52.564.498	(1.640.196)	50.924.302
Chi phí phải trả ngắn hạn	144.091.844	275.781.803	419.873.647
Phải trả ngắn hạn khác	2.834.677.638	(772.921.804)	2.061.755.834
Vay ngắn hạn	2.138.653.364	519.676.138	2.658.329.502
<i>II. Nợ dài hạn</i>	<i>18.859.282.260</i>	<i>90.115.098</i>	<i>18.949.397.358</i>
Phải trả dài hạn khác	1.309.428.416	97.887.643	1.407.316.059
Vay dài hạn	17.257.342.463	175.222.723	17.432.565.186
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	21.285.888	88.230.225	109.516.113
Dự phòng phải trả dài hạn	271.225.493	(271.225.493)	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	10.483.990.146	(760.920.783)	9.723.069.363
<i>I - Vốn chủ sở hữu</i>	<i>10.483.990.146</i>	<i>(760.920.783)</i>	<i>9.723.069.363</i>
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	546.519.640	(3.176.764)	543.342.876
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.141.711.973	(757.850.298)	383.861.675
lũy kế đến cuối năm trước	59.768.773	106.279	59.875.052
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	-	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	35.468.253.049	(473.033.539)	34.995.219.510

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN
(tiếp theo)

39. ĐIỀU CHỈNH LẠI CÁC DỮ LIỆU TƯƠNG ƯNG (tiếp theo)

Chi tiết ảnh hưởng của các điều chỉnh hồi tố này như sau: (tiếp theo)

	Ngàn VND		
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 <i>(đã được trình bày trước đây)</i>	Ảnh hưởng của việc điều chỉnh lại	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 <i>(trình bày lại)</i>
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT			
Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.777.217.797	8.181.852	4.785.399.649
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.775.968.084	8.181.852	4.784.149.936
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(4.265.868.089)	(358.309.330)	(4.624.177.419)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	510.099.995	(350.127.478)	159.972.517
Doanh thu hoạt động tài chính	236.063.665	(5.966.178)	230.097.487
Chi phí tài chính	(779.118.866)	(61.305.065)	(840.423.931)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	(701.146.747)	(49.019.695)	(750.166.442)
Chi phí bán hàng	(88.270.096)	(551.813)	(88.821.909)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(306.168.650)	(9.706.467)	(315.875.117)
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh	(411.812.282)	(427.657.001)	(839.469.283)
Thu nhập khác	146.890.520	57.405	146.947.925
Chi phí khác	(712.608.755)	(241.914.198)	(954.522.953)
Lỗ khác	(565.718.235)	(241.856.793)	(807.575.028)
Tổng lỗ kế toán trước thuế	(977.530.517)	(669.513.794)	(1.647.044.311)
Chi phí thuế hoãn lại	(39.808.019)	(88.230.225)	(128.038.244)
Lỗ sau thuế TNDN	(1.020.108.317)	(757.744.019)	(1.777.852.336)
Lỗ sau thuế của công ty mẹ	(984.862.782)	(757.850.298)	(1.742.713.080)
Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát	(35.245.535)	106.279	(35.139.256)
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	(1.298)	(999)	(2.297)
Lỗ suy giảm trên cổ phiếu	(1.298)	(999)	(2.297)

B09-DN/HN
(tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

40. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 23, vào ngày 9 tháng 3 năm 2018, Công ty đã hoàn tất việc phát hành riêng lẻ 119.700.000 cổ phiếu để hoán đổi nợ vay thành vốn cổ phần.

Theo đó, vốn cổ phần đăng ký của Công ty tăng từ 7.671.438.950 ngàn VND lên 8.868.438.950 ngàn VND. Vào ngày 30 tháng 3 năm 2018, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai ban hành Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh, chấp thuận việc tăng vốn nói trên.

Vào ngày 20 tháng 3 năm 2018, Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên, Công ty con trong Nhóm Công ty, đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tương ứng với 23,46 % tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai, hiện là công ty liên kết, cho Công ty Cổ phần Thực phẩm Heygo. Theo đó, Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai không còn là công ty liên kết trong Nhóm Công ty.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.



Phạm Thị Lưu Ly
Người lập



Hồ Thị Tuyết Loan
Kế toán trưởng



Võ Thị Mỹ Hạnh
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2018



Vui lòng truy cập vào website
[http://haagrigo.com.vn/nha-dau-tu/thong-tin-tai-chinh/
bao-cao-thuong-nien/](http://haagrigo.com.vn/nha-dau-tu/thong-tin-tai-chinh/bao-cao-thuong-nien/)
Cập nhật thông tin và các chi tiết về hoạt động mới nhất của
HAGL Agrico có thể xem thêm tại website
<http://haagrigo.com.vn/>



HAGL Agrico

Địa chỉ trụ sở chính:

📍 15 Trường Chinh, Phường Phù Đổng,
Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

📞 (84.269) 22 22 283

📠 (84.269) 22 22 218

🌐 www.haagrico.com.vn